

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN

KẾ HOẠCH BÀI DẠY NGỮ VĂN LỚP 12

GV: Lê Thị Hiệp

BÀI 3

LẬP LUẬN TRONG VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

(Thời gian thực hiện: 10 tiết)

(Đọc: 6 tiết; Thực hành tiếng Việt: 1 tiết; Viết: 2 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

VĂN BẢN 1

Tiết: 23-24

NHÌN VỀ VỐN VĂN HOÁ DÂN TỘC

(Trích - Trần Đình Hượu)

(Thời gian thực hiện: 02 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Học sinh nhận biết được một số mặt của vốn văn hoá dân tộc; nắm được những nét đặc thù của văn hoá Việt Nam; định hướng mà tác giả gợi ý cho việc tìm hiểu, nghiên cứu bản sắc văn hoá Việt Nam; nhận thức rõ tính cấp thiết của việc giữ gìn, phát huy, phát triển vốn văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.
- Học sinh nhận biết được luận đề, các luận điểm, cách thức lập luận của tác giả thể hiện trong từng luận điểm và cả đoạn trích; việc sử dụng phối hợp các thao tác trong bài nghị luận để tăng sức thuyết phục cho bài viết.
- Nhận biết được mục đích của người viết; biết tiếp nhận, đánh giá, phê bình nội dung văn bản với tư duy phê phán, dựa trên trải nghiệm và quan điểm của người đọc.
- Phân tích và đánh giá được việc sử dụng một số thao tác như chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh trong văn bản nghị luận.

2. Về năng lực: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

3. Về phẩm chất: Nhận thức rõ tính cấp thiết của việc giữ gìn, phát huy, phát triển vốn văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, giấy A2 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Tổ chức

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Bài mới

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu

- HS hứng thú với bài học.
- Huy động những trải nghiệm và kiến thức liên quan nội dung chủ đề bài học.

b. Nội dung: HS huy động hiểu biết để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS xem Clip https://youtu.be/bbNTUtA7p0Y?si=Pgzg8gvE1NK_5C6E - HS làm việc theo hình thức cặp đôi để trả lời nhanh 02 câu hỏi: ? Video đề cập đến vấn đề gì? ? Chia sẻ một vài suy nghĩ của em về vấn đề đặt ra trong video Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS bàn bạc, trao đổi theo hình thức cặp đôi để thực hiện nhiệm vụ. - GV quan sát, khích lệ, động viên HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV tổ chức hoạt động. - Đại diện HS trả lời câu hỏi. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, bổ sung, dẫn vào bài: <i>Qua việc xem video và lắng nghe những chia sẻ của các bạn, chúng ta đã nhận thấy ý nghĩa của việc bảo tồn và phát triển những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc trong thời kì hội nhập hiện đại. Nhưng để bảo tồn và phát triển được những nét đẹp văn hoá đó thì trước hết chúng ta cần có sự hiểu biết và cái nhìn thấu đáo về văn hoá Việt Nam. Và văn bản Nhìn về vốn văn hoá dân tộc của tác giả Trần Đình Huợu sẽ cho chúng ta thêm những góc nhìn, sự đánh giá về văn hoá của người Việt.</i>	- Video đề cập đến vấn đề: Sự nỗ lực của các nghệ sĩ để làm mới nghệ thuật truyền thống: bảo tồn và phát triển những nét văn hoá truyền thống trong thời kì hội nhập hiện đại - Học sinh chia sẻ các suy nghĩ của mình về một khía cạnh nào đó của vấn đề đặt ra trong video. Có thể về các khía cạnh: + Giá trị của các bộ môn nghệ thuật truyền thống trong đời sống hiện đại + Vì sao cần làm mới nghệ thuật truyền thống? + Giới trẻ tiếp cận với nghệ thuật truyền thống với thái độ như thế nào?

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Nội dung 1. TÌM HIỂU TRI THỨC NGŨ VĂN****a. Mục tiêu hoạt động**

- Nhận biết được cấu trúc của văn bản nghị luận với các thành tố: luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng với nhau.
- Nhận biết được các yếu tố hỗ trợ (thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm) và vai trò của chúng trong văn bản nghị luận.
- Vận dụng kiến thức trong phần “Tri thức ngữ văn” để áp dụng vào văn bản luyện tập.

b. Nội dung: hoạt động cá nhân hoàn thành phiếu học tập**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS trên phiếu của hs**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm				
Bước 1. Gv chuyển giao nhiệm vụ - Đọc kĩ phần Tri thức Ngữ văn (SGK) - Hoạt động cá nhân (5 phút) để hoàn thành phiếu học tập sau: <table border="1" data-bbox="108 1890 686 2128"> <tr> <td>Lập luận trong văn bản nghị luận là gì?</td><td>.....</td></tr> <tr> <td>Các thao tác được sử dụng trong văn bản</td><td>- Chứng minh là... - Bình luận là... - Bác bỏ là...</td></tr> </table>	Lập luận trong văn bản nghị luận là gì?		Các thao tác được sử dụng trong văn bản	- Chứng minh là... - Bình luận là... - Bác bỏ là...	A. Tr thức Ngữ Văn 1. Lập luận trong văn bản nghị luận - Lập luận là sử dụng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc về một vấn đề. Giá trị của văn bản nghị luận được quyết định bởi ý nghĩa của vấn đề đặt ra (luận đề) và nghệ thuật lập luận (cách dùng lí lẽ và bằng chứng) của người viết. 2. Các thao tác được sử dụng trong văn bản nghị luận - Văn bản nghị luận thường dùng các thao tác như
Lập luận trong văn bản nghị luận là gì?					
Các thao tác được sử dụng trong văn bản	- Chứng minh là... - Bình luận là... - Bác bỏ là...				

nghị luận	- Giải thích là..... - Phân tích là..... - So sánh là.....	chứng minh, bình luận, bác bỏ để phục vụ trực tiếp cho mục đích thuyết phục. + Chứng minh là dùng lí lẽ và bằng chứng giúp người đọc thấy rằng ý kiến được nêu là hoàn toàn có cơ sở, đáng tin cậy. Tùy đề tài cụ thể, người viết chọn bằng chứng từ thực tế cuộc sống hoặc từ tài liệu khoa học, báo chí tác phẩm văn học, nghệ thuật,... + Bình luận là đánh giá về sự đúng - sai, hay – dở, tốt - xấu, tích cực – tiêu cực của một quan điểm, ý kiến, sự việc, hành động... nhằm thể hiện rõ chủ kiến của người viết. + Bác bỏ là chỉ ra sự sai lầm, phiến diện hoặc thiếu chính xác của một quan điểm, ý kiến, từ đó cũng có điều được người viết xem là lẽ phải, chân lí. - Bên cạnh đó, văn bản nghị luận cũng có thể dùng những thao tác như giải thích, phân tích, so sánh giúp làm rõ các khía cạnh của vấn đề nghị luận: + Giải thích là cắt nghĩa về đối tượng (sự vật, hiện tượng, khái niệm,..) một cách chi tiết, tỉ mỉ, tạo điều kiện cho người đọc hiểu rõ vấn đề được bàn luận trong văn bản. + Phân tích là chia tách đối tượng thành nhiều bộ phận, giúp người đọc nhìn thấy rõ hơn các yếu tố và mối quan hệ giữa các yếu tố tạo nên nó. + So sánh là đặt đối tượng này bên cạnh đối tượng khác để nhận ra điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng, qua đó, làm nổi bật nét đặc thù của đối tượng được bàn luận. - Trong bài văn nghị luận, các thao tác trên đây thường được phối hợp với nhau một cách linh hoạt nhằm đạt hiệu quả thuyết phục cao nhất. 3. Lỗi logic của câu - Câu mắc lỗi logic là câu có sự mâu thuẫn trong nội dung biểu đạt hoặc vênh lệch giữa các vế câu xét trên phương diện hình thức. - 4. Lỗi câu mơ hồ - Câu mơ hồ là câu khiến người đọc có thể hiểu theo những cách khác nhau.
Lỗi viết câu	- Lỗi logic của câu:.. - Lỗi câu mơ hồ:.....	

Bước2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS hoàn thiện phiếu học tập để tóm tắt kiến thức.

Bước 3. Báo cáo thảo luận

- GV gọi 1,2 HS trình bày.
- Các HS khác lắng nghe và góp ý.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- Gv nhận xét chung.
- GV chốt kiến thức cơ bản.

Nội dung 2: ĐỌC VĂN BẢN 1

Hoạt động I: Đọc và tìm hiểu khái quát

a. Mục tiêu

- HS biết đọc một văn bản nghị luận. Nắm vững các kĩ năng đọc.
- Nắm bắt những nét khái quát về tác giả, hoàn cảnh sáng tác của văn bản

b. Nội dung: HS chuẩn bị trước ở nhà để tìm hiểu kiến thức chung về tác giả, tác phẩm.

- Đọc diễn cảm văn bản.
- Tóm tắt các thông tin về tác giả, tác phẩm.

c. Sản phẩm: Phân đọc và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
-----------------	------------------

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ 1. Đọc: - Gv hướng dẫn cách đọc văn bản nghị luận - Học sinh đọc văn bản 2. Tóm tắt những thông tin cơ bản về tác giả và hoàn cảnh ra đời của văn bản? Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà Bước 3. Báo cáo thảo luận. - GV gọi 1, 2 HS đọc diễn cảm trước lớp và chia sẻ kỹ năng đọc. - GV gọi 1, 2 HS nêu những thông tin nổi bật nhất về tác giả, văn bản. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV gọi HS nhận xét. - GV nhận xét chung và chốt lại các thông tin cơ bản.	B. Tìm hiểu văn bản 1 I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả - Trần Đình Hượu (1927 – 1995), ông là nghiên cứu sinh ở Đại học tổng hợp Lô-mô-nô-sôp, là giảng viên môn Ngữ văn tại Đại học tổng hợp Hà Nội. - Năm 1994, ông giảng dạy tại Đại học普罗 - văng - xơ thuộc Cộng hòa Pháp. - Ông là chuyên gia nghiên cứu tư tưởng phương Đông, văn hoá, văn học Việt Nam thời trung đại và giai đoạn giao thời. - Ông có tư tưởng nghiên cứu độc lập, đã nêu được những vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận quan trọng đối với việc tìm hiểu, đánh giá nền tư tưởng, văn học truyền thống, đồng thời gọi ra được những hướng nghiên cứu mới mẻ về các mẫu hình nhà Nho và loại hình tác giả trong văn học trung đại Việt Nam. - Ông được tặng Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ năm 2000. 2. Tác phẩm a. Xuất xứ - Xuất xứ: trích từ phần II, bài tiểu luận “<i>Vấn đề tìm đặc sắc văn hóa dân tộc</i>”, in trong cuốn “<i>Đến hiện đại từ truyền thống</i>” b. Nội dung chính - Từ vốn hiểu biết sâu sắc về văn hóa dân tộc, tác giả đã phân tích rõ những mặt tích cực và một số hạn chế của văn hóa truyền thống. - Nắm vững bản sắc văn hóa dân tộc, chúng ta có thể phát huy điểm mạnh, khắc phục những hạn chế để hội nhập với thế giới trong thời đại ngày nay. c. Bố cục - Phần 1 (từ đầu đến “<i>chắc chắn có liên quan gần gũi với nó</i>”): Nêu một số nhận xét về vấn đề văn hóa của dân tộc - Phần 2 (tiếp đó đến “<i>để lại dấu vết khá rõ trong văn học</i>”): Đặc điểm của văn hóa Việt Nam - Phần 3 (còn lại): Con đường hình thành bản sắc văn hóa dân tộc
---	---

Hoạt động II: Khám phá văn bản.

a. Mục tiêu hoạt động:

- Nhận biết được một số mặt của vốn văn hoá dân tộc; nắm được những nét đặc thù của văn hoá Việt Nam; định hướng mà tác giả gợi ý cho việc tìm hiểu, nghiên cứu bản sắc văn hoá Việt Nam; nhận thức rõ tính cấp thiết của việc giữ gìn, phát huy, phát triển vốn văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.
- Nắm được luận đề, các luận điểm, cách thức lập luận của tác giả thể hiện trong từng luận điểm và cả đoạn trích; việc sử dụng phối hợp các thao tác trong bài nghị luận để tăng sức thuyết phục cho bài viết.

b. Nội dung thực hiện: Triển khai đọc hiểu văn bản qua câu hỏi phát vấn, làm việc cá nhân

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ 1: Nêu ý nghĩa nhan đề và vấn đề nghị luận của văn bản Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ. - HS tìm hiểu ý nghĩa nhan đề văn bản và xác định vấn đề nghị luận	II. Khám phá văn bản 1. Ý nghĩa nhan đề và vấn đề nghị luận của văn bản (luận đề) - Ý nghĩa nhan đề: + <i>Nhìn về:</i> tìm hiểu, khám phá. Kết quả

- Hoạt động cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. - HS đọc kĩ và hoàn thành nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo thảo luận. - Gv gọi học sinh trình bày câu trả lời của mình - Các bạn khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét chung. - Chốt lại kiến thức cơ bản - Gv mở rộng: Nguyên tiêu luận của Trần Đình Hượu có tên là <i>về vấn đề tìm đặc sắc văn hoá dân tộc</i>. Dùng nhan đề <i>Nhìn về vốn văn hoá dân tộc</i>, người biên soạn dựa vào nội dung và cách diễn đạt thận trọng của tác giả ở phần đầu tiểu luận. Mục đích của tác giả khi viết tiểu luận này là gợi mở hướng nghiên cứu cho một trong những vấn đề thời sự của chiến lược canh tân - phát triển đất nước. Ở vào thời điểm năm 1986, khi công cuộc đổi mới đất nước vừa khởi xướng, việc tác giả không thể hiện thái độ tưng cạ đối với văn hoá dân tộc như cách làm phổ biến một thời là điều rất có ý nghĩa. Cảm hứng tự phê phán trong nghiên cứu - biểu hiện của một tư thế khoa học đáng trọng - là hết sức cần thiết cho sự phát triển đất nước.	của việc tìm hiểu, khám phá là những <i>nhận xét được rút ra</i>. + <i>vốn văn hoá dân tộc</i>: Theo Từ điển tiếng Việt, văn hóa là <i>"tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử"</i> -> là cái ổn định dần, tồn tại cho đến trước thời cận – hiện đại - Vấn đề nghị luận (luận đề): Vấn đề nghị luận của văn bản được nêu khái quát trong một vế câu ở phần đầu: "chúng tôi xin đưa ra một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hoá dân tộc". -> Nhận xét: Nội dung này hoàn toàn thống nhất với nhan đề của đoạn trích (<i>Nhìn về vốn văn hoá dân tộc</i>).
--	--

Hoạt động II: Khám phá văn bản.

a. Mục tiêu hoạt động

- Nhận biết được một số mặt của vốn văn hoá dân tộc; nắm được những nét đặc thù của văn hoá Việt Nam; định hướng mà tác giả gợi ý cho việc tìm hiểu, nghiên cứu bản sắc văn hoá Việt Nam; nhận thức rõ tính cấp thiết của việc giữ gìn, phát huy, phát triển vốn văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế.
- Nắm được luận đề, các luận điểm, cách thức lập luận của tác giả thể hiện trong từng luận điểm và cả đoạn trích; việc sử dụng phối hợp các thao tác trong bài nghị luận để tăng sức thuyết phục cho bài viết.

b. Nội dung thực hiện: Triển khai đọc hiểu văn bản qua câu hỏi phát vấn, làm việc cá nhân, nhóm

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm	
Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về cấu trúc của văn bản nghị luận Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ. GV yêu cầu học sinh xác định cấu trúc của văn bản nghị luận - Hoạt động cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. - HS đọc kĩ và hoàn thành nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo thảo luận. - Gv gọi học sinh trình bày câu trả lời của mình - Các bạn khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét chung. - Chốt lại kiến thức cơ bản	2. Cấu trúc của văn bản nghị luận	
	Luận điểm	Lí lẽ và dẫn chứng
	-Chúng ta không có nền văn hoá đồ sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật. -Người Việt Nam coi trọng cuộc sống	– Thể hiện ở các lĩnh vực văn học, tôn giáo, kĩ thuật, âm nhạc, kiến trúc,... đều không phát triển đến tuyệt kĩ – Chưa bao giờ trong lịch sử dân tộc, một ngành văn hoá nào đó trở thành đài danh dự, thu hút, quy tụ cả nền văn hoá. -lo cho con cháu hơn là linh hồn của mình.

	hiện thế.	- Trong cuộc sống, ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao. - Mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp; ưa chuộng con người hiền lành, tình nghĩa; ca tụng sự khôn khéo;.
	- Người Việt Nam ưa những gì vừa phải, chừng mực, không thích cái hoành tráng, cầu kì.	Làm rõ ở màu sắc, quy mô, giao tiếp, trang phục,
	Tinh thần chung của nền văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà	Lối sống, quan niệm sống,...
	Văn hoá Việt Nam là sự dung hợp giữa cái vốn có, cái riêng và tiếp thu cái bên ngoài	Văn hoá Phật giáo, văn hoá Nho giáo, cái được dân tộc sàng lọc, tinh luyện để thành bản sắc.

Nhiệm vụ 3: Nhận xét về nghệ thuật lập luận của văn bản

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ.

GV yêu cầu học sinh xác tìm hiểu về nghệ thuật lập luận

- **Nhóm 1,2:** Nhận xét về cách nêu vấn đề nghị luận.

- **Nhóm 3,4:** Luận điểm “*giữa các dân tộc, chúng ta không thể tự hào là nền văn hoá của ta đô sộ, có những cống hiến lớn lao cho nhân loại, hay có những đặc sắc nổi bật*” được tác giả chứng minh như thế nào?

- **Nhóm 5,6:** Lập luận của tác giả có sức thuyết phục không? Vì sao?

- Hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.

HS hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ

Bước 3. Báo cáo thảo luận.

- Gv gọi học sinh đại diện nhóm trình bày sản phẩm câu trả lời của nhóm mình

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện:

- GV nhận xét chung.

- Chốt lại kiến thức cơ bản

3. Nghệ thuật lập luận

a. Cách nêu vấn đề nghị luận

Cách nêu vấn đề nghị luận Vấn đề nghị luận “một số nhận xét về vài ba mặt của cái vốn văn hoá dân tộc” được nêu ngắn gọn, trực tiếp bằng một vế của câu mở đầu. Điều đó giúp người đọc xác định dễ dàng vấn đề nghị luận.

b. Luận điểm 1 được tác giả chứng minh qua lí lẽ và bằng chứng ở các lĩnh vực văn học, tôn giáo, triết học, kĩ thuật, âm nhạc, kiến trúc,... Thực tế đó cho thấy, văn hoá Việt Nam là “*văn hoá của dân nông nghiệp định cư, không có nhu cầu lưu chuyển, trao đổi, không có sự kích thích của đô thị*”.

Lập luận của tác giả khá đặc biệt. Bắt đầu, ông không nói về cái có, mà nói về cái không của vốn văn hoá dân tộc. Điều này đi ngược với tư duy và thói quen “ca tụng” về dân tộc mình. Vì thế, người đọc thấy được đặc thù của lối văn “phát biểu ý kiến”, ít có trích dẫn cũng như ít đưa dẫn chứng (ở cấp độ cụ thể, chi tiết), vốn am hiểu sâu sắc các vấn đề hữu quan, đề chia sẻ, tán đồng với tác giả. Tác giả đã sử dụng phép lập luận chứng minh, khẳng định sự đúng đắn của luận điểm.

c. Cách lập luận

– Tác giả sử dụng lập luận chặt chẽ, logic để tăng tính thuyết phục cho bài viết.

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu : Sự kết hợp các thao tác nghị luận Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ. GV yêu cầu học sinh: Nêu và phân tích một số thao tác nghị luận được tác giả sử dụng nhằm làm tăng tính thuyết phục cho văn bản Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. - HS đọc kĩ và hoàn thành nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo thảo luận. - Gv gọi học sinh trình bày câu trả lời của mình - Các bạn khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét chung. - Chốt lại kiến thức cơ bản Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu mục đích, thái độ của người viết Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ. GV yêu cầu học sinh: Nêu và phân tích một số thao tác nghị luận được tác giả sử dụng nhằm làm tăng tính thuyết phục cho văn bản Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ. - HS đọc kĩ và hoàn thành nhiệm vụ Bước 3. Báo cáo thảo luận. - Gv gọi học sinh trình bày câu trả lời của mình - Các bạn khác nhận xét, bổ sung. Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện: - GV nhận xét chung.	– Lập luận của tác giả đi từ khái niệm đến thực trạng, từ thực trạng đến giải pháp 4. Sự kết hợp các thao tác nghị luận – <i>Giải thích:</i> Khái niệm “vốn văn hoá dân tộc” là gì; vai trò, tầm quan trọng; những biểu hiện của việc giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc - <i>Chứng minh:</i> Vai trò, tầm quan trọng của vốn văn hoá dân tộc bằng các dẫn chứng cụ thể (giữ gìn bản sắc dân tộc, tạo nên sự khác biệt; góp phần phát triển kinh tế – xã hội, giáo dục, khoa học kĩ thuật; nâng cao đời sống tinh thần cho con người); thực trạng giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc bằng các dẫn chứng cụ thể về những mặt tích cực (ý thức giữ gìn bản sắc dân tộc được nâng cao, nhiều di sản văn hoá được bảo tồn và phát huy) và những mặt hạn chế (ảnh hưởng của văn hoá ngoại lai, sự mai một của một số giá trị văn hoá truyền thống). – <i>So sánh:</i> Vốn văn hoá dân tộc với các nền văn hoá khác trên thế giới; thực trạng giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc trong quá khứ và hiện tại - <i>Bình luận:</i> Vai trò, tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc; thực trạng giữ gìn và phát huy vốn văn hoá dân tộc. Kết hợp nhuần nhuyễn, linh hoạt và hài hoà các thao tác nghị luận 5. Mục đích, thái độ của người viết – Mục đích: Xem xét, đánh giá về văn hoá dân tộc. – Thái độ khi nghiên cứu về văn hoá Việt Nam: + Thái độ nghiên cứu nghiêm túc từ vốn hiểu biết sâu sắc về văn hoá dân tộc, đã làm rõ những mặt tích cực và tiêu cực của nền văn hoá. + Thái độ khách quan nhìn vấn đề theo nhiều chiều hướng, nhiều mặt khác nhau, giúp vấn đề được nhìn nhận đầy đủ và toàn diện nhất. Thể hiện rõ đặc điểm của nền văn hoá dân tộc, thúc đẩy chúng ta phát huy những điểm mạnh vốn có và khắc phục những hạn chế để hội nhập với thế giới trong thời đại ngày nay.
---	--

Hoạt động III: Luyện tập

a. Mục tiêu

- Xác định được ý nghĩa của văn bản *Nhìn về vốn văn hoá dân tộc*.
- Nhận diện dấu hiệu thể loại và cách đọc hiểu văn bản nghị luận.

b. Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Kết quả của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của Gv và Hs	Dự kiến sản phẩm
B1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi: Câu 1. Nêu ý nghĩa của văn bản Nhìn về vốn văn hoá dân tộc. Câu 2. Nêu những dấu hiệu xác định văn bản Nhìn về vốn văn hoá dân tộc là văn bản nghị luận. Câu 3. Từ việc đọc hiểu văn bản Nhìn về vốn văn hoá dân tộc, hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản nghị luận. B2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận nhóm. B3. Báo cáo thảo luận Đại diện các nhóm trình bày. B4. Đánh giá kết quả thực hiện: GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức.	Câu 1 – Nêu được khái niệm “vốn văn hoá dân tộc”, chỉ ra được thực trạng về những hạn chế và thế mạnh, ý nghĩa và giải pháp. – Tự hào về vốn văn hoá dân tộc: Nền văn hoá phong phú, đa dạng và mang đậm tính nhân văn mà cha ông ta đã dày công vun đắp qua hàng ngàn năm lịch sử – Trách nhiệm giữ gìn và phát huy văn hoá Việt Nam. – Giữ gìn bản sắc dân tộc trong xu thế hội nhập quốc tế. “Nhìn về vốn văn hoá dân tộc” là một lời nhắc nhở cho mỗi người Việt Nam về tầm quan trọng của việc giữ gìn và phát huy văn hoá dân tộc, góp phần xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh. Câu 2 Trao đổi, bàn bạc, trình bày ý kiến về vốn văn hoá dân tộc (luận đề); hệ thống luận điểm; ở mỗi luận điểm lại có lí lẽ và dẫn chứng; có sự kết hợp các thao tác nghị luận; xác định được quan điểm, thái độ của người viết. Câu 3 Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận là: – Đọc kĩ văn bản, xác định vấn đề nghị luận (luận đề). – Xác định cấu trúc nghị luận. – Phân tích nội dung của luận đề, luận điểm. – Phân tích nghệ thuật lập luận. – Phân tích sự kết hợp các thao tác nghị luận .– Phân tích sự kết hợp các phương thức khác như miêu tả, tự sự,... – Xác định được mục đích, quan điểm của người viết.

HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b. Nội dung: HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

Nội dung: Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản Nhìn về vốn văn hoá dân tộc để đoạn văn diễn dịch từ câu chủ đề “*Trong quá trình hiện đại hoá đất nước, việc tìm hiểu truyền thống văn hoá dân tộc là rất cần thiết.*”,

c. Sản phẩm: Đoạn văn của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. GV giao nhiệm vụ như mục Nội dung.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà

Bước 3 – 4. GV yêu cầu HS báo cáo vào buổi học tới. GV tổ chức nhận xét, trao đổi và kết luận
Gợi ý một số câu hỏi giúp HS tìm ý: *Quá trình hiện đại hoá đất nước đã diễn ra như thế nào? Trong quá trình đó, văn hoá có vị trí quan trọng không? Vì sao? Giá trị của văn hoá truyền thống Việt Nam thể hiện ở những khía cạnh nào trong quá trình hiện đại hoá đất nước?*

4.Củng cố: GV cho HS hệ thống lại bài học bằng SĐTD + các bước đọc hiểu văn bản nghị luận

5.HDVN: Hoàn thành các nhiệm vụ GV giao + chuẩn bị VB2

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I

SỞ GD & ĐT TP ĐÀ NẴNG

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

MÔN: *NGỮ VĂN 12*

Năm học: 2025 – 2026

A. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

T T	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Mức độ nhận thức						Tổng % điểm
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	Đọc	- Văn bản thơ	4	2	15%	3	30%	1	15%	60%
		Nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích/ tác phẩm truyện.	1	10%		15%		15%		
Tỉ lệ				25%		45%		30%		
Tổng			6	100%						100

2. Bảng đặc tả:

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Đọc hiểu	Văn bản thơ	Nhận biết: - Nhận biết thể thơ. - Nhận biết nhân vật trữ tình. - Nhận biết được từ ngữ, hình ảnh tiêu biểu của bài thơ. Thông hiểu: - Nêu được nội dung, chủ đề của bài thơ - Phân tích được các biện pháp tu từ trong văn bản và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này. - Lí giải được vai trò của những	2	3	1

			chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ. - Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Vận dụng: - Thể hiện suy nghĩ cá nhân về một vấn đề của tác phẩm.			
2	Viết	Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích/tác phẩm văn học	Nhận biết: - Giới thiệu được ngắn gọn, đầy đủ về hai đoạn trích/ tác phẩm văn học. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của bài văn nghị luận. - Sử dụng các thao tác lập luận chính gồm so sánh, đánh giá trong bài viết. Thông hiểu: - Lựa chọn được những căn cứ, cơ sở hợp lí, khoa học để so sánh. - Phân tích, chỉ ra được những điểm giống và khác nhau giữa hai đoạn trích/tác phẩm văn học. - Lí giải được lí do dẫn tới sự giống và khác nhau. Vận dụng: Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của sự giống và khác nhau giữa hai văn bản theo quan điểm riêng của cá nhân. - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.			

I. NỘI DUNG ÔN TẬP:

1. Hình thức bài thi: tự luận
2. Thời gian: 90 phút
3. Cấu trúc đề gồm 2 phần: Đọc hiểu và Viết

*** Phần I: Đọc hiểu (6.0 điểm):**

- **Ngữ liệu** : là những văn bản văn học ngoài SGK thuộc thể loại thơ
- **Yêu cầu**:
 - + Cần đọc, tham khảo các tác phẩm văn học thuộc thể loại thơ ...
 - + Cần rèn luyện kỹ năng đọc- hiểu để trả lời các câu hỏi tự luận ở các mức độ nhận biết và thông hiểu.
 - + Cần rèn luyện kỹ năng trả lời ngắn gọn, trọng tâm 1 câu hỏi tự luận ở mức độ vận dụng

*** Phần II: Viết (6,0 điểm):**

Nghị luận văn học

- **Về kiến thức**:
 - + Kiến thức là một tác phẩm / đoạn trích truyện không có trong chương trình sách giáo khoa Ngữ văn 12
- **Về kỹ năng: yêu cầu HS nắm được**:
 - + Kỹ năng viết một bài văn nghị luận so sánh, đánh giá 2 tác phẩm/ đoạn trích truyện

Dung lượng: 500 chữ

II. HƯỚNG DẪN KỸ NĂNG VIẾT BÀI SO SÁNH HAI TÁC PHẨM/ ĐOẠN TRÍCH TRUYỆN

I. LÝ THUYẾT

- Bố cục bài viết gồm ba phần:

Mở bài:	- Dẫn dắt và giới thiệu đối tượng so sánh: tên hai tác phẩm, hai tác giả. - Nêu vấn đề cần so sánh.
Thân bài:	<i>Phân tích, so sánh hai tác phẩm để làm rõ điểm tương đồng, khác biệt về đặc điểm/ giá trị nội dung và nghệ thuật của hai tác phẩm / đoạn trích truyện. Có thể lần lượt chỉ ra những điểm tương đồng/ khác biệt trên từng khía cạnh của nội dung, vấn đề.</i>
	Triển khai cụ thể như sau: * Khái quát chung - Giới thiệu vài nét về hai tác giả (Nếu là tác giả được học trong chương trình hoặc được giới thiệu trong đề thi).
	- Giới thiệu vài nét về hai tác phẩm: + Hoàn cảnh ra đời (Căn cứ vào phần chú thích giới thiệu trong đề thi).

	+ Đề tài, chủ đề, nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,... (Căn cứ vào văn bản). - Khái quát điểm giống và điểm khác nhau được thể hiện qua hai tác phẩm/đoạn trích. * So sánh, đánh giá hai tác phẩm Luận điểm 1. Phân tích tác phẩm/đoạn trích thứ nhất theo phương diện đã xác định + Nội dung: đề tài, chủ đề, nhân vật... + Nghệ thuật: Ngôi kể, cách xây dựng nhân vật, ngôn ngữ, giọng điệu ... Luận điểm 2. Phân tích tác phẩm/đoạn trích thứ hai trong sự so sánh với đối tượng thứ nhất theo từng phương diện. + Nội dung: ++ Đề tài, chủ đề của tác phẩm/đoạn trích 2; Nét mới, sự khác biệt so với tác phẩm/đoạn trích thứ nhất. ++ Hình tượng nhân vật trữ trong tác phẩm/đoạn trích 2; Nét mới, sự khác biệt so với tác phẩm/đoạn trích thứ nhất. + Nghệ thuật: Ngôi kể, ngôn ngữ, , giọng điệu, cách xây dựng hình tượng nhân vật... Điểm khác biệt so với tác phẩm/đoạn trích thứ nhất. - Luận điểm 3. Lí giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa. + Lí giải vì sao có điểm tương đồng, khác biệt: ++ Bối cảnh thời đại. ++ Đặc trưng thi pháp của thời kì/giai đoạn văn học. ++ Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả. + Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt: ++ Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại. ++ Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của nền văn học. * Đánh giá: - Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định
	giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm. - Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả.
Kết bài:	Khẳng định lại đặc điểm thể loại của tác phẩm; những giá trị chung và nét độc đáo ở mỗi tác phẩm; nêu cảm nghĩ về phong cách sáng tác của mỗi tác giả.

		điểm tương đồng, khác biệt: + Bối cảnh thời đại + Đặc trưng thi pháp của thời kì/giai đoạn văn học + Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả - Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt + Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại. + Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của nền văn học.	++ Phong cách nghệ thuật riêng của tác giả - Ý nghĩa của sự tương đồng, khác biệt ++ Sự thống nhất trong quan điểm, cách nhìn nhận của tác giả, đặc trưng thi pháp của thời kì/ giai đoạn; xu thế chung của thời đại. ++ Sự độc đáo, đa dạng trong phong cách nghệ thuật. Sự phong phú của nền văn học.	
	Đánh giá	- Đánh giá chung về sự tương đồng, khác biệt giữa hai tác phẩm và khẳng định giá trị độc đáo của mỗi tác phẩm. - Khẳng định sự đóng góp của hai tác phẩm, hai tác giả		
Kết bài		- Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm - Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.		

2. THỰC HÀNH

I. Đọc hiểu (6,0 điểm) Đọc văn bản sau :

Hôm qua em đi tỉnh về Đợi em ở mãi con đê đầu làng Khăn nhung quần lĩnh rộn ràng Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi! Nào đâu cái yếm lụa sồi? Cái dây lưng dũi nhuộm hời sang xuân? Nào đâu cái áo tứ thân? Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?	Nói ra sợ mất lòng em Van em em hãy giữ nguyên quê mùa Như hôm em đi lễ chùa Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh! Hoa chanh nở giữa vườn chanh Thầy u mình với chúng mình chân quê Hôm qua em đi tỉnh về Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều (Chân quê, Nguyễn Bính)
---	--

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của văn bản.

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình .

Câu 3. Em hiểu như thế nào về nội dung hai dòng thơ sau: " Hoa chanh nở giữa vườn chanh

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu được sử dụng trong hai các dòng thơ sau:

*Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*

Câu 5. Chàng trai thể hiện thái độ gì trong hai câu thơ sau:

*Nói ra sợ mất lòng em,
Van em! Em hãy giữ nguyên quê mùa.*

Câu 6. Từ nội dung của văn bản, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc giữ gìn những giá trị văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện đại ngày nay. (Trả lời bằng đoạn văn 5-7 câu)

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

Đoạn trích 1.

(Lược dẫn: Dung là con thứ bốn trong gia đình bị sa sút kinh tế. Nàng lớn lên trong sự hờ hững, lạnh nhạt của gia đình. Rồi bị mẹ già bán cho một nhà giàu để lấy mấy trăm đồng bạc.)

Khốn nạn cho Dung từ bé đến nay không phải làm công việc gì nặng nhọc, bây giờ phải tát nước, nhỏ cỏ, làm lụng đầu tắt mặt tối suốt ngày. Đã thế lại không có người an ủi. Chồng nàng thì cả ngày thả diều, chả biết cái gì mà cũng không dám cãi lại bà cụ. Còn hai em chồng nàng thì ghê gớm lắm, thi nhau làm cho nàng bị mắng thêm.

Những lúc Dung cực nhọc quá, ngồi khóc thì bà mẹ chồng lại đay nghiến:

-Làm đi chứ, đừng ngồi đấy mà sụt sịt đi cô. Nhà tôi không có người ăn chơi, không có người cả ngày ôm lấy chồng đâu.

Rồi bà kể thêm:

- Bây giờ là người nhà tao rồi thì phải làm. Mấy trăm bạc dẫn cưới, chứ tao có lấy không đâu.

Dung chỉ khóc, không dám nói gì. Nàng đã viết ba bốn lá thư về kể nỗi khổ sở của nàng, nhưng không thấy cha mẹ ở nhà trả lời.

(Lược dẫn: Dung ăn trộm tiền của mẹ chồng để trốn về nhà nhưng bị mẹ để đay nghiến. Sáng hôm sau, mẹ chồng xuống tìm nàng.)

Bị khổ quá, nàng không khóc được nữa. Nàng không còn hy vọng gì ở nhà cha mẹ nữa. Nghĩ đến những lời đay nghiến, những nỗi hành hạ nàng phải sẽ chịu, Dung thấy lạnh người đi như bị sốt. Nàng hoa mắt lên, đầu óc rối bời, Dung ước ao cái chết như một sự thoát nợ.

Nàng không nhớ rõ gì. Ra đến sông lúc nào nàng cũng không biết. Như trong một giấc mơ, Dung lơ mơ thấy cái thành cầu, thấy giòng nước chảy. Trí nàng sắc lại khi ước lạnh đập vào mặt, nàng uất ức lịm đi, thấy máu đỏ trào lên, rồi một cái màn đen tối kéo đến che lấp cả.

Bỗng nàng mơ màng nghe thấy tiếng nhiều người, tiếng gọi tên nàng, một làn nước nóng đi vào cổ. Dung ú ớ cựa mình muốn trả lời.

[...] Hai hôm sau, Dung mạnh khỏe hẳn. Bà mẹ chồng vẫn chờ nàng, hỏi có vẻ gay gắt thêm:

- Cô định tự tử để gieo cái tiếng xấu cho tôi à? Nhưng đời nào, trời có mắt chứ đã dễ mà chết được. Thế bây giờ cô định thế nào? Định ở hay định về?

Dung buồn bã trả lời:

Con xin về. (Trích “Hai lần chết”, Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2008, tr. 75 -84)

Lược dẫn: Dì Hảo là con nuôi của bà tôi. Bố đẻ của dì chết đã lâu. Mẹ đẻ dì là bà xã Vận. Dù công việc buôn bán thuận lợi nhưng vì phải nuôi hai đứa con nhe nhóc cùng với đồng nợ chồng chất nên bà để dì Hảo đi ở. Mới đầu về nhà mẹ nuôi, dì Hảo khóc ghê lắm nhưng rồi cũng quen dần và trở thành một người con gái rất ngoan đạo. Đến khi lấy chồng, dì dành cho chồng tất cả tình yêu thương nhưng chồng dì lại là một kẻ cờ bạc, rượu chè, vũ phu, không yêu dì.)

Hắn khinh dì là đứa con nuôi, còn hắn là con dòng cháu giống. Và tuy rằng nghèo xác, hắn nhất định không làm gì. Hắn lấy vợ để cho vợ nó nuôi. Dì Hảo cũng nghĩ đúng như thế ấy; dì làm mà nuôi hắn. Người vợ đảm đang ấy kiếm mỗi ngày được hai hào, dì ăn có năm xu. Còn một hào thì hắn dùng mà uống rượu. Và dì Hảo sung sướng lắm. Và gia đình vui vẻ lắm. Nhưng sự tai ác của ông trời bắt dì đẻ một đứa con.

Đứa con chết, mà dì thì tê liệt. Mỗi ngày ngồi là một ngày không có hai hào. Người chồng muốn đó là cái lỗi của người vợ vô phúc ấy.

Nhưng mới đầu hắn chỉ nghĩ thế thôi. Là vì nhờ ít tiền dành dụm, người ta vẫn có thể đủ cả cơm lẫn rượu. Nhưng rồi rượu phải bớt đi. Đến cả cơm cũng thế. Đến lúc ấy thì hắn không nhịn được nữa. Hắn chửi bâng quơ. Hắn chửi những nhà giàu, hắn chửi số kiếp hắn, và sau cùng thì chửi vợ. Ô! Hắn chửi nhiều lắm lắm, một bữa đôi rượu rồi tình cờ có một bữa rượu say.

Dì Hảo chẳng nói năng gì. Dì nghiêng chặt răng để cho khỏi khóc nhưng mà dì cứ khóc. Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nức nở, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt. Nhưng đã vội phí nước mắt làm gì nhiều đến thế. Vì dì còn phải khóc hơn thế nhiều, khi hắn chán chửi, bỏ nhà mà đi, bỏ đi bơ vơ, đau ốm, để tìm cơm rượu. Trách làm gì hắn, cái con người bắt buộc phải tàn nhẫn ấy? Hắn phải ăn, phải uống, phải vui thú, đó là đời của hắn. Dì Hảo què liệt không còn những cái ấy để mà cho. Không, dì có trách chi con người tàn nhẫn ấy. Cũng như dì đã không trách bà tôi đã làm nợ không cấp đỡ cho dì. Bà tôi có còn giàu như trước nữa đâu? Người đã già, đã ốm yếu, và khổ cực thay! Đã nghèo như lúc còn hăm hai. Cái cơ nghiệp người gầy dựng thầy tôi buôn bán thua lỗ, chúng tôi học hành tốn phí nhiều, đã tan tác đi theo gió bốn phương. Người chỉ có thể đem đến cho dì Hảo mỗi ngày một xu quà, và rất nhiều nước mắt. Và rất nhiều lời than thở. (Trích “Dì Hảo”, Tuyển tập truyện ngắn Đôi mắt, Nam Cao, NXB Văn học, 2017)

Anh/ Chị viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích trên.

Chú thích:

* **Thạch Lam** (1910 - 1942) tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh, sau đổi là Nguyễn Tường Lân, là người đôn hậu tinh tế, rất thành công ở thể loại truyện ngắn. Thạch Lam chủ yếu khai thác thế giới nội tâm của nhân vật với những cảm xúc mong manh, mơ hồ. Mỗi truyện ngắn như một bài thơ trữ tình.

* **Nam Cao** (1915 - 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, là nhà văn lớn của trào lưu văn học hiện thực phê phán 1930 - 1945, là người có vẻ ngoài lạnh lùng nhưng đời sống nội tâm phong phú, có tấm lòng đôn hậu, chan chứa yêu thương. Nam Cao luôn đi sâu khai thác đời sống nội tâm, tinh thần nhân vật, sử dụng phương pháp độc thoại nội dung đầy khéo léo, tinh tế.

ĐÁP ÁN

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của văn bản:

Cặp câu 6 chữ (câu lục) và 8 chữ (câu bát) lặp lại, với quy tắc gieo vần nối liền nhau: chữ cuối câu 6 vần với chữ thứ sáu của câu 8, và chữ cuối câu 8 vần với chữ cuối của câu 6 tiếp theo. Đó là dấu hiệu nhận biết thể thơ lục bát

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình : Anh/chàng trai

Câu 3. Em hiểu như thế nào về nội dung hai dòng thơ sau: "*Hoa chanh nở giữa vườn chanh
Thầy u mình với chúng mình chân quê*"

- Gợi hình ảnh mộc mạc , giản dị , thân thuộc , của con người, cuộc sống làng quê
- Tình yêu quê hương ;hãy giữ gìn bản chất và cội nguồn chân quê, đừng để những hào nhoáng của cuộc sống hiện đại làm mất đi những giá trị cốt lõi, mộc mạc và thuần khiết của mình. Nó nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giữ gìn vẻ đẹp truyền thống, sự chân thành và bản sắc cá nhân trong tâm hồn.

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê được sử dụng trong hai các dòng thơ sau:

*Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*

-BPTT liệt kê: *yếm, dây lưng,áo tứ thân, khăn, quần*

- Tác dụng:

- + Tăng sức gợi hình , gợi cảm. Tăng hiệu quả diễn đạt
- + Nhấn mạnh sự mất mát, ko còn thấy những trang phục truyền thống của làng quê
- +Xót xa trước sự thay đổi / thất truyền của phong vị quê

Câu 5. Chàng trai thể hiện thái độ gì trong hai câu thơ sau:

*Nói ra sợ mất lòng em,
Van em! Em hãy giữ nguyên quê mùa.*

- Trân trọng , nâng niu, van nài.
- Yêu thương và khát khao giữ gìn nét đẹp truyền thống. Chàng trai sợ làm bạn gái buồn lòng nên mới thể hiện mong muốn một cách khéo léo, van nài cô giữ lại vẻ đẹp giản dị, mộc mạc như thuở ban đầu, không bị phai nhạt bởi lối sống ở thành phố. Đây là biểu hiện của tình yêu chân thành, quan tâm đến bản chất cốt lõi của người yêu.

Câu 6. Từ nội dung của văn bản, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc giữ gìn những giá trị văn hoá truyền thống trong cuộc sống hiện đại ngày nay. (Trả lời bằng đoạn văn 5-7 câu)

- Giữ liên hệ với quá khứ, trân trọng quá khứ
- Học được phẩm chất tốt đẹp: cần cù, chất phác, nhân ái
- Làm giàu đời sống tinh thần...

II. PHẦN VIẾT (4,0 điểm)

1.Mở bài: Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề.

2.Thân bài:

*** Khái quát chung:**

- **Giới thiệu hai tác giả hai tác phẩm:** Nếu Nam Cao là nhà văn xuất sắc của nền văn học hiện thực phê phán giai đoạn 1930-1945 thì Thạch Lam là nhà văn tiêu

biểu của nhóm Tự lực văn đoàn. Truyện ngắn “Hai lần chết” của và “Dì Hảo” là những tác phẩm tiêu biểu về đề tài người phụ nữ của hai nhà văn.

- **Khái quát điểm giống và điểm khác nhau:** Hai đoạn trích đã gặp nhau ở đề tài, tư tưởng chủ đề, hình tượng nhân vật cùng những nét độc đáo về nghệ thuật như ngôi kể, điểm nhìn, ngôn ngữ. Thế nhưng bên cạnh những - điểm giống nhau đó, hai đoạn trích, hai tác phẩm vẫn mang những nét độc đáo riêng biệt bởi lẽ người nghệ sĩ không lặp lại người khác và không lặp lại chính mình.

***So sánh, đánh giá hai tác phẩm:**

- Luận điểm 1. Điểm giống nhau của hai đoạn trích về nội dung, nghệ thuật.

+ “Giá trị của một tác phẩm nghệ thuật trước hết là ở giá trị tư tưởng của nó.”. Hai trích đoạn truyện ngắn của Thạch Lam và Nam Cao đã gặp nhau trước tiên ở giá trị tư tưởng.

++ Cả hai đoạn trích đều viết về đề tài người nông dân nghèo mà cụ thể là người phụ nữ dưới chế độ phong kiến nửa thực dân. Qua số phận cuộc đời đầy đau khổ bất hạnh của người phụ nữ, Thạch Lam và Nam Cao lên tiếng tố cáo sự bất công ngang trái của xã hội và thể hiện sự cảm thông, xót xa, thương yêu cùng niềm trân trọng ngợi ca, bênh vực những người phụ nữ trong xã hội phong kiến nửa thực dân.

++ Hình tượng nhân vật trung tâm ở hai đoạn trích là Dì Hảo và Dung. Đó đều là những người phụ nữ có số phận cuộc đời bất hạnh. Từ nhỏ họ đã phải chịu cảnh thờ ơ, lạnh nhạt, thiếu thốn tình cảm của mẹ cha. Đến khi lớn lên, lấy chồng, họ đều phải lao động quần quật, chịu sự đánh đập, hành hạ.

+ Điểm giống về nghệ thuật: Cả hai đoạn trích đều sử dụng ngôi kể thứ ba, có sự kết hợp giữa các điểm nhìn như điểm nhìn của người kể chuyện, điểm nhìn bên ngoài và điểm nhìn bên trong, bút

pháp tả thực với cách miêu tả cụ thể, tỉ mỉ, khiến nỗi đau của người phụ nữ càng được khắc sâu, tô đậm.

- Luận điểm 2. Điểm khác nhau của hai tác phẩm/ đoạn trích về nội dung, nghệ thuật.

+ Văn học là lĩnh vực của sự độc đáo, chính vì thế ở mỗi một đoạn trích, người đọc đều cảm nhận được những nét độc đáo về nội dung và nghệ thuật.

++ Đoạn trích “Hai lần chết” khắc họa số phận khổ đau, bất hạnh của nhân vật Dung trước sự ghẻ lạnh của mẹ đẻ và sự cay nghiệt của mẹ chồng. Nàng bị chính mẹ đẻ gả bán cho một nhà giàu để lấy mấy trăm đồng bạc và bị mẹ chồng đối xử không khác gì kẻ ăn người ở trong nhà. Đoạn trích “Dì Hảo” khắc họa số phận của một người phụ nữ bất hạnh, mồ côi cha, phải sớm đi làm con ở, phải chung sống với một người chồng cờ bạc, vũ phu, không những không được yêu thương mà còn bị khinh ghét, đánh đập. Đó còn là người phụ nữ phải chịu nỗi đau mất con, nỗi đau bị bệnh tật giày vò.

+ Điểm khác nhau về nghệ thuật: Đoạn trích “Hai lần chết” (Thạch Lam) có sự kết

hợp - giữa điểm nhìn của người kể chuyện với điểm nhìn bên ngoài, điểm nhìn bên trong cùng với ngôn ngữ, giọng điệu của người kể chuyện, của nhân vật. Nhân vật Dung được khắc họa qua những đoạn đối thoại với nhân vật người mẹ chồng. Vì thế, đoạn văn có sự đan cài của ngôn ngữ và giọng điệu của nhân vật người mẹ. Còn trong đoạn trích “Dì Hảo” (Nam Cao) là sự kết hợp giữa điểm nhìn người kể chuyện và điểm nhìn bên trong, cùng với ngôn ngữ nửa trực tiếp. Những câu văn còn là chính những dòng suy nghĩ, độc thoại nội tâm của nhân vật để từ đó giúp người đọc cảm nhận rõ hơn tâm trạng đau đớn, tủi cực của nhân vật dì Hảo. Bên cạnh đó, nếu nhân vật Dung được tô đậm bởi tình huống nàng trẫm mình xuống sông để tự tử: “Nàng hoa mặt lên, đầu óc rối bời, Dung ước ao cái chết như một sự thoát nợ”, thì nhân vật dì Hảo được tô đậm bởi chi tiết dì Hảo khóc: “Chao ôi! Dì Hảo khóc. Dì khóc nước nớc, khóc nấc lên, khóc như người ta thổ. Dì thổ ra nước mắt.”.

- Luận điểm 3. Lý giải điểm giống, khác nhau và nêu ý nghĩa

- + “Hai lần chết” và “Dì Hảo” đều là hai tác phẩm tiêu biểu của văn học giai đoạn 1930 - 1945, vì thế, cả hai tác phẩm đều có chung bối cảnh đời sống xã hội.
- + Nam Cao và Thạch Lam đều là những nhà văn có tầm lòng nhân đạo cao cả, đều có chung quan điểm “nghệ thuật vị nhân sinh”.
- + Tuy nhiên, cả hai đều là những nhà văn lớn với phong cách nghệ thuật độc đáo. Vì thế, hai tác giả tạo được dấu ấn riêng cho mình trong cách nhìn, cách nghĩ, cách viết phải “khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có”.
- + Chính điểm gặp gỡ và nét độc đáo trong tư tưởng chủ đề, trong nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật xây dựng hình tượng nhân vật đã khẳng định giá trị tư tưởng nghệ thuật của hai đoạn trích nói riêng và hai tác phẩm nói chung. Từ đó, góp phần làm tỏa sáng cái tài, cái tâm của hai nhà văn, làm nên tính thống nhất, kế thừa, cùng sự phong phú đa dạng của văn học giai đoạn 1930 - 1945.

*** Đánh giá:**

- Hai đoạn văn tuy chỉ là hai lát cắt nhỏ trong thiên truyện ngắn của Nam Cao, Thạch Lam thế nhưng đã phản ánh chân thực số phận, cuộc đời của những người phụ nữ lao động nghèo khổ dưới chế độ xã hội phong kiến đầy những bất công ngang trái, từ đó cất lên tiếng nói tố cáo những quan niệm những định kiến cổ hủ về thân phận người phụ nữ trong xã hội, cùng sự thấu hiểu, cảm thông, trân trọng, yêu thương những người phụ nữ nhỏ bé, bất hạnh.
- Qua hai lát cắt trong “Hai lần chết” và “Dì Hảo”, người đọc càng thêm trân trọng tấm lòng và phong cách nghệ thuật độc đáo của hai bậc thầy truyện ngắn của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam.

3.Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của so sánh, đánh giá hai tác phẩm. Có thể nêu những ấn tượng của bản thân.

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức**

- HS hiểu được bản chất của hoạt động sáng tạo; tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức; tư tưởng của tác giả khi bàn về hoạt động sáng tạo.
- HS nhận biết được mục đích của người viết, đánh giá được nội dung của văn bản; phân tích hiệu quả của việc phối hợp các thao tác nghị luận trong văn bản.

2. Năng lực

Bài học góp phần phát triển năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. Thông qua quá trình dạy **đọc, giúp HS:**

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính: bản chất của hoạt động sáng tạo; tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức; tư tưởng của tác giả khi bàn về hoạt động sáng tạo.
- Nhận biết được mục đích của người viết, đánh giá được nội dung của văn bản; phân tích hiệu quả của việc phối hợp các thao tác nghị luận trong văn bản.

3. Phẩm chất: Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo trong bối cảnh kinh tế tri thức.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, hình ảnh, sơ đồ, phiếu học tập, rubric đánh giá,...

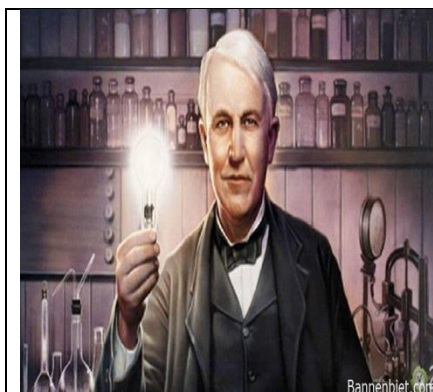
III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG****a. Mục tiêu:**

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức
- Khơi gợi những năng lực sáng tạo trong mỗi HS

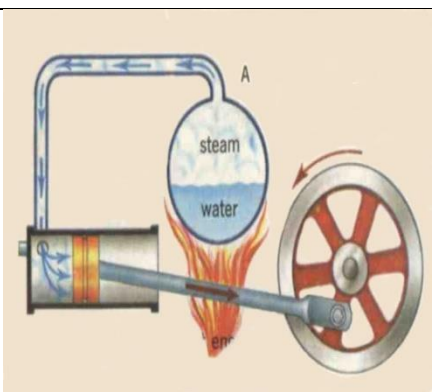
b. Nội dung hoạt động: HS tham gia trò chơi **Đuổi hình bắt chữ**

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

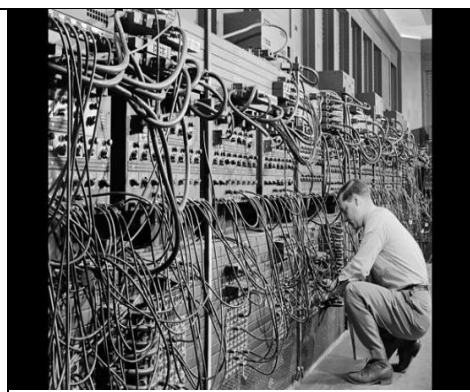
d. Tổ chức thực hiện hoạt động:



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4



Hình 5



Hình 6

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Trò chơi: Đuổi hình bắt chữ GV nêu vấn đề: - Quan sát từng hình ảnh (hình ảnh bên trên) và gọi tên theo lĩnh vực mà em biết. - Hãy chia sẻ với các bạn hiểu biết của em về một trong những sáng tạo đặc biệt trên. Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận - GV trình chiếu từng hình ảnh, lần lượt gọi HS xung phong trả lời nhanh. - HS khác quan sát, lắng nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung, phản biện (nếu cần). Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS, trao thưởng hoặc cho điểm. - GV dẫn vào bài: Những phát minh trên là minh chứng rõ ràng của năng lực sáng tạo mà con người có. Vậy năng lực sáng tạo là gì? Bản chất của hoạt động sáng tạo, tầm quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức như thế nào? Hãy cùng đến với bài học ngày hôm nay nhé!	1. Trò chơi: Đuổi hình bắt chữ - Hình 1. Bóng đèn sợi đốt – Ê-đi-xon (Vật lí - Kỹ thuật - Quang học) - Hình 2. Động cơ hơi nước – James Watt (Vật lí - Kỹ thuật – Cơ học) - Hình 3. Máy tính đầu tiên (Công nghệ - Tin học) - Hình 4. Nàng Mô-na Li-sa – Lê-ô-na Đờ Vanh-xi (Hội họa) - Hình 5. Lực sĩ ném đĩa (Điêu khắc) - Hình 6. Hải đăng A-lêch-xăng-đờ-ri-a (Kiến trúc) 2. HS chia sẻ về một trong những sáng tạo đặc biệt trên theo hiểu biết của cá nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1: Đọc và tìm hiểu chung về tác giả, văn bản

a. Mục tiêu: Nêu được ấn tượng chung về tác giả và văn bản.

- b. Nội dung hoạt động:** Học sinh đọc văn bản, hoàn thành phiếu học tập và thuyết trình về tác giả, văn bản.
- c. Sản phẩm:** Kết quả đọc, Phiếu học tập và thuyết trình của HS.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS		Dự kiến sản phẩm																			
Nhiệm vụ 1. Đọc văn bản Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu và hướng dẫn: - 3 HS lần lượt đọc từng phần của văn bản. - Lưu ý theo dõi các thẻ chỉ dẫn trong khi đọc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 3 HS lần lượt đọc bài - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét việc đọc của từng HS, gọi một số em nhắc lại cách giải nghĩa các từ ngữ khó trong văn bản. Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu chung về tác giả và văn bản. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Giáo viên nêu yêu cầu: HS làm việc theo cặp đôi, đọc SGK về tác giả, đọc lại văn bản, kết hợp với tự tìm hiểu trước ở nhà, hoàn thiện bảng kiến thức về tác giả và văn bản: Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả <table><tr><th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr><tr><td>Năm sinh</td><td></td></tr><tr><td>Quê quán</td><td></td></tr><tr><td>Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng</td><td></td></tr><tr><td>Tác phẩm chính</td><td></td></tr></table> Bảng kiến thức tìm hiểu chung về văn bản		Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Năm sinh		Quê quán		Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng		Tác phẩm chính		I. Tìm hiểu chung 1 Tác giả <table><tr><td>Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng</td><td> - Là giáo sư, nhà toán học, nhà khoa học máy tính của Việt Nam. Ông là một trong những người được ghi nhận là có công đầu trong kế hoạch đào tạo và phát triển ngành tin học tại Việt Nam. - Ông là chuyên gia trong các lĩnh vực: toán học kiến thiết, lôgic toán, lý thuyết thuật toán, ô tômat và ngôn ngữ hình thức, lý thuyết mật mã và an toàn thông tin. - Là một nhà khoa học nổi tiếng, Phan Đình Diệu còn tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, có khát vọng đổi mới đất nước theo hướng hiện đại. </td></tr><tr><td>Tác phẩm chính</td><td> - <i>Nghĩ suy cùng đất nước</i> - Tuyển tập các bài viết của Phan Đình Diệu. - Phan Đình Diệu - <i>Lý thuyết ô tômat và thuật toán</i>, NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1977, 407 tr - Phan Đình Diệu - <i>Tổng quan về công nghệ thông tin</i>, Hà Nội, 1998. ... </td></tr></table> b. Văn bản <i>Năng lực sáng tạo</i> <table><tr><th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr><tr><td>Nhan đề</td><td> - Nguyên bài viết của Phan Đình Diệu có nhan đề <i>Năng lực sáng tạo: làm sao để có?</i> - Khi đưa vào trong cuốn <i>Trên đường đến những chuẩn mực khoa học</i> (NXB Hà Nội) đã được đổi thành <i>Năng lực sáng tạo</i>. => Nhan đề được sửa lại có tính khái quát hơn. </td></tr></table>		Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng	- Là giáo sư, nhà toán học, nhà khoa học máy tính của Việt Nam. Ông là một trong những người được ghi nhận là có công đầu trong kế hoạch đào tạo và phát triển ngành tin học tại Việt Nam. - Ông là chuyên gia trong các lĩnh vực: toán học kiến thiết, lôgic toán, lý thuyết thuật toán, ô tômat và ngôn ngữ hình thức, lý thuyết mật mã và an toàn thông tin. - Là một nhà khoa học nổi tiếng, Phan Đình Diệu còn tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, có khát vọng đổi mới đất nước theo hướng hiện đại.	Tác phẩm chính	- <i>Nghĩ suy cùng đất nước</i> - Tuyển tập các bài viết của Phan Đình Diệu. - Phan Đình Diệu - <i>Lý thuyết ô tômat và thuật toán</i>, NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1977, 407 tr - Phan Đình Diệu - <i>Tổng quan về công nghệ thông tin</i>, Hà Nội, 1998. ...	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Nhan đề	- Nguyên bài viết của Phan Đình Diệu có nhan đề <i>Năng lực sáng tạo: làm sao để có?</i> - Khi đưa vào trong cuốn <i>Trên đường đến những chuẩn mực khoa học</i> (NXB Hà Nội) đã được đổi thành <i>Năng lực sáng tạo</i>. => Nhan đề được sửa lại có tính khái quát hơn.
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																				
Năm sinh																					
Quê quán																					
Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng																					
Tác phẩm chính																					
Vai trò, vị trí, tầm ảnh hưởng	- Là giáo sư, nhà toán học, nhà khoa học máy tính của Việt Nam. Ông là một trong những người được ghi nhận là có công đầu trong kế hoạch đào tạo và phát triển ngành tin học tại Việt Nam. - Ông là chuyên gia trong các lĩnh vực: toán học kiến thiết, lôgic toán, lý thuyết thuật toán, ô tômat và ngôn ngữ hình thức, lý thuyết mật mã và an toàn thông tin. - Là một nhà khoa học nổi tiếng, Phan Đình Diệu còn tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, có khát vọng đổi mới đất nước theo hướng hiện đại.																				
Tác phẩm chính	- <i>Nghĩ suy cùng đất nước</i> - Tuyển tập các bài viết của Phan Đình Diệu. - Phan Đình Diệu - <i>Lý thuyết ô tômat và thuật toán</i>, NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1977, 407 tr - Phan Đình Diệu - <i>Tổng quan về công nghệ thông tin</i>, Hà Nội, 1998. ...																				
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																				
Nhan đề	- Nguyên bài viết của Phan Đình Diệu có nhan đề <i>Năng lực sáng tạo: làm sao để có?</i> - Khi đưa vào trong cuốn <i>Trên đường đến những chuẩn mực khoa học</i> (NXB Hà Nội) đã được đổi thành <i>Năng lực sáng tạo</i>. => Nhan đề được sửa lại có tính khái quát hơn.																				

Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Thể loại	- Văn bản nhật dụng nghị luận xã hội.
Nhan đề		Tác giả đã giải thích như thế nào về khái niệm sáng tạo và năng lực sáng tạo?	- <u>Khái niệm sáng tạo là một</u> loại hoạt động tinh thần riêng có của con người, mà sản phẩm của nó thường là tinh thần riêng của con người, mà sản phẩm của nó thường là những phát minh mới mẻ hoặc phát hiện mới mẻ, độc đáo của tư duy và trí tưởng tượng. - Năng lực sáng tạo là khả năng tư duy và trí tưởng tượng.
Ý tưởng có vai trò như thế nào trong sáng tạo của con người?		Ý tưởng có vai trò như thế nào trong sáng tạo của con người?	Ý tưởng có vai trò là kết quả sáng tạo.
Phạm vi của hoạt động sáng tạo.		Phạm vi của hoạt động sáng tạo.	Từ mọi người trong xã hội, ai cũng có thể sáng tạo.
Những yếu tố nào quyết định năng lực sáng tạo của con người?		Những yếu tố nào quyết định năng lực sáng tạo của con người?	Sự rung cảm, sự ấn tượng, môi trường thoải mái, trí tuệ nguyên lành, đôi mắt tươi sáng.
Bản chất chung của mọi hoạt động sáng tạo và ý nghĩa của nó.		Bản chất chung của mọi hoạt động sáng tạo và ý nghĩa của nó.	Bản chất chung của mọi hoạt động sáng tạo là tìm kiếm những cái mới, một tri thức mới hay một cách vận dụng mới của những tri thức đã có.
Vai trò của năng lực sáng tạo trong nền kinh tế tri thức.		Vai trò của năng lực sáng tạo trong nền kinh tế tri thức.	Vai trò: trở thành chìa khóa chính cho mọi quốc gia đi vào tiến trình hội nhập.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp đôi. - GV hỗ trợ, quan sát, khích lệ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 cặp đôi lên bảng thuyết trình lần lượt về tác giả và văn bản dựa vào bảng kiến thức đã chuẩn bị. - HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.			

2.2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Nhận biết và phân tích được nội dung của luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu trong văn bản nghị luận.
- Phân tích được mối quan hệ giữa các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng; vai trò của các luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong việc thể hiện nội dung chính: bản chất của hoạt động sáng tạo; tầm

quan trọng của hoạt động sáng tạo đối với cuộc sống cá nhân và của đất nước trong bối cảnh kinh tế tri thức; tư tưởng của tác giả khi bàn về hoạt động sáng tạo.

- Nhận biết được mục đích của người viết, đánh giá được nội dung của văn bản; phân tích hiệu quả của việc phối hợp các thao tác nghị luận trong văn bản.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động cá nhân và nhóm để tìm hiểu làm rõ các vấn đề: Luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản - Lí lẽ và bằng chứng được tác giả sử dụng trong văn bản - Những thao tác nghị luận được tác giả sử dụng trong văn bản - Mục đích, thái độ của người viết.

c. Sản phẩm: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm										
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận: Nhóm 1. Tìm hiểu luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản Cụ thể: 1. Theo bạn, luận đề của văn bản có được thể hiện rõ ở nhan đề không? Nhận xét mức độ phù hợp giữa nội dung của văn bản và nhan đề. 2. Khi bàn về năng lực sáng tạo của con người, tác giả đã triển khai những luận điểm nào? Nêu mối quan hệ giữa các luận điểm đó. 3. Thiết kế sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa luận đề và hệ thống luận điểm trong văn bản. Nhóm 2. Tìm hiểu lí lẽ và bằng chứng được tác giả sử dụng trong văn bản Cụ thể: 1. Nhận xét về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả. Việc trích dẫn các câu nói của một số nhà khoa học nổi tiếng có phải là một cách nêu bằng chứng không? Vì sao? 2. Thiết kế bảng biểu thể hiện việc sử dụng lí lẽ và bằng chứng của tác giả trong văn	II. Khám phá văn bản 1. Luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản a. Sơ đồ cấu trúc lập luận của văn bản (Sơ đồ bên dưới) b. Nhận xét: - Luận đề: Luận đề đã được thể hiện rõ ở nhan đề của văn bản. - Hệ thống luận điểm: + Mối quan hệ luận đề - luận điểm: Hệ thống luận điểm hoàn toàn phù hợp với nhan đề - luận đề của văn bản. + Mối quan hệ giữa các luận điểm: Hiểu được bản chất của sáng tạo (luận điểm thứ nhất) => mới thấy được nó cần thiết như thế nào cho mọi người (luận điểm thứ hai) => Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa sáng tạo là chuyện dễ dàng, đơn giản (luận điểm thứ ba) => Trong bối cảnh kinh tế tri thức hiện nay, sáng tạo có vai trò hết sức to lớn (luận điểm thứ tư) => Sáng tạo là hoạt động chỉ con người mới có, điều đó đòi hỏi trong thời đại mới, cần tạo ra cộng năng sức mạnh giữa công nghệ hiện đại với trí tuệ của con người (luận điểm thứ năm). => Các luận điểm trong văn bản <i>Năng lực sáng tạo</i> được triển khai một cách logic, chặt chẽ, có mối quan hệ mật thiết với nhau. 2. Lí lẽ và bằng chứng <table><tr><th>Luận điểm</th><th>Lí lẽ</th><th>Nhận xét lí lẽ</th><th>Bằng chứng</th><th>Nhận xét bằng chứng</th></tr><tr><td>LD1: Khả năng tư duy và tưởng tượng là năng lực cần</td><td>Sáng tạo luôn có điểm khởi đầu là tư duy và được thể hiện trong thực tế; có ý tưởng thì mới có sáng tạo; ý tưởng chỉ</td><td>- Lí lẽ có mặt ở tất cả các luận điểm. - Lí lẽ luôn</td><td>Các trích dẫn.</td><td>- Bằng chứng được nêu sau khi trình bày lí lẽ, cho nên có tác dụng củng cố lí lẽ. (Xem các bằng chứng ở</td></tr></table>	Luận điểm	Lí lẽ	Nhận xét lí lẽ	Bằng chứng	Nhận xét bằng chứng	LD1: Khả năng tư duy và tưởng tượng là năng lực cần	Sáng tạo luôn có điểm khởi đầu là tư duy và được thể hiện trong thực tế; có ý tưởng thì mới có sáng tạo; ý tưởng chỉ	- Lí lẽ có mặt ở tất cả các luận điểm. - Lí lẽ luôn	Các trích dẫn.	- Bằng chứng được nêu sau khi trình bày lí lẽ, cho nên có tác dụng củng cố lí lẽ. (Xem các bằng chứng ở
Luận điểm	Lí lẽ	Nhận xét lí lẽ	Bằng chứng	Nhận xét bằng chứng							
LD1: Khả năng tư duy và tưởng tượng là năng lực cần	Sáng tạo luôn có điểm khởi đầu là tư duy và được thể hiện trong thực tế; có ý tưởng thì mới có sáng tạo; ý tưởng chỉ	- Lí lẽ có mặt ở tất cả các luận điểm. - Lí lẽ luôn	Các trích dẫn.	- Bằng chứng được nêu sau khi trình bày lí lẽ, cho nên có tác dụng củng cố lí lẽ. (Xem các bằng chứng ở							

bản. Nhóm 3. Tìm hiểu những thao tác nghị luận được tác giả sử dụng trong văn bản 1. Những thao tác nghị luận nào được tác giả sử dụng để làm nổi bật vấn đề năng lực sáng tạo của con người? Phân tích tác dụng của việc phối hợp các thao tác đó. 2. Thiết kế bảng biểu thể hiện việc sử dụng những thao tác nghị luận của tác giả trong văn bản. Nhóm 4. Tìm hiểu tư tưởng, thái độ của người viết 1. Trong bối cảnh cuộc sống hiện đại, năng lực sáng tạo có vai trò như thế nào đối với mỗi người và đối với đất nước? 2. Tác giả thể hiện tư tưởng gì khi bàn về vấn đề năng lực sáng tạo của con người? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Vòng 1: GV giao nhiệm vụ cho từng nhóm theo nhiệm vụ cụ thể. Vòng 2: HS thiết lập nhóm mới (với thành phần gồm đầy đủ thành viên trong 4 nhóm cũ) thảo luận, trao đổi các vấn đề đã tìm hiểu ở vòng 1. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Gv gọi đại diện HS các nhóm báo cáo kết quả. - Các HS khác theo dõi, đánh giá và có thể đặt câu hỏi tìm hiểu về bài học. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chốt vấn đề.	thiết cho sáng tạo.	có thể xuất hiện như ánh chớp qua quá trình “tích tụ trí tuệ đến tốt cùng”.	gắn với việc làm rõ hoạt động		luận điểm thứ nhất, thứ hai, thứ ba.) - Bằng chứng được nêu bằng cách chỉ dẫn tài liệu mà người đọc cần tham khảo (ở luận điểm thứ hai). - Bằng chứng được nêu ở dạng khái quát thực tế hiển nhiên (ở luận điểm thứ tư, thứ năm). => Trong văn bản này, việc trích dẫn ý kiến của một số nhà khoa học nổi tiếng cũng là một cách nêu bằng chứng, bởi những ý kiến đó đúc kết suy nghĩ và trải nghiệm phong phú của các nhà khoa học; được xem như chân lý, không cần bàn cãi. Những ý kiến như vậy có tác dụng rất lớn trong
	LD2: Mọi con người trong xã hội đều cần có năng lực sáng tạo.	Sáng tạo không phải là độc quyền của trí thức, mà gắn với hoạt động của mọi người, thuộc mọi lĩnh vực. Bất cứ lĩnh vực nào cũng cần sáng tạo, ở lĩnh vực nào con người cũng thể hiện được khả năng sáng tạo của mình.	sáng tạo của cá thể và của cộng đồng. - Lí lẽ luôn hướng tới tính phổ quát trong nhận thức về vấn đề	Giới thiệu tài liệu nói đến mười chìa khóa hàng đầu để phát triển năng lực sáng tạo.	số nhà khoa học nổi tiếng cũng là một cách nêu bằng chứng, bởi những ý kiến đó đúc kết suy nghĩ và trải nghiệm phong phú của các nhà khoa học; được xem như chân lý, không cần bàn cãi. Những ý kiến như vậy có tác dụng rất lớn trong
	LD3: Sáng tạo là một loại hoạt động phức tạp và vất vả.	Sáng tạo không còn là việc của từng cá nhân, mà phải trở thành vấn đề chiến lược của mọi quốc gia.	năng lực sáng tạo, cho nên có sự kết hợp giữa ý kiến cá nhân người viết với ý kiến đã được khẳng định của nhiều người.	Câu nói của Ê-đi-xon.	
	LD4: Sáng tạo có vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế tri thức.	Khẳng định năng lực sáng tạo làm nên sức mạnh và sức cạnh tranh của một nền kinh tế.	nhân người viết với ý kiến đã được khẳng định của nhiều người.	Khái quát thực tế hiển nhiên.	

LD5: Sáng tạo là một năng lực mà chỉ con người mới có.	Để có thể sáng tạo cần huy động nhận thức, xúc cảm, bản lĩnh, sự tinh tế, thông minh,... đây vốn là những điều chỉ có ở con người.		Khái quát thực tế hiển nhiên.	việc củng cố lí lẽ của người viết.
---	--	--	-------------------------------	------------------------------------

3. Thao tác nghị luận

Thao tác nghị luận	Biểu hiện	Nhận xét sự phối hợp giữa các thao tác nghị luận
Thao tác chứng minh	Luận điểm có sử dụng ý kiến của một số nhà khoa học có uy tín để làm sáng tỏ vấn đề; luận điểm giới thiệu tài liệu nói đến mười chìa khóa hàng đầu để phát triển năng lực sáng tạo;...	- Tác giả đã sử dụng phối hợp nhiều thao tác lập luận một cách hiệu quả để làm nổi bật vấn đề năng lực sáng tạo:
Thao tác bình luận	Được sử dụng để đánh giá vai trò của năng lực sáng tạo. Có những sáng tạo lớn làm nên những tên tuổi lẫy lừng, nhưng đối với đại đa số con người bình thường, sáng tạo đem đến niềm vui, hạnh phúc thầm lặng, tạo nên một cuộc sống có ý nghĩa.	+ Làm rõ bản chất vấn đề (thao tác giải thích); + Chia tách các khía cạnh cũng như các biểu hiện của hoạt động sáng tạo (thao tác phân tích); + Hiểu sâu hơn về vấn đề; củng cố lí lẽ, gia tăng hiệu quả lập luận (thao tác chứng minh); + Phản bác cách nhìn đơn giản về vấn đề chủ thể
Thao tác bác bỏ	Người viết phản bác quan điểm cho rằng, sáng tạo chỉ gắn với hoạt động của các trí thức, từ đó khẳng định, mọi người đều có thể tham gia sáng tạo.	
Thao tác giải thích	Ở luận điểm thứ nhất, tác giả đã giải thích bản chất của sáng tạo (“hoạt động sáng tạo là một hoạt động tinh thần riêng có của con người, mà sản phẩm của nó thường là những phát minh hoặc phát hiện mới mẻ, độc đáo của tư duy và trí	

		tưởng tượng”).	sáng tạo (thao tác bác bỏ);
	Thao tác phân tích	Quan sát luận điểm cuối cùng ta thấy tác giả đã phân tích để làm rõ biểu hiện sáng tạo ở từng bộ óc cá thể cũng như ở sự tiếp xúc, trao đổi giữa các bộ óc; sự “cộng năng” sức mạnh công nghệ với trí tuệ của từng người để làm nên năng lực sáng tạo chung của dân tộc.	+ Đánh giá được vai trò to lớn và sự cần thiết của năng lực sáng tạo (thao tác bình luận). - Việc phối hợp các thao tác lập luận giúp bài viết có tính logic, chặt chẽ, thuyết phục và kích thích tư duy của người đọc.

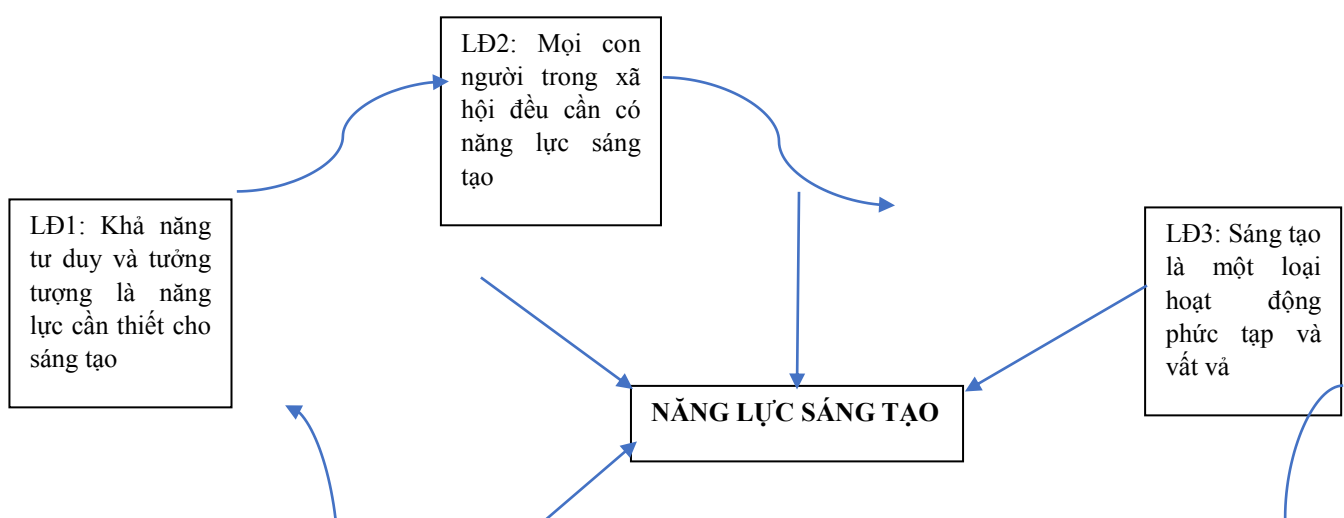
4. Tư tưởng, thái độ của người viết

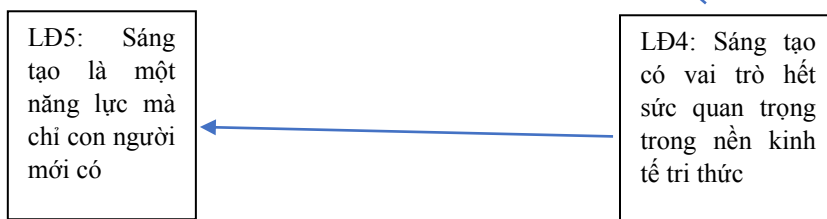
- Năng lực sáng tạo là phẩm chất thiết yếu, có thể phát triển, cần tạo môi trường khuyến khích sáng tạo, cần được ứng dụng vào thực tiễn và đó là chìa khoá cho tương lai,...

- Bên cạnh những tư tưởng chính trên, tác giả còn thể hiện những quan điểm khác như: năng lực sáng tạo gắn liền với tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp, năng lực sáng tạo cần được phát triển ngay từ khi còn nhỏ và mỗi người cần có ý thức rèn luyện năng lực sáng tạo cho bản thân.

=> Tác giả thể hiện tư tưởng tích cực về năng lực sáng tạo của con người. Có thể khẳng định: khơi dậy năng lực sáng tạo trong từng con người và của cả dân tộc để đưa đất nước tiến kịp cùng thế giới trong thời đại kinh tế tri thức – đó là tư tưởng chính được Phan Đình Diệu gửi gắm vào bài viết này.

Sơ đồ cấu trúc lập luận của văn bản





2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cặp đôi.
- HS làm việc cặp đôi, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của nhóm HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì? - Những yếu tố nào về nghệ thuật lập luận đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận cặp đôi và ghi ra giấy nhớ câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 cặp đôi trình bày kết quả trong 01 phút - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	III. Tổng kết 1. Nội dung Văn bản nói về tầm quan trọng của sự sáng tạo trong đời sống con người, giúp con người có cuộc sống hiện đại và tốt đẹp hơn. 2. Nghệ thuật - Văn phong khoa học, chính xác, mạch lạc. - Lập luận xác đáng, dẫn chứng phong phú, lí lẽ sắc bén, linh hoạt.

2.4. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản nghị luận

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản nghị luận.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua trải nghiệm đọc hiểu văn bản Năng lực sáng tạo của tác giả Phan Đình Diệu, em hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản nghị luận. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ	IV. Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận - Đọc bao quát văn bản để nắm được luận đề và hệ thống luận điểm.

- HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra vở câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	- Phân tích mối quan hệ giữa luận đề và hệ thống luận điểm. - Phân tích và chỉ ra hiệu quả của sự kết hợp các thao tác nghị luận. - Xác định được tư tưởng, quan điểm của người viết. ...
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS và đoạn văn khoảng 150 chữ xoay quanh ý: Sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ:

Câu 1. Nêu ý nghĩa của văn bản *Năng lực sáng tạo*.

Câu 2. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: *Phải chăng sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa?*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân: Câu 1 khoảng 2 phút; câu 2 khoảng 7- 10 phút (có thể thực hiện ở nhà)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả câu 1 (câu 2 thực hiện vào tiết học sau hoặc vào tiết ôn tập buổi chiều).

- HS khác lắng nghe và nhận xét, bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, hướng dẫn trả lời:

Câu 1. Ý nghĩa của văn bản *Năng lực sáng tạo*:

- Văn bản đã giải thích được năng lực sáng tạo là gì, phạm vi, bản chất, vai trò của năng lực sáng tạo, những điều kiện để phát huy năng lực sáng tạo.

- Khơi dậy năng lực sáng tạo trong từng con người và của cả dân tộc để đưa đất nước tiến kịp cùng thế giới trong thời đại kinh tế tri thức.

Câu 2. Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trả lời câu hỏi: *Phải chăng sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa?*

HS có nhiều cách triển khai. Tuy nhiên, cần đảm bảo yêu cầu về nội dung và hình thức:

- Nội dung: Khẳng định sự sáng tạo giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa.

+ Sự sáng tạo là gì, do đâu mà có?

+ Tại sao sự sáng tạo sẽ giúp cuộc sống của mỗi người có thêm ý nghĩa? Đó là những ý nghĩa nào?

- Hình thức: Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ.

GV có thể tổ chức cho HS đánh giá bài viết của bạn theo bảng kiểm:

Đoạn văn tham khảo

Những sáng tạo của con người trong lao động đã giúp nhân loại vượt lên trên loài vật sáng tạo ra những sản phẩm kỳ diệu mà thiên nhiên hào phóng không thể có được. Một chuỗi những phát minh, sáng chế đã khiến chúng ta phải thay đổi cách nhìn nhận thế giới. Những kỳ quan vĩ đại thời cổ đại, những bức tranh của những danh họa thiên tài thời Phục hưng, những phát minh, sáng chế của các nhà khoa học kiệt xuất thời cận, hiện đại đã tạo nên nền văn minh rực rỡ sán lạn, tạo nên sức mạnh to lớn của con người trong việc chinh phục cải tạo tự nhiên, xã hội và làm chủ bản thân mình. Rõ ràng, khi các nhà khoa học đưa ra được những ý tưởng hay và có thể biến chúng thành thực tế, điều đó có thể đem đến những tiến bộ vượt bậc cho văn minh nhân loại. Trong thế giới ngày nay, sáng tạo, đó chính xác là nhiên liệu thúc đẩy sự phát triển của văn hóa, kinh tế, xã hội,... Nhân loại đã bước sang thế kỷ XXI, cuộc cách mạng khoa học công nghệ tiếp tục phát triển như vũ bão cùng với thời đại của nền kinh tế tri thức khiến cho tài năng sáng tạo của con người có điều kiện phát triển cao độ. Và cũng chính năng lực sáng tạo của con người sẽ hứa hẹn đem lại những thành tựu hết sức lớn lao. Hơn nữa toàn cầu hoá, trước hết là toàn cầu hoá kinh tế đã đặt ra cho mỗi quốc gia, mỗi cộng đồng người phải trở nên năng động sáng tạo hơn trong kinh tế, văn hoá, xã hội, chính trị..., nếu không sẽ không tránh khỏi nguy cơ bị đào thải khỏi quỹ đạo phát triển chung của nhân loại.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản *Năng lực sáng tạo* để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Tác phẩm nghệ thuật mang tính sáng tạo của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: HS (theo nhóm sở thích) sáng tạo một sản phẩm bất kì tùy thuộc năng lực cá nhân (ngôn ngữ, vũ đạo, diễn xuất, điêu khắc, hội họa,...)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS kết nối với cuộc sống, hiểu năng lực bản thân cùng sở thích với bạn, sáng tạo sản phẩm phù hợp.
- HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm vào tiết học ngoại khóa hoặc buổi chiều ôn tập.
- Các HS khác quan sát, nhận xét, đánh giá theo hướng dẫn của GV.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV tổ chức cho HS bình chọn sản phẩm dựa theo Rubric.
- **HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**
- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Tìm đọc thêm các văn bản nghị luận có cùng đề tài, chủ đề.
- **Chuẩn bị bài:** VB3: *Máy ý nghĩ về thơ* (Trích – Nguyễn Đình Thi).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Sách giáo viên Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.
- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

Tiết:29,30
VĂN BẢN 3.

MÁY Ý NGHĨ VỀ THƠ
(Trích)
Nguyễn Đình Thi

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- HS có cách hiểu đúng đắn về thể thơ từ đó cần vận dụng những kiến thức về thơ, khả năng cảm thụ thơ để hiểu được quan điểm của tác giả thể hiện qua bài viết cũng như cách trình bày quan điểm trong một văn bản nghị luận văn học.
- HS nhận biết luận đề, các luận điểm của văn bản; cách sử dụng lý lẽ, bằng chứng; cách phối hợp các thao tác nghị luận để văn bản có sức thuyết phục.

2. Năng lực

- Đọc hiểu được một văn bản nghị luận: vận dụng những kiến thức về thơ, khả năng cảm thụ thơ để hiểu được quan điểm cũng như cách trình bày quan điểm của tác giả trong văn bản nghị luận văn học *Máy ý nghĩ về thơ*.

- HS nhận biết luận đề, các luận điểm của văn bản; cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng; cách phối hợp các thao tác nghị luận để văn bản có sức thuyết phục.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã học về văn bản nghị luận *Mấy ý nghĩ về thơ* để thực hiện một số nhiệm vụ thực tiễn.

3. Phẩm chất: Yêu thích thơ ca, bồi dưỡng tâm hồn, có ý thức về vai trò và trách nhiệm của thế hệ trẻ với văn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, A3, giấy nhớ hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, phiếu học tập, rubric đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức
- Khơi gợi những năng lực cảm thụ thơ, đánh giá thơ, bình thơ trong mỗi HS

b. Nội dung hoạt động: HS nghe đọc thơ và cảm bình ngắn gọn

c. Sản phẩm: Cảm bình về thơ của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: Thực hiện trò chơi nhỏ: Tôi yêu thơ, bạn cũng yêu thơ Nhiệm vụ: 1. Nghe/ đọc bài thơ (trên màn hình tivi/máy chiếu) sau: Bài số 52 <i>Vì sao ngọn đèn lại tắt? Tôi đã lấy áo tôi che gió cho ngọn đèn, chính vì vậy mà ngọn đèn đã tắt. Vì sao hoa lại tàn? Tôi ghì nó vào lòng tôi Với một tình yêu khắc khoải, chính vì vậy mà hoa đã tàn. Vì sao dòng suối cạn khô đi? Tôi đã đắp một con đê qua dòng suối để sử dụng cho riêng tôi, chính vì vậy mà dòng suối cạn. Vì sao dây đàn đã đứt? Tôi đã cố đưa một nốt cao quá sức của nó, chính vì vậy mà dây đàn đã đứt.</i> (Nguồn: https://www.thivien.net/Tagore Rabindranath) 2. Cảm bình ngắn gọn về vẻ đẹp của bài thơ trên.	HS nghe/ đọc thơ và cảm bình về đẹp của bài thơ, có thể: - Nội dung bài thơ mang tính triết lí sâu sắc: + Sự mâu thuẫn trong cuộc sống – Thứ gì ta càng yêu quý, càng muốn bảo vệ, càng muốn sở hữu, càng muốn nắm giữ... thì nó lại càng tự động rời xa ta. + Cần trân trọng, yêu quý những gì nhỏ nhất quanh ta,... - Đặc sắc nghệ thuật làm nên vẻ đẹp bài thơ: + Biện pháp tu từ: Điệp, câu hỏi tu từ gọi nhiều lần trở,... + Hình ảnh giàu tính biểu tượng,...
Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo, thảo luận	

HS xung phong tham gia trò chơi, đọc bài thơ, bình giá ngắn gọn theo cảm nhận cá nhân. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá. - GV chốt lại một số vẻ đẹp của thơ ca. - GV dẫn vào bài	
--	--

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc, tìm hiểu chung về tác giả và văn bản

- a. Mục tiêu:** Nêu được ấn tượng chung về tác giả và văn bản.
- b. Nội dung hoạt động:** Thuyết trình kiến thức chung về tác giả và văn bản.
- c. Sản phẩm:** HS thảo luận cặp đôi hoàn thành phiếu học tập và thuyết trình về tác giả, văn bản.
- d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm																								
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: Đọc lướt văn bản, nghiên cứu kiến thức chung về tác giả, văn bản và hoàn thành phiếu học tập. Bảng kiến thức tìm hiểu chung về tác giả <table> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Vị trí, vai trò, đóng góp</td><td></td></tr> <tr> <td>Tác phẩm chính</td><td></td></tr> </table> Bảng kiến thức tìm hiểu chung về văn bản <table> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Hoàn cảnh sáng tác, Xuất xứ văn bản</td><td></td></tr> <tr> <td>Thể loại văn bản</td><td></td></tr> <tr> <td>Nhận xét một số quan niệm về thơ được tác giả nêu lên ở phần 1</td><td></td></tr> <tr> <td>Câu hỏi tu từ được dùng ở phần 2 nhằm</td><td></td></tr> </table>	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Vị trí, vai trò, đóng góp		Tác phẩm chính		Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Hoàn cảnh sáng tác, Xuất xứ văn bản		Thể loại văn bản		Nhận xét một số quan niệm về thơ được tác giả nêu lên ở phần 1		Câu hỏi tu từ được dùng ở phần 2 nhằm		I. Đọc, tìm hiểu chung về tác giả và văn bản 1. Tác giả <table> <tr> <td>Vị trí, vai trò, đóng góp</td><td> - Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1941, Nguyễn Đình Thi là một nhà văn hoá, một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, sáng tác nhạc, soạn kịch, viết lí luận phê bình... - Ông còn là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của văn hoá và văn nghệ Việt Nam, từng giữ những chức vụ lớn của các tổ chức văn hoá, văn nghệ ở trung ương và có đóng góp to lớn cho văn hoá, văn nghệ nước nhà. - Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật. </td></tr> <tr> <td>Tác phẩm chính</td><td> - Các tiểu thuyết như: <i>Xung kích</i> (1951), <i>Vào lửa</i> (1966); - Các tập thơ như: <i>Người chiến sĩ</i> (1956), <i>Bài thơ Hắc Hải</i> (1958); - Các vở kịch như: <i>Con nai đen</i> (1961), <i>Rừng trúc</i> (1978); - Các tập tiểu luận, phê bình như: <i>Mấy vấn đề về văn học</i> (1956), <i>Công việc của người viết tiểu thuyết</i> (1964),... </td></tr> </table> 2. Văn bản <table> <tr> <th>Phương diện tìm hiểu</th><th>Nội dung cụ thể</th></tr> <tr> <td>Hoàn cảnh</td><td>Tiểu luận <i>Mấy ý nghĩ về thơ</i> được</td></tr> </table>	Vị trí, vai trò, đóng góp	- Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1941, Nguyễn Đình Thi là một nhà văn hoá, một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, sáng tác nhạc, soạn kịch, viết lí luận phê bình... - Ông còn là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của văn hoá và văn nghệ Việt Nam, từng giữ những chức vụ lớn của các tổ chức văn hoá, văn nghệ ở trung ương và có đóng góp to lớn cho văn hoá, văn nghệ nước nhà. - Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.	Tác phẩm chính	- Các tiểu thuyết như: <i>Xung kích</i> (1951), <i>Vào lửa</i> (1966); - Các tập thơ như: <i>Người chiến sĩ</i> (1956), <i>Bài thơ Hắc Hải</i> (1958); - Các vở kịch như: <i>Con nai đen</i> (1961), <i>Rừng trúc</i> (1978); - Các tập tiểu luận, phê bình như: <i>Mấy vấn đề về văn học</i> (1956), <i>Công việc của người viết tiểu thuyết</i> (1964),...	Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể	Hoàn cảnh	Tiểu luận <i>Mấy ý nghĩ về thơ</i> được
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																								
Vị trí, vai trò, đóng góp																									
Tác phẩm chính																									
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																								
Hoàn cảnh sáng tác, Xuất xứ văn bản																									
Thể loại văn bản																									
Nhận xét một số quan niệm về thơ được tác giả nêu lên ở phần 1																									
Câu hỏi tu từ được dùng ở phần 2 nhằm																									
Vị trí, vai trò, đóng góp	- Ông tham gia hoạt động cách mạng từ năm 1941, Nguyễn Đình Thi là một nhà văn hoá, một nghệ sĩ đa tài: viết văn, làm thơ, sáng tác nhạc, soạn kịch, viết lí luận phê bình... - Ông còn là một trong những nhà lãnh đạo chủ chốt của văn hoá và văn nghệ Việt Nam, từng giữ những chức vụ lớn của các tổ chức văn hoá, văn nghệ ở trung ương và có đóng góp to lớn cho văn hoá, văn nghệ nước nhà. - Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.																								
Tác phẩm chính	- Các tiểu thuyết như: <i>Xung kích</i> (1951), <i>Vào lửa</i> (1966); - Các tập thơ như: <i>Người chiến sĩ</i> (1956), <i>Bài thơ Hắc Hải</i> (1958); - Các vở kịch như: <i>Con nai đen</i> (1961), <i>Rừng trúc</i> (1978); - Các tập tiểu luận, phê bình như: <i>Mấy vấn đề về văn học</i> (1956), <i>Công việc của người viết tiểu thuyết</i> (1964),...																								
Phương diện tìm hiểu	Nội dung cụ thể																								
Hoàn cảnh	Tiểu luận <i>Mấy ý nghĩ về thơ</i> được																								

mục đích gì?		sáng tác, Xuất xứ văn bản	viết trong hội nghị tranh luận văn nghệ ở Việt Bắc vào năm 1949, sau đó in trong tập <i>Mấy vấn đề văn học</i> .
Chỉ ra các ý được triển khai ở phần 3		Thể loại văn bản	Nghị luận văn học
Ở phần 4 người viết chuyển sang bàn luận về khía cạnh nào của thơ?		Nhận xét một số quan niệm về thơ được tác giả nêu lên ở phần 1	Những quan niệm đều được tác giả chọn lọc và đưa ra nhận xét rất chính xác, tài hoa.
Ở phần 5 tác giả quan niệm như thế nào về văn và các khía cạnh hình thức khác trong thơ?		Câu hỏi tu từ được dùng ở phần 2 nhằm mục đích gì?	Câu hỏi tu từ làm tăng sắc thái biểu cảm, gợi ra nhiều ý nghĩa, tạo hiệu quả thẩm mĩ.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện HS 2 cặp trình bày kết quả. - HS nhận xét lẫn nhau. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức.		Chỉ ra các ý được triển khai ở phần 3	<u>- Khẳng định vai trò quan trọng của thơ</u> - Nhận định thơ phải có ý tưởng, ý thức kết hợp với cảm xúc cá nhân - Làm thơ hay phải biết tìm hình ảnh phù hợp.
		Ở phần 4 người viết chuyển sang bàn luận về khía cạnh nào của thơ?	Bàn luận về sức gợi, sự biểu tượng mà thơ đem đến.
		Ở phần 5 tác giả quan niệm như thế nào về văn và các khía cạnh hình thức khác trong thơ?	Đó đều là những thành phần vô cùng quan trọng trong thơ để cấu thành một tác phẩm thơ hoàn chỉnh.

2.2: Đọc và khám phá văn bản

a. Mục tiêu:

- Đọc hiểu được một văn bản nghị luận: vận dụng những kiến thức về thơ, khả năng cảm thụ thơ để hiểu được quan điểm cũng như cách trình bày quan điểm của tác giả trong văn bản nghị luận văn học *Mấy ý nghĩ về thơ*.

- HS nhận biết luận đề, các luận điểm của văn bản; cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng; cách phối hợp các thao tác nghị luận để văn bản có sức thuyết phục.

b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và mối quan hệ giữa các luận đề - luận điểm; lí lẽ - bằng chứng; các thao tác nghị luận.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đã hoàn thiện của nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
<u>NV1. Đọc văn bản</u> Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu 5 HS đọc văn bản (mỗi HS đọc một phần theo đánh số SGK). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân đọc theo chỉ dẫn của GV. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 5 HS đọc văn bản. - HS khác đọc thầm và nhận xét cách bạn đọc. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét HS đọc, có thể đọc mẫu một số phần.	<u>II. Khám phá văn bản</u> 1. Cấu trúc tầng bậc của văn bản nghị luận: * Bố cục văn bản - Bố cục văn bản (Phụ lục 1 bên dưới) - Nhận xét mối quan hệ các phần: Các phần có quan hệ với nhau rất chặt chẽ. Bình luận một số quan niệm về thơ (phần 1) là cơ sở để tác giả đưa ra ý kiến của mình về bản chất của thơ (phần 2) Những diễn giải về bản chất của thơ trở nên đầy đủ hơn khi bàn luận thêm một số yếu tố quan trọng của hình thức thơ (phần 3) * Luận đề - luận điểm trong văn bản - Luận đề: Văn bản bàn bạc quan niệm về thơ. - Luận điểm của Phần 1 (Phụ lục 2 bên dưới) - Mục đích của việc nhận xét ở phần 1 của văn bản: hướng người đọc vượt qua những ngộ nhận, xác định sự cần thiết phải hiểu về thơ một cách sâu sắc, căn bản hơn. Đây cũng là cách đặt vấn đề cho việc trình bày quan niệm của tác giả ở phần sau. * Lí lẽ - dẫn chứng trong văn bản (Phụ lục 3 bên dưới) * Các thao tác lập luận trong văn bản (Phụ lục 4 bên dưới)
<u>NV2. Khám phá văn bản</u> 1. Tìm hiểu cấu trúc tầng bậc của văn bản nghị luận Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chia lớp thành 4 nhóm thảo luận theo các câu hỏi từ 1 – 4 trong SGK và hoàn thành sơ đồ cho câu hỏi 1 – 3, bảng biểu cho câu hỏi 4. Cụ thể: Nhóm 1: Thiết kế sơ đồ tóm lược nội dung từng phần của văn bản (theo số thứ tự) và nêu mối quan hệ giữa các phần. Nhóm 2: Xác định luận đề của văn bản. Thiết kế sơ đồ mạch ý cho Phần 1 văn bản (theo gợi ý: Ở phần 1 của văn bản, những quan niệm nào về thơ đã được tác giả nêu lên để nhận xét? Mục đích của việc nhận xét đó là gì?) Nhóm 3: Thiết kế sơ đồ: Chỉ ra các luận điểm thể hiện quan niệm của tác giả về thơ, phân tích cách triển khai một luận điểm tiêu biểu. Nhóm 4: Lập bảng (theo gợi ý: Theo tác giả, điều gì đóng vai trò quan trọng trong sáng tạo thơ? Tác giả đã dùng những thao tác nghị luận nào để làm sáng tỏ điều đó?) Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ Các nhóm 1, 2, 3, 4 thảo luận, hoàn thiện sơ đồ và bảng kiến thức. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện các nhóm học sinh tiếp nối nhau theo thứ tự nhóm gắn sơ đồ bảng biểu nhóm mình lên bảng lớn hoàn thiện cấu trúc tầng bậc của một văn bản nghị luận - HS nhận xét lẫn nhau, góp ý, bổ sung, hoàn thiện sơ đồ cấu trúc văn bản. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét theo bảng kiểm, chốt kiến thức.	
2. Tìm hiểu quan điểm của người viết và sự tác động của văn bản tới công chúng	

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Học sinh hoàn thành phiếu khảo sát tại nhà (Có thể viết trực tiếp lên phiếu hoặc thực hiện trên Google Form)

Phiếu khảo sát

Nội dung khảo sát	Ý kiến cá nhân
Bạn có tán thành quan điểm của tác giả: “chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác... Dùng bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay” không? Vì sao?	
Theo bạn, nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay nữa không? Vì sao?	
Từ văn bản này, bạn rút ra được điều gì bổ ích cho bản thân trong việc hiểu bản chất của thơ và việc đọc thơ?	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ được giao.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

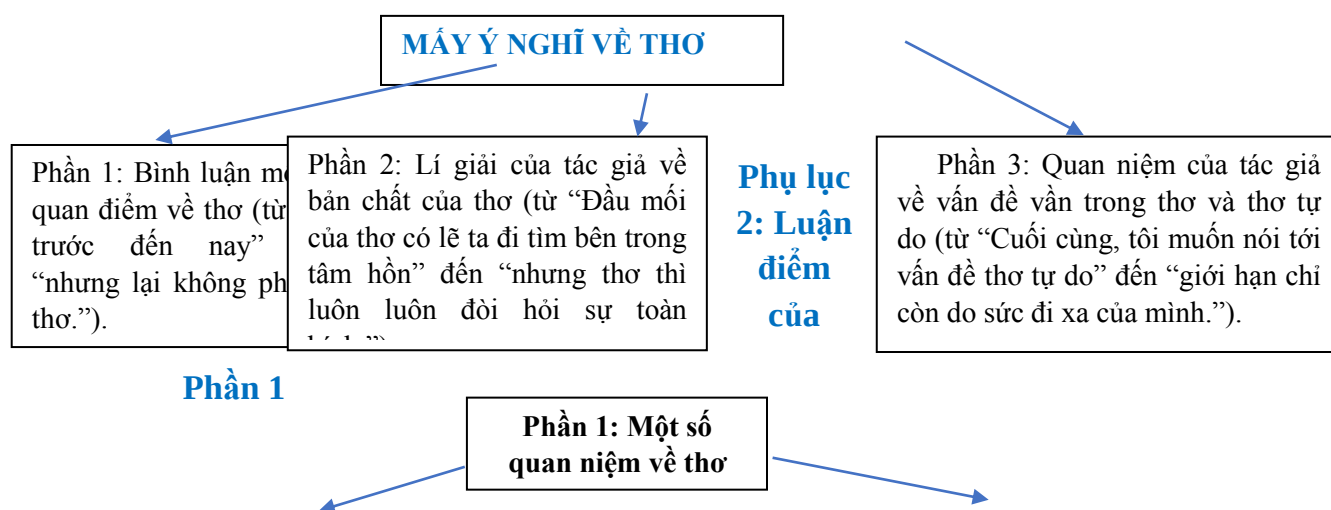
- GV trình chiếu một số phiếu khảo sát đã hoàn thành.
- HS nhận xét lẫn nhau.

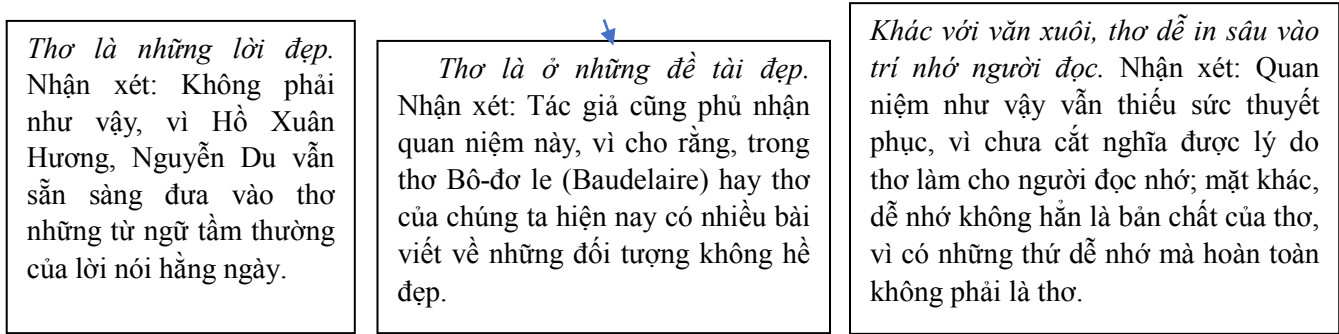
Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét, chốt kiến thức.

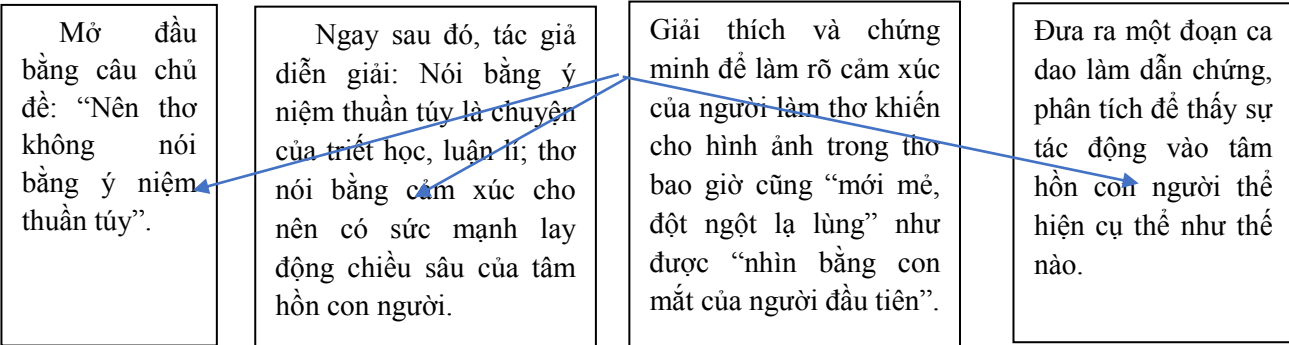
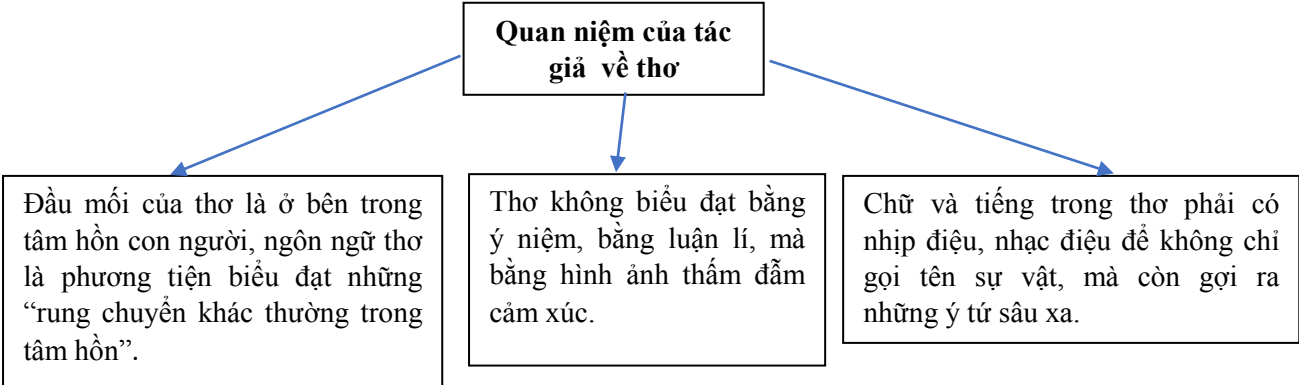
2. Quan điểm của người viết và sự tác động của văn bản tới công chúng
HS thể hiện quan điểm cá nhân theo phiếu khảo sát (Phụ lục 5 bên dưới)

Phụ lục 1: Bố cục văn bản





Phụ lục 3: Lí lẽ - dẫn chứng **cho 1 luận điểm của Phần 1**



Phụ lục 4: Các thao tác lập luận trong văn bản

Quan niệm của tác giả về bản chất của sáng tạo thơ	
Thao tác	Biểu hiện
Giải thích	Bản chất của việc làm thơ: “Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ - để thể hiện một trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống”. => Sáng tạo thơ là tìm phương tiện phù hợp để biểu đạt những rung cảm khác thường của tâm hồn nhà thơ trước cuộc sống. Người làm thơ phải thực sự sống, gắn bó sâu sắc với thực tại, từ đó nảy sinh cảm xúc chân thực, mạnh mẽ.
Chứng minh	Hình ảnh “trời xanh”, “mưa phùn” và sự tác động của chúng vào hồn người; đoạn ca dao được dẫn ra để cho thấy thơ tác động đến tâm hồn con người chứ không phải đến nhận thức lí trí.

Bình luận	tư tưởng trong thơ không phải là tư tưởng thuần túy, mà là “tư tưởng dính liền với cuộc sống, ở trong cuộc sống”, “nằm ngay trong cảm xúc, tình tự”.
Bác bỏ	“Thơ không nói bằng ý niệm thuần túy”, vì “nói bằng ý niệm chúng ta sẽ có triết học, luận lí [...] chứ không có thơ”,...
Như vậy, các thao tác nghị luận đã được tác giả phối hợp nhuần nhuyễn, khiến cho quan điểm về sáng tạo thơ có sức thuyết phục.	

Phụ lục 5: Phiếu khảo sát

Nội dung khảo sát	Ý kiến cá nhân
Bạn có tán thành quan điểm của tác giả: “chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác... Dù bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay” không? Vì sao?	
Theo bạn, nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay nữa không? Vì sao?	
Từ văn bản này, bạn rút ra được điều gì bổ ích cho bản thân trong việc hiểu bản chất của thơ và việc đọc thơ?	

Tham khảo một phiếu khảo sát sau khi hoàn thành

Nội dung khảo sát	Ý kiến cá nhân
Bạn có tán thành quan điểm của tác giả: “chúng ta không nên lo thơ đi vào hình thức này hay hình thức khác... Dù bất cứ hình thức nào, miễn là thơ diễn tả được đúng tâm hồn con người mới ngày nay” không? Vì sao?	Cần có một cái nhìn khoáng đạt, chấp nhận mọi tìm tòi để cách tân thơ, làm cho thơ luôn luôn mới, phù hợp với xu thế chung của thơ thế giới.
Theo bạn, nội dung nghị luận của văn bản còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ hiện nay nữa không? Vì sao?	Mặc dù bài viết của Nguyễn Đình Thi ra đời từ năm 1949, nhưng với sự hiểu biết sâu sắc về thơ, có trải nghiệm cá nhân về sáng tác, bao quát được tình hình sáng tác thơ trong một giai đoạn văn học, tác giả đã nêu được những ý kiến cho đến nay vẫn còn có ý nghĩa đối với thực tế sáng tác thơ. Những ý kiến được trình bày trong bài viết như đầu mối của thơ là ở bên trong tâm hồn con người; thơ là tiếng nói của cảm xúc mãnh liệt, tư tưởng của thơ phải nằm trong cảm xúc; hình ảnh có vai trò rất lớn trong việc biểu đạt nội dung cảm xúc thơ; ngôn từ trong thơ cần được lựa chọn kĩ lưỡng, phải có nhịp điệu, giai điệu; thơ có thể có vần hoặc không vần; thơ có thể tìm kiếm mọi hình thức biểu hiện khác nhau;... đều rất thoả đáng, phù hợp với thơ hiện nay.
Từ văn bản này, bạn rút ra được điều gì bổ	Một số nét về bản chất của thơ có thể rút ra từ văn bản - Thơ là tiếng nói của tình cảm, thể hiện những rung động mãnh liệt của chủ thể trước cuộc sống - Ý tứ của thơ phải biểu hiện qua những hình ảnh thấm đẫm cảm xúc của chủ thể.

ích cho bản thân trong việc hiểu bản chất của thơ và việc đọc thơ?		- Ngôn ngữ thơ phải có nhịp điệu, giàu nhạc tính, tác động mạnh vào tâm hồn người đọc. - Thơ có nhiều hình thức biểu hiện rất phong phú, thơ cách luật hoặc thơ tự do, có vần hoặc không vần,... điều quan trọng là phải diễn tả đúng tâm hồn của con người.
	Một số gợi ý của tác giả cho việc đọc thơ	- Đọc thơ cần có những rung cảm thực sự để thâm nhập vào cảm xúc của bài thơ. - Đọc thơ cần có những kiến thức về đặc trưng ngôn ngữ thơ để hiểu được giá trị biểu đạt của các yếu tố hình thức trong bài thơ.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM TRÌNH BÀY NỘI DUNG THẢO LUẬN CỦA CÁC NHÓM

STT	Tiêu chí	Xuất hiện	Không xuất hiện
1	Thể hiện nội dung sơ sài, nghèo nàn.		
2	Thể hiện được đúng đủ nội dung.		
3	Thể hiện được sâu sắc nội dung.		
4	Thuyết trình đơn điệu, kém hấp dẫn.		
5	Thuyết trình sinh động, hấp dẫn, thuyết phục.		
6	Cách thức thể hiện và nội dung hài hòa để lại ấn tượng sâu sắc với các bạn.		

2.3. Hướng dẫn tổng kết

a. Mục tiêu: Giúp HS khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của văn bản.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu vấn đề: - Văn bản đề cập đến vấn đề gì? - Những yếu tố nào về nghệ thuật lập luận đã tạo nên sức hấp dẫn của văn bản? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra giấy câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận	III. Tổng kết 1. Nội dung - Bài tiểu luận nêu lên những quan niệm mới mẻ, có chiều sâu về thơ, trong đó có những suy nghĩ, đề xuất của tác giả có thể gọi là táo bạo trong hoàn cảnh năm 1949 lúc bấy giờ: + Tác giả khẳng định thơ là tiếng nói tâm hồn của con người, nhưng tâm hồn đó phải có tư tưởng và được biểu hiện bằng hình ảnh, nhịp điệu, nhạc điệu và ngôn ngữ. + Đường đi của thơ là con đường đi thẳng vào tình cảm, từ trái tim nhà thơ đến với trái tim người đọc. + Thơ là tổng hợp, kết tinh, thơ luôn đòi hỏi sự toàn bích. + Về thơ tự do, thơ không vần, tác giả có một quan niệm mới mẻ, táo bạo: “không có vấn đề thơ tự do, thơ có vần và thơ

- GV gọi 2-3 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, chuẩn kiến thức.	không vắn. Chỉ có thơ thực và thơ giả, thơ hay và thơ không hay, thơ và không thơ”. Đây là một sự phá cách đối với thơ truyền thống nhưng lại cho ta thấy sự quan tâm đến chất lượng thơ của Nguyễn Đình Thi. 2. Nghệ thuật - Bài nghị luận về quan niệm thơ được viết ra với những suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ, có ý nghĩa cách tân, in đậm bản lĩnh và những trải nghiệm về thơ của Nguyễn Đình Thi, lại được viết bằng một tư duy trong sáng, một lập luận chặt chẽ và một cách viết tài hoa. - Thơ là một lĩnh vực khá trừu tượng, khó nắm bắt nhưng cách viết của tác giả lại dễ hiểu, cuốn hút người đọc vào vấn đề để cùng trao đổi, đối thoại. - Văn lí luận của Nguyễn Đình Thi giàu hình ảnh, mang hơi thở của cuộc sống và nhiệt tình của người viết: đó là những yếu tố làm nên nét riêng và sức hấp dẫn của bài tiểu luận này.
--	---

2.4. Hướng dẫn cách đọc hiểu một văn bản nghị luận

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm được cách đọc hiểu một văn bản nghị luận có cấu trúc nhiều tầng bậc.

b. Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân.
- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu câu hỏi: Qua trải nghiệm đọc hiểu văn bản <i>Mấy ý nghĩ về thơ</i> của tác giả Nguyễn Đình Thi, em hãy nêu cách đọc hiểu một văn bản nghị luận có cấu trúc nhiều tầng bậc. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ cá nhân và ghi ra vở câu trả lời trong 02 phút. - GV hướng theo dõi, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 3-5 HS trình bày 01 phút kết quả. - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV chuẩn kiến thức.	IV. Cách đọc hiểu một văn bản nghị luận có cấu trúc nhiều tầng bậc. - Phân tách từng lớp văn bản (Các phần của văn bản, luận đề - luận điểm từng phần, lí lẽ - dẫn chứng từng luận điểm, thao tác lập luận từng luận điểm,...). - Tìm hiểu quan điểm của người viết. - Xem xét tác động của văn bản tới bạn đọc và thời đại.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: HS hiểu được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập GV giao.

b. Nội dung: HS đọc lại văn bản, kết nối đọc và viết tích cực.

c. Sản phẩm: Đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cách hiểu của HS về ý kiến: *Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc.*

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày cách hiểu của bạn về ý kiến: *Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc.*

Có thể theo gợi ý sau:

- Về nội dung:
 - + Bài thơ là tiếng nói cảm xúc, thể hiện những trạng thái tình cảm của chủ thể trữ tình trước đời sống;
 - + Bài thơ phải biểu đạt cảm xúc bằng những phương tiện nghệ thuật có khả năng tác động mạnh vào tình cảm của người đọc;
 - + Những rung cảm mà người đọc có được là nhờ nội dung trữ tình và các yếu tố hình thức của thơ.
- Về cách thức, dung lượng: Chú ý cách tổ chức đoạn văn (diễn dịch, quy nạp hoặc tổng hợp) cũng như đảm bảo yêu cầu về dung lượng của đoạn.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân (khoảng 7-10 phút)

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV chọn đại diện 2-3 HS trình bày kết quả.
- HS khác lắng nghe và nhận xét, đánh giá theo bảng kiểm.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

Giáo viên nhận xét, đánh giá, hướng dẫn viết:

Bảng kiểm đánh giá bài viết của HS

Tiêu chí		Mô tả tiêu chí	Kết quả	
			Đạt	Không đạt
Hình thức		Đảm bảo quy cách một đoạn văn với độ dài khoảng 150 chữ (diễn dịch, quy nạp hoặc tổng hợp)		
Xác định đúng vấn đề nghị luận		<i>Bài thơ là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc.</i>		
Nội dung	Đề xuất được hệ thống ý	Bài thơ là tiếng nói cảm xúc, thể hiện những trạng thái tình cảm của chủ thể trữ tình trước đời sống,		
		Bài thơ phải biểu đạt cảm xúc bằng những phương tiện nghệ thuật có khả năng tác động mạnh vào tình cảm của người đọc;		
		Những rung cảm mà người đọc có được là nhờ nội dung trữ tình và các yếu tố hình thức của thơ.		
	Sắp xếp ý	Sắp xếp hệ thống ý phù hợp.		
Lập luận	Triển khai luận điểm	Triển khai được ít nhất 2 luận điểm.		
	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt	Thao tác lập luận và phương thức biểu đạt phù hợp.		

	Lí lẽ - dẫn chứng	Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.		
Diễn đạt		Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp.		
Sáng tạo		Suy nghĩ sâu sắc, diễn đạt mới mẻ.		

Đoạn văn tham khảo

Giữa ngôn từ có một khoảng trống mà chỉ có sự đồng điệu từ độc giả với những nỗi lòng, những tâm tư của nhà thơ mới có thể lấp đầy. Bởi vậy ta sẽ đau cùng Nguyễn Du khi thấy Kiều bị đọa đày, ta sẽ bùng cháy lòng yêu nước trong những khúc ca của Lê Anh Xuân, ta sẽ đắm say cùng tình yêu trong cái nhìn rạo rực của Xuân Diệu,... Để viết nên những vần thơ có sức lay động thực sự, có khả năng vượt qua mọi định luật băng hoại của thời gian và không thừa nhận cái chết (Saltykov-Shchedrin), thì tim anh phải đập, máu anh phải sôi, anh phải lặn sâu vào giữa đời, để không ngừng tìm tòi khám phá mà khơi ra những nguồn chưa ai khơi. Từ đó, những vần thơ anh khơi dậy những rung động sâu sắc trong tâm hồn con người, làm phong phú thế giới cảm xúc của con người, khiến con người vươn tới ước mơ sống tốt hơn, đẹp hơn. Đương nhiên, để làm được điều đó anh phải sống hết mình cho thơ để đem đến những câu tứ mới lạ, những ngôn từ ẩn chứa sức sống sâu xa, những hình ảnh giàu sức gợi có thể mở ra được cả chân trời bao la trong tâm trí người đọc,... *Bài thơ đúng là sợi dây truyền tình cảm cho người đọc.*

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng được kiến thức và kỹ năng đã học về văn bản để thực hiện nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Sổ sưu tầm thơ và những lời bình thơ.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: HS tạo lập sổ sưu tầm thơ và những lời bình.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS chia sẻ sản phẩm sưu tầm, bổ sung cho nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

- GV nhận xét tinh thần sưu tầm sản phẩm của HS, biểu dương và trao thưởng theo tuần.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Tìm đọc thêm các văn bản nghị luận có cùng đề tài, chủ đề.

- **Chuẩn bị bài:** Thực hành đọc: Thực hành đọc: *Cảm hứng và sáng tạo* (Trích – Nguyễn Trần Bạt).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Sách giáo viên Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.

- Nguyễn Thị Bích, KHBD môn Ngữ văn lớp 12, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam.

- Nội dung công văn 5512/BGD-ĐT.

- Nội dung modul 1, 2, 3 được tập huấn.

- Một số tài liệu, hình ảnh trên mạng internet.

RÚT KINH NGHIỆM

.....

.....

.....

TIẾT 31. TRẢ BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ I

I. MỤC TIÊU

1. Yêu cầu cần đạt:

- Hiểu rõ được những yêu cầu khi làm bài Đọc hiểu, bài văn NL VH
- Nhận ra ưu, nhược điểm trong bài làm của mình biết cách sửa chữa, rút kinh nghiệm cho bản thân.

2. Năng lực

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn NLVH
- Năng lực tiếp thu luyện kỹ năng sửa chữa lỗi trong bài kiểm tra của bản thân và của bạn.

3. Phẩm chất:

- Nghiêm túc chỉnh sửa những lỗi trong bài kiểm tra.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án, SGK
- Bài của học sinh, đề bài, hướng dẫn chấm – biểu điểm.

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức trong đề kiểm tra.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

- a. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng khởi cho hs.
- b. **Nội dung:** GV kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh.
- c. **Sản phẩm:** Hs chuẩn bị kiến thức đã học
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *Em đã xem lại phần kiến thức đã kiểm tra trong bài kiểm tra hôm trước chưa?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập thân để trình bày trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay sẽ nhận xét và chữa bài kiểm tra giữa kì.*

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài

- a. **Mục tiêu:** Hiểu rõ được những yêu cầu của kiểu bài.
- b. **Nội dung:** HS sử dụng bài làm, so sánh với đáp án GV đưa ra.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS so sánh bài làm với đáp án.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-----------------------	------------------

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập -GV Cần lưu ý điều gì với phần Đọc – hiểu? Đọc kĩ, trả lời đúng yêu cầu câu hỏi đề cho HS nhắc lại yêu cầu chung của bài văn NLVH GV nhắc lại các lưu ý khi làm bài văn NL so sánh 2 tác phẩm truyện Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu của GV. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	1. Đọc hiểu 2. Yêu cầu đối với bài văn NLVH
---	---

Hoạt động 2: Nhận xét ưu, khuyết điểm, trả bài, gọi điểm

- a. **Mục tiêu:** Nhận ra ưu, khuyết điểm của bản thân và cách sửa chữa:
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.
- c. **Sản phẩm học tập:** H HS rút kinh nghiệm bài viết.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút kinh nghiệm. - GV trả bài cho HS, yêu cầu HS chỉnh sửa theo hướng dẫn trong SHS và những phân tích, bổ sung ở trên. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ	II. ƯU, KHUYẾT ĐIỂM: 1. Ưu điểm: + Nhiều em đã biết cách làm bài, hiểu yêu cầu của đề. + Trình bày khoa học. - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm. - Sáng tạo trong cách diễn đạt. 2. Nhược điểm: - Một số em chưa biết cách làm bài : * Kiến thức: + Chưa nắm vững yêu cầu bài làm: chưa nêu hết được điểm giống, khác nhau của 2 đoạn trích ; thiếu lí giải, đánh giá.

học tập - HS nghe yêu cầu, tự sửa các lỗi trong bài làm của mình và rút kinh nghiệm. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. - Hướng dẫn HS viết lại bài văn cảm nhận.	+ Bài văn nêu còn sơ sài * Diễn đạt: - Dùng từ : Một số em dùng từ ngữ chưa chính xác, chưa biết cách diễn đạt mạch lạc, lôgic. - Lời văn : Một số em viết bài chưa đạt yêu cầu. - Chữ viết : Ấu, sai lỗi chính tả nhiều, gạch xóa, trình bày không khoa học. 3. Kết quả: 4. Hướng dẫn chữa bài: - Lỗi chính tả :nh-gi-d, anh - an, ... - Lỗi diễn đạt : Lủng củng, lặp từ, sai từ. III. Trả bài:
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS củng cố kiến thức.
- b. Nội dung:** GV giao bài tập, HS suy nghĩ, trả lời.
- c. Sản phẩm học tập:** HS viết bài theo yêu cầu.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS: Đọc bài viết của các bạn trong nhóm và cùng trao đổi, góp ý.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc và hoàn thành bài tập

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS hoàn thiện bài viết của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa bài viết
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa lại bài.
- c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS rà soát, chỉnh sửa văn bản tóm tắt vừa hoàn thành theo gợi ý:
Em rút ra kinh nghiệm gì sau khi làm bài văn NL so sánh 2 đoạn trích truyện?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và sửa lỗi trong bài kiểm tra theo nhận xét của giáo viên.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS đại diện trình bày.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, lưu ý cả lớp, khen ngợi HS đã trình bày bài tập trước lớp.

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản dưới đây và trả lời các câu hỏi:

Tự nhiên lại gọi tên làng
Như là đứa trẻ lạc đường gọi cha
Giật mình như vạc ăn xa
Qua đêm mới kịp nhận ra chân trời!
Bàn chân nhẵn Bắc, Nam rồi
Thương về cái cổng cóc ngời dầm mưa,
Miếng cà nhai tự ngày xưa
Bây giờ nghe lại vẫn chưa hết giòn!
Nghe bao lời phẩn lời son
Rưng rưng lại ước mẹ còn... vồng đưa...

Lời quê lấm nắng, nhiều mưa
Nắng mưa sao ngọt, cây bừa sao thơm!
Nhiều khi đói chả thèm cơm
Thèm lời chân thật được đơm cho đầy.
Đem mình làm cuộc trưng bày
Nhìn mình chỉ thấy mình đầy dấu quê.
Hồn như hạt cải, hạt kê
Gieo đi trăm ngả lại về làng xanh.
Câu thơ lạc chốn đô thành
Xin về ngọt với đất lành làng ơi!

(*Dấu quê*, Nguyễn Minh Khiêm, Theo *Những mảnh ghép của huyền thoại*,
Nguyễn Thanh Tâm, NXB Văn học, 2024, tr.339)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của văn bản. (0,75 điểm)

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình trong văn bản. (0,75 điểm)

Câu 3. Anh/chị hiểu như thế nào về nội dung hai dòng thơ sau: *Tự nhiên lại gọi tên làng/ Như là đứa trẻ lạc đường gọi cha*. (1,0 điểm)

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong hai dòng thơ sau: *Hồn như hạt cải, hạt kê /Gieo đi trăm ngả lại về làng xanh*. (1,0 điểm)

Câu 5. Trình bày cảm xúc của nhân vật trữ tình trong văn bản. (1,0 điểm)

Câu 6. Từ nội dung của văn bản, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc lưu giữ *dấu quê* trong cuộc sống hiện đại ngày nay. (Trả lời bằng đoạn văn 5-7 câu) (1,5 điểm)

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Đoạn trích 1:

(Lược phần đầu: Truyện kể về Tân, người chồng lo lắng chờ đợi khi vợ sinh con, nhưng khi con ra đời, anh cảm thấy xa lạ và không thể gần bó ngay lập tức. Trong tuần lễ đầu, Tân dừng dừng, thỉnh thoảng còn khó chịu với con. Một lần, khi tắm cho con, anh bỏ đi vì bức bối, khiến vợ buồn. Mặc dù hối hận, Tân không xin lỗi, để cái tôi lấn át. Các cuộc cãi vã nhỏ nhất giữa hai vợ chồng diễn ra do Tân không chịu hòa giải. Sau đó, khi Tân thấy vợ đang cho con bú, nhìn đứa bé hồng hào và vui vẻ, anh cảm thấy âm lòng.)

Tân lại gần, cúi nhìn đứa bé. Chàng thấy trong lòng một mối cảm động êm đềm và phiền phức. Nhìn đứa trẻ ngây thơ nằm trong lòng mẹ, Tân cảm thấy lần đầu cái thiêng liêng sâu xa của sự sống, và nhận thấy chính cái bé nhỏ, hèn mọn hằng ngày nó phá hoại cuộc đời.

Từ đầu đứa con như cái dây giữ sự hòa hợp trong hai vợ chồng. Tân và vợ chàng không cãi nhau nữa. Mà nếu có xảy ra cuộc hờn giận, hai người chỉ cùng trông đứa trẻ mũm mĩm là lại hòa hảo như cũ.

Thỉnh thoảng vợ chàng bỗng con đưa đến trước mặt Tân, chỉ cho chàng biết những cái thay đổi trong đứa bé.

- *Này cậu trông, cái thóp bây giờ đã nhỏ đi rồi đấy.*

Tân cũng chăm chú xem, rồi nói chuyện với con. Lúc chàng ngẩng lên nhìn, chàng thấy vợ ngượng nghịu muốn giấu sự vui mừng làm ứng hồng đôi gò má. Tân cũng thấy trong tâm can một sự vui vẻ khác thường

Buổi sáng nay, vừa bước chân vào trong nhà, Tân đã hỏi vợ:

- *Em đâu?*

- *Nó ngủ. Cái gì thế?*

- *Tôi có cái này hay lắm.*

Tân giờ lên cho vợ xem một đôi bút tất len trắng xinh đẹp. Chàng bước lại bên cạnh cái nôi rủ màn trắng sạch sẽ.

Vợ chàng vội nói:

- *Ấy, khế chứ cậu, để nó ngủ. Tôi vừa mới đặt xong.*

Tân rón rén, khe khẽ giở tấm màn tuyn, nhìn thấy đứa trẻ nằm gọn gàng trong vải trắng. Chàng cúi mình xuống, yên lặng đợi trên cặp môi nhỏ bé một nụ cười.

Và Tân thấy trong lòng rung động khê như cánh bướm non, một tình cảm sâu xa và mới mẻ chàng chưa từng thấy.

(Thạch Lam, Trích *Đứa con đầu lòng*, Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2015, trang 10-11)

Đoạn trích 2:

(Lược một đoạn: Chị Diệu về quê giữa mùa lưu diễn của đoàn cải lương Mưa Bình Minh, khi tàu ghé đập Bàu Mốp. Chị gặp mẹ sau đám giỗ, bà ngạc nhiên khi chị về. Chị rời nhà từ năm mười bảy tuổi, giờ đã bốn mươi, và chưa bao giờ về lâu dài. Mẹ nhìn chị nghi ngờ, hỏi có chuyện gì không. Chị hỏi về con San, mẹ bảo nó đi đón ghe khóm. Chị buồn bã, trách mẹ để con đi làm vất vả, nhưng mẹ chị an ủi, con San không cần tiền của chị, dù đã nhiều lần từ chối. Chị nhớ lại lần con San trả lại tiền gửi, nói rằng sẽ tự lo, khiến chị cảm thấy xa cách.)

Chị sinh con San cũng ngay mùa này, gió này. Gọi là San, là vì khi Hoàng Bảo từ thành phố tăng cường xuống Mưa Bình Minh, chị Diệu với anh hát chung tuồng San Hậu. Chị yêu anh lắm, không ai còn có thể nghệ sĩ hơn thế, tất cả con người Anh toát lên cái gì đó phong trần, phiêu lãng, thương không chịu được. Chị đặt tên cho đứa con đầu lòng là San vì tin rằng sẽ để cho anh thêm thằng Hậu, nhưng thằng Hậu mãi mãi không bao giờ có. San vừa tròn bảy tháng để nó lại cho má, chị đi. Hôm đó nó đã bú cho thật no rồi, chị ép cho no nữa. Nó ngậm vú chị ngủ ngon lành. Đặt con xuống giường, chị còn thấy cái miệng nhỏ xiu của nó mút mút. Rồi từ đó chị không dám nhìn thêm lần nào nữa, sợ mãi mãi mình không thể nhấc chân đi. Mà chị thì không thể từ bỏ ước mơ của mình, trở thành cô đào hát nổi tiếng. Làm sao từ chối vai diễn đã từng chờ đợi, nàng Trưng Trắc oai hùng trong Tiếng Trống Mê Linh?

Chị yêu vai Trưng Trắc này biết bao nhiêu, người phụ nữ cũng có lúc dao động, mềm lòng khi chồng của mình đang nằm trong tay giặc. Nhưng rồi Trưng Trắc vẫn mạnh mẽ đánh trống xuất quân, nước mắt bi hùng nhỏ xuống mặt trống vang lời ly biệt. Mấy hôm đầu, có lúc sữa xuống nặng, chị Diệu nhớ con quay quắt, chị muốn bỏ hết về nhà vùi mặt mình vào làn da thơm tho của nó, nhưng nghĩ đến vai diễn của mình, chị ghì lòng lại. Đâu nè, Trưng Trắc đâu có nữ nhi thường tình vậy...

(Nguyễn Ngọc Tư, Trích *Người đứng làm má*, Tập truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư, NXB Trẻ, 5/2024)

Anh/ Chị viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích trên.

*** Chú thích tác giả:**

- Thạch Lam (1910 - 1942), sinh ra tại Hà Nội, trong gia đình công chức gốc quan lại. Thuở nhỏ sống ở quê ngoại: phố huyện Cẩm Giàng (Hải Dương). Là người đôn hậu và rất đổi tinh tế.

- Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Giọng văn chi đậm chất Nam Bộ.

SỞ GD&ĐT TP ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ
NĂM HỌC 2025 - 2026
Môn: NGỮ VĂN 12

I	Câu	Nội dung	Điểm
		Độc hiểu	6,0
	1	- Thể thơ: lục bát. - Dấu hiệu nhận biết: đều đặn một câu 6 chữ, một câu 8 chữ. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý :0,5 điểm. - Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm.	0,75
	2	Nhân vật trữ tình: người con xa quê. (chấp nhận phương án tác giả) Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm.	0,75
	3	- Cảm xúc trân trọng, nhớ thương, biết ơn của người con xa quê với quê hương: nhớ về “tên làng”, về những hình ảnh thân thuộc gần gũi “cổng làng”, “miếng cà”, lời ru của mẹ bên “võng đưa” ... - Khao khát được trở về làng, về với nguồn cội. - Học sinh trả lời được như đáp án: 1 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm.	1,0
	4	- Hai dòng thơ nói về nỗi nhớ tên làng mãnh liệt, tự nhiên không thể kìm nén nên gọi tên, giống như một đứa trẻ lạc đường đang hoang man tìm về nơi chốn bình yên. Qua đó thấy được sự gắn kết thiêng liêng giữa con người với quê hương giống như tình phụ tử không thể tách rời. Chính vì thế mỗi người cần phải biết trân quý quê hương của mình - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 2 ý: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm.	1,0
	5	Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong hai dòng thơ sau: <i>Hồn như hạt cải, hạt kê/Gieo đi trăm ngả lại về làng xanh.</i> - Biện pháp tu từ so sánh: So sánh “hồn” với “hạt cải, hạt kê” qua từ “như” - Tác dụng:	1,0

		+ Làm cho câu thơ sinh động, hấp dẫn, giàu hình ảnh, tăng giá trị biểu đạt + Làm nổi bật vai trò quan trọng của quê hương, quê hương là điểm tựa, đích đến trong hành trình sống của mỗi con người. Qua đó thấy được thái độ trân trọng và tình yêu quê hương của nhân vật trữ tình. <i>-Thí sinh trả lời đủ ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm</i> <i>Thí sinh chỉ ra biện pháp tu từ 0,25, nêu được tác dụng 1 được 0,25đ, tác dụng 2 được 0,5đ</i>	
	6	- Thí sinh nêu được nội dung của văn bản: Nỗi nhớ thiết tha, sự gắn bó và lòng biết ơn của nhân vật trữ tình với quê hương. - Thí sinh nêu được ý nghĩa của việc lưu giữ <i>dấu quê</i> trong cuộc sống ngày nay: + giúp tâm hồn con người trở nên phong phú, tinh tế + tạo điểm tựa tinh thần cho con người + giúp con người biết sống nhân hậu, thủy chung + phát huy truyền thống uống nước nhớ nguồn, bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước... <i>Thí sinh trả lời được như đáp án hoặc diễn đạt tương đương, đảm bảo yêu cầu đoạn văn: 1,5 điểm. (nêu được nội dung của văn bản: 0,25đ; đảm bảo yêu cầu đoạn văn 0,25. chỉ ra được 4 ý nghĩa phù hợp: 1 điểm; nêu được 1 ý nghĩa: 0,25 điểm)</i> <i>Thí sinh Trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm.</i> <i>* Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách, tỏ ra thuyết phục là chấp nhận được.</i>	1,5
II		Viết	4,0
	1	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích <i>Đứa con đầu lòng</i> của Thạch Lam và <i>Người đưng làm má</i> của Nguyễn Ngọc Tư .	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: NLVH – kiểu bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: So sánh, đánh giá hai đoạn trích <i>Đứa con đầu lòng</i> của Thạch Lam và <i>Người đưng làm má</i> của Nguyễn Ngọc Tư.	0,25
		c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết. - Xác định được ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn	1,5

nghị luận:

* Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: So sánh, đánh giá hai đoạn trích *Đứa con đầu lòng* của Thạch Lam và *Người dung làm má* của Nguyễn Ngọc Tư.

* Triển khai vấn đề nghị luận

- **Phân tích điểm tương đồng của hai tác phẩm.**

- Về nội dung: Cả hai đoạn trích đều khai thác đề tài tình cảm gia đình trong mối quan hệ giữa mẹ hoặc cha và con cái.

- Về nghệ thuật: Cả hai đoạn trích đều sử dụng ngôi kể thứ ba để mô tả tâm lý nhân vật, từ đó dễ dàng thể hiện những mâu thuẫn nội tâm phức tạp của người mẹ và người cha.

- **Phân tích điểm khác biệt của hai tác phẩm:**

- Về nội dung:

Đề tài, chủ đề: Trong *Đứa con đầu lòng*, chủ yếu là sự thay đổi trong tình cảm của người cha, còn trong *Người dung làm má*, mâu thuẫn chủ yếu xoay quanh sự lựa chọn giữa gia đình và nghề nghiệp, khi người mẹ phải từ bỏ đứa con để theo đuổi ước mơ.

- Về nghệ thuật:

Giọng điệu và ngôn ngữ: Thạch Lam sử dụng giọng điệu nhẹ nhàng, thanh thoát với sự quan sát tinh tế về tâm lý nhân vật, đặc biệt là trong các đoạn miêu tả sự thay đổi trong tình cảm của Tân. Nguyễn Ngọc Tư, ngược lại, sử dụng giọng điệu sâu sắc và đầy cảm xúc, phản ánh sự mâu thuẫn nội tâm giằng xé mạnh mẽ của người mẹ.

* **Lý giải sự tương đồng và khác biệt**

- Sự tương đồng: Cả hai đoạn trích đều khai thác sâu sắc chủ đề tình cảm gia đình, đặc biệt là tình cảm cha mẹ dành cho con cái. Dù biểu hiện qua các hoàn cảnh và cảm xúc khác nhau cả hai tác phẩm đều thể hiện tình yêu thương, sự trăn trở và thay đổi trong nội tâm nhân vật khi đối diện với vai trò làm cha, làm mẹ.

- Sự khác biệt: Xuất phát từ bối cảnh xã hội; quan điểm, cách tiếp cận nghệ thuật; phong cách viết của hai nhà văn.

+ Bối cảnh xã hội:

. Thạch Lam sống trong thời kỳ xã hội còn nhiều khuôn khổ, nơi vai trò gia đình được đề cao.

. Nguyễn Ngọc Tư thuộc thế hệ hiện đại, với những thay đổi lớn về vai trò của người phụ nữ và sự mâu thuẫn giữa truyền thống và hiện đại.

+ Quan điểm, cách tiếp cận nghệ thuật, phong cách viết.

. Thạch Lam phản ánh một gia đình trung lưu thành thị thời kỳ nửa đầu thế kỷ XX, nơi cuộc sống gia đình gắn liền với sự hòa

	hợp và bình yên. Giọng văn nhẹ nhàng, tinh tế, tập trung vào những rung động nội tâm và mô tả sự ám áp của cuộc sống gia đình. Tác phẩm mang hơi hướng lãng mạn và trữ tình. . Nguyễn Ngọc Tư viết về một vùng quê Nam Bộ đậm chất đời thường, nơi nhân vật chị Diệu phải chọn giữa gia đình và khát vọng cá nhân. Tình cảm mẹ con bị giằng xé bởi những mâu thuẫn hiện đại: ước mơ, sự nghiệp và trách nhiệm làm mẹ. Giọng văn phẳng phất nổi buồn và sự trăn trở của con người hiện đại. * Đánh giá chung - Sự tương đồng giữa hai đoạn trích tạo nên một cái nhìn thống nhất về tình cảm gia đình. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa các đoạn trích lại thể hiện sự đa dạng trong phong cách sáng tác của Thạch Lam và Nguyễn Ngọc Tư, qua đó khẳng định tài năng và cá tính riêng của tác giả.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. <i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	1,5
	<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong bài văn.	0,25
	<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
Tổng điểm		10,0

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Tiết 32

LỖI LOGIC, LỖI CÂU MƠ HÒ VÀ CÁCH SỬA

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS hiểu bản chất của hai loại lỗi (lỗi logic và lỗi câu mơ hồ).
- HS nhận diện được biểu hiện cụ thể của hai loại lỗi trong văn bản.

2. Về năng lực

- HS biết cách sửa lỗi đảm bảo yêu cầu về nghĩa của câu, phù hợp với ngữ cảnh.
- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa vào các nhiệm vụ trong thực tiễn.

3. Về phẩm chất: Trân trọng, giữ gìn và phát huy giá trị của tiếng Việt.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, rubric đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Kết nối tri thức
- Tạo hứng thú
- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

b. Nội dung hoạt động: HS xem video, trả lời câu hỏi kết nối vào bài học

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS xem Clip: https://www.youtube.com/watch?v=1Au9yYHQH98 - GV nêu vấn đề: + Hãy chỉ ra trong trích đoạn yếu tố gây cười đối với người xem. + Theo em, tại sao chúng ta thấy buồn cười? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS xem video và thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi. - GV gọi một số đại diện HS trình bày kết quả. - HS khác lắng nghe, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, đánh giá câu trả lời, tuyên dương cặp đôi HS có câu trả lời xuất sắc. - GV dẫn vào bài học.	* Yếu tố gây cười đối với người xem: - Đứng lên > < Vận động - Ngồi im > < Vận động - Chủ nhà - vai trò > < Chủ Nhà - tên riêng * Nguyên nhân gây cười là bởi những phát ngôn mâu thuẫn, mơ hồ,...

2. HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH

a. Mục tiêu:

- HS hiểu bản chất của hai loại lỗi (lỗi logic và lỗi câu mơ hồ).
- HS nhận diện được biểu hiện cụ thể của hai loại lỗi trong văn bản.
- HS biết cách sửa lỗi đảm bảo yêu cầu về nghĩa của câu, phù hợp với ngữ cảnh.

b. Nội dung: HS tham gia cuộc thi: **Cú pháp nhiệm màu.**

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS					Dự kiến sản phẩm				
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức cuộc thi: GV chia lớp làm 3 đội chơi tham gia cuộc thi Cú pháp nhiệm màu. Vòng 1. Thông thái <u>Yêu cầu:</u> - Các đội nghiên cứu phần kiến thức tiếng Việt bên phải trang sách, thảo luận các dạng lỗi (cách nhận diện, cách sửa) khoảng 3 phút, sau đó cử đại diện lên thi đấu. - Mỗi đội chơi nhận được 1 Bảng nhận diện lỗi và cách sửa (hình thức: nối cột A với cột B) đội nào nối nhanh hơn, đúng hơn sẽ dành điểm cao hơn. Cụ thể: - Nhất: 10 điểm - Nhì: 7 điểm - Ba: 5 điểm Bảng nhận diện lỗi và cách sửa					1. Dấu hiệu nhận biết và cách sửa lỗi logic và lỗi câu mơ hồ				
					Biểu hiện	A	Nối	B	Cách sửa
					Lẫn lộn các bình diện khi nói về đối tượng.	a	a-2	1	Lược bỏ một trong các ý mâu thuẫn.
					Có sự mâu thuẫn giữa các ý trong câu.	b	b-1	2	Quy các ý về cùng một bình diện.
					Đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng.	c	c-4	3	Xác định được ý cần biểu đạt, nhằm biểu đạt đúng ý đã xác định. Tiếp đó, đọc lại câu để biết cần thêm từ ngữ hay dấu câu vào vị trí nào.
					Câu có cấu trúc được diễn giải theo những cách khác nhau, dẫn đến những cách hiểu nghĩa khác nhau.	d	d-3	4	Phân chia cấp độ rành mạch cho các đối tượng được nhắc tới.
					2. Thực hành nhận biết lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa				
					a. Bài tập 1				
					Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa	
					a. Là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới, <i>Vội vàng</i> của	Lỗi logic: Lẫn lộn các bình diện khi nói về đối tượng.	Câu nêu hai thông tin thuộc hai bình diện khác nhau: tác giả (<i>Xuân Diệu</i>) và tác phẩm <i>Vội vàng</i> . Ở câu văn này, người viết mặc nhiên xem tác giả và tác phẩm thuộc một bình diện.	Câu này cần sửa bằng cách quy các thông tin về cùng bình diện: + Cách 1: Là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới, <i>Xuân Diệu</i> luôn đưa ra những tuyên ngôn bằng thơ về cách sống của cái tôi cá nhân.	
Biểu hiện	A	Nối	B	Cách sửa	Lẫn lộn các bình diện khi nói về đối tượng.	a		1	Lược bỏ một trong các ý mâu thuẫn.
Có sự	b		2	Quy					

mâu thuẫn giữa các ý trong câu.				các ý về cùng một bình diện.	Xuân Diệu như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân.			+ Cách 2: Bài thơ “Vội vàng” của Xuân Diệu - nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới - được xem như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân.
Đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng.	c		3	Xác định được ý cần biểu đạt, nhằm biểu đạt đúng ý đã xác định. Tiếp đó, đọc lại câu để biết cần thêm từ ngữ hay dấu câu vào vị trí nào.	b. Sử dụng điện gió vừa bảo vệ được môi trường, vừa không tổn nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện.	Lỗi logic: Đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng.	Trong câu này, “điện gió” là loại năng lượng vốn không sử dụng nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện (chạy bằng than đá hoặc bằng dầu, khí đốt), cho nên không thể nói “tốn” ít hay nhiều nhiên liệu. Mặt khác, không sử dụng nhiên liệu nên không có khí thải, nghĩa là điện gió hiển nhiên có tác dụng bảo vệ môi trường, do đó không thể dùng từ cặp nối “vừa... vừa” được.	- Sửa: Sử dụng điện gió có tác dụng bảo vệ môi trường, vì điện gió không tiêu thụ nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện.
Câu có cấu trúc được	d		4	Phân chia cấp độ	c. Loan không thích nghệ thuật,	Lỗi logic: Quan hệ giữa hai vế	Ở câu này, nếu xem Loan “không biết làm thơ” là nguyên nhân dẫn đến việc cô ấy “không thích nghệ thuật” thì	Câu này có hai cách sửa: - Cách 1: Loan không biết làm thơ, và cô ấy cũng không thích nghệ

diễn giải theo những cách khác nhau, dẫn đến những cách hiểu nghĩa khác nhau.				rành mạch cho các đối tượng được nhắc tới.	vì cô ấy không biết làm thơ.	thiếu logic.	không đúng, vì nghệ thuật vốn có nhiều loại hình, thơ chỉ là một trong số đó. Không biết làm thơ vẫn có thể thích nghệ thuật; ngược lại, không thích nghệ thuật do nhiều nguyên nhân khác chứ không phải vì không biết làm thơ.	thuật. - Cách 2: <i>Loan không biết làm thơ, nhưng cô ấy rất thích nghệ thuật.</i>
b. Bài tập 2								
Vòng 2. Bắt lỗi 3 đội bắt thăm thực hiện các bài tập 1, 2, 3 sgk, đội nào thiết kế Bảng sửa lỗi theo mẫu nhanh, đúng hơn sẽ được điểm cao hơn Cụ thể: - Nhất: 10 điểm - Nhì: 7 điểm - Ba: 5 điểm * Câu hỏi: 1. Chỉ ra lỗi logic trong các câu sau và sửa lại: a. Là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới, <i>Vội vàng</i> của Xuân Diệu như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân. b. Sử dụng điện gió vừa bảo vệ được môi trường, vừa không tốn nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện. c. Loan không thích nghệ thuật, vì cô ấy không biết					Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa
					a. Không chỉ say mê làm thơ, ông tôi còn rất thích sáng tác bằng thể lục bát và song thất lục bát.	Mắc lỗi logic	Câu này dùng cặp từ nối “không chỉ... còn”. Xét về hình thức ngữ pháp, câu không sai, nhưng quan hệ nội dung giữa hai vế không hợp lý: lục bát và song thất lục bát cũng là thơ.	Cần sửa lại để người đọc hiểu rằng thơ có nhiều thể, trong đó có lục bát và song thất lục bát. Chẳng hạn: <i>Ông tôi rất thích làm thơ, nhất là lục bát và song thất lục bát.</i>
					b. Ăn nhiều rau quả vừa tốt cho sức khỏe lại vừa giảm nguy cơ mắc một số bệnh.	Mắc lỗi logic	Câu này dùng cặp từ nối “vừa... vừa”. Lẽ ra đã dùng cặp từ nối này thì hai nội dung phải khác nhau. Tuy nhiên, ở đây, “giảm nguy cơ mắc một số bệnh” cũng là biểu hiện của “tốt cho sức khỏe”.	Có thể sửa: <i>Ăn nhiều rau quả tốt cho sức khỏe, vì giảm nguy cơ mắc một số bệnh.</i>
					c. Hoàng Phủ Ngọc Tường -	Đây là câu	“Hoàng Phủ Ngọc Tường” là danh từ riêng có thể làm	Câu này có hai cách sửa: - Cách 1: Thêm

làm thơ. 2. Trong các câu sau, có câu mắc lỗi về ngữ pháp, có câu mắc lỗi về logic. Hãy phân tích loại lỗi của từng câu và sửa lại: a. Không chỉ say mê làm thơ, ông tôi còn rất thích sáng tác bằng thể lục bát và song thất lục bát. b. Ăn nhiều rau quả vừa tốt cho sức khoẻ lại vừa giảm nguy cơ mắc một số bệnh. c. Hoàng Phủ Ngọc Tường - một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao. d. Bên cạnh từ đơn và từ ghép, tiếng Việt còn có bộ phận từ Hán Việt. 3. Đọc các câu sau và thực hiện yêu cầu: a. Nêu những khả năng hiểu khác nhau về từng câu và lí giải căn cứ của mỗi cách hiểu. b. Sửa lại để mỗi câu chỉ được hiểu theo một nghĩa. - Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm không để lại dấu vết. - Trong vườn hoa cúc nở rộ rực một màu vàng. - Bầu trời in xuống dòng sông xanh ngắt một màu. - Doanh nghiệp làm ăn có lãi rất nhiều. * Bảng sửa lỗi <table><tr><th>Ngữ liệu</th><th>Loại lỗi</th><th>Biểu hiện</th><th>Cách sửa</th></tr><tr><td>- Các cảnh sát truy tìm tên</td><td>Mơ hồ về nghĩa</td><td>Câu có thể khiến người đọc thắc mắc: Đối tượng “không để lại dấu vết” là “Các cảnh sát” hay “tên tội phạm”?</td><td>Có thể sửa: <i>Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm, mặc dù hẳn không để lại dấu vết.</i></td></tr></table>					Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa	- Các cảnh sát truy tìm tên	Mơ hồ về nghĩa	Câu có thể khiến người đọc thắc mắc: Đối tượng “không để lại dấu vết” là “Các cảnh sát” hay “tên tội phạm”?	Có thể sửa: <i>Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm, mặc dù hẳn không để lại dấu vết.</i>
Ngữ liệu	Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa									
- Các cảnh sát truy tìm tên	Mơ hồ về nghĩa	Câu có thể khiến người đọc thắc mắc: Đối tượng “không để lại dấu vết” là “Các cảnh sát” hay “tên tội phạm”?	Có thể sửa: <i>Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm, mặc dù hẳn không để lại dấu vết.</i>									
một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao.		thiếu vị ngữ, một kiểu lỗi ngữ pháp	chủ ngữ trong câu; về “một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao” là thành phần biệt lập, chú thích cho danh từ riêng đó.	từ “là” để biến thành phần chú thích thành vị ngữ: Hoàng Phủ Ngọc Tường là một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao. - Cách 2: Giữ nguyên thành phần chú thích, thêm vị ngữ cho câu: <i>Hoàng Phủ Ngọc Tường - một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao - có sở trường về tùy bút.</i>								
d. Bên cạnh từ đơn và từ ghép, tiếng Việt còn có bộ phận từ Hán Việt.		Mắc lỗi logic	Ở câu này, hai vế đi với “bên cạnh” và “còn có” lẽ ra phải là kết quả phân loại trên cùng một tiêu chí. Ở đây, “từ đơn và từ ghép” là xét về cấu tạo; “từ Hán Việt” là xét về nguồn gốc.	Có thể sửa: <i>Về nguồn gốc, từ đơn và từ ghép của tiếng Việt đều có thể là từ Hán Việt.</i>								
c. Bài tập 3												
Ngữ liệu		Loại lỗi	Biểu hiện	Cách sửa								
- Các cảnh sát truy tìm tên		Mơ hồ về nghĩa	Câu có thể khiến người đọc thắc mắc: Đối tượng “không để lại dấu vết” là “Các cảnh sát” hay “tên tội phạm”?	Có thể sửa: <i>Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm, mặc dù hẳn không để lại dấu vết.</i>								

				tội phạm không để lại dấu vết.			
Vòng 3. Tình hoa Các đội sẽ cùng thảo luận thực hiện bài 4 sgk, đội nào làm nhanh hơn, đúng hơn sẽ được điểm cao hơn Cụ thể: - Nhất: 10 điểm - Nhì: 7 điểm - Ba: 5 điểm * Câu hỏi: 4. Nêu và phân tích các cách hiểu có thể có về những câu thơ sau, từ đó cho biết các câu thơ ấy có mắc lỗi câu mơ hồ hay không. <i>Anh mang tình em đi</i> <i>Qua những đèo lẻ nắng</i> <i>Những sông trưa không dòng</i> <i>Những đường mưa ngấn trắng</i> (Lê Đạt, <i>Sáng soi</i>) <i>Giọt nước mắt vàng trắng</i> <i>Long lanh trong đáy giếng</i> (Thanh Thảo, <i>Đàn ghi ta của Lor-ca</i>) <i>Đất đá ong khô nhiều sỏi lệ</i> <i>Em đã bao ngày lệ chứa chan?</i> (Quang Dũng, <i>Mắt người Sơn Tây</i>)				Trong vườn hoa cúc nở rộ rực một màu vàng.	Mơ hồ về nghĩa	- Câu này có thể ngắt nhịp theo hai cách, cho hai nghĩa hoàn toàn khác nhau.	Người viết phải dùng dấu phẩy ngắt các vế để câu có nghĩa phù hợp. - Cách 1: Trong vườn, hoa cúc nở rộ rực một màu vàng. - Cách 2: Trong vườn hoa, cúc nở rộ rực một màu vàng.
				Bầu trời in xuống dòng sông xanh ngắt một màu.	Mơ hồ về nghĩa	Câu này cũng có hai cách ngắt nhịp, mỗi cách cho một nghĩa cụ thể.	Người viết phải dùng dấu phẩy ngắt các vế để câu có nghĩa phù hợp. - Cách 1: Bầu trời in xuống, dòng sông xanh ngắt một màu. - Cách 2: Bầu trời in xuống dòng sông, xanh ngắt một màu.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS trao đổi theo đội nhóm Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV lựa chọn MC dẫn dắt cuộc thi; 2 thư ký ghi điểm. - Các đội cử đại diện tham gia cuộc thi, thời gian thi đấu tối đa 10 phút, trình bày trên				Doanh nghiệp làm ăn có lãi rất nhiều.	Mơ hồ về nghĩa	Câu này cũng có hai cách hiểu, kết quả của hai cách ngắt nhịp. Cách hiểu thứ nhất: nhiều doanh nghiệp làm ăn có lãi; cách hiểu thứ hai: doanh nghiệp lãi nhiều (lãi)	Muốn câu xác định về nghĩa cần diễn đạt tường minh. - Cách 1: Nhiều doanh nghiệp làm ăn có lãi. - Cách 2: Doanh

bảng hoặc trên giấy A4, trước sự cổ vũ của các HS còn lại.			lớn).	<i>nghiệp làm ăn có lãi lớn.</i>
- Đội chiến thắng là đội nhanh nhất và đúng nhất. - Các đội còn lại đều có quyền bổ sung để được ghi điểm. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét, căn cứ kết quả từ thư ký, xếp thứ tự, chúc mừng đội thắng cuộc, trao thưởng.	d. Bài tập 4: Tạo sự mơ hồ về ý hoặc phi logic có chủ đích nghệ thuật - Hai câu sau của khổ thơ có thể đọc theo nhiều cách khác nhau: + Có thể ngắt theo nhịp 3/2: <i>Những sông trưạ/không đò</i> <i>Những đường mưa/ngắn nắng</i> + Hoặc theo nhịp 2/3: <i>Những sông/trưạ không đò</i> <i>Những đường/mưa ngắn nắng</i> + Lại cũng có thể đọc liền mạch, không ngắt nhịp trong nội bộ từng câu: <i>Những sông trưạ không đò</i> <i>Những đường mưa ngắn nắng</i> => Mỗi cách ngắt nhịp cho một ý nghĩa khác nhau, nghĩa nào cũng có cơ sở. Với cách viết như vậy, hai câu thơ này không giới hạn cách hiểu của người đọc. - Trường hợp này, câu thơ đầu có nhiều khả năng tạo nghĩa, vì giữa “giọt nước mắt” và “vàng trắng” có thể có những quan hệ khác nhau: + <i>Giọt nước mắt như vàng trắng,</i> + <i>Giọt nước mắt là vàng trắng,</i> + <i>Giọt nước mắt thành vàng trắng;</i> + <i>Giọt nước mắt của vàng trắng;...</i> => Mỗi tương quan được xác lập cho một nghĩa khác nhau. Đây là hiện tượng đa nghĩa trong thơ - kết quả sáng tạo ngôn từ của tác giả. - Câu thơ đầu có hai cách ngắt nhịp: + Nếu ngắt theo cách <i>Đất đá ong/khô nhiều suối lệ</i>, có thể hiểu: vùng đất đá ong cần cỗi ấy đã thấm khô bao nhiêu nước mắt của những con người khổ đau. + Nếu ngắt theo cách <i>Đất đá ong khô/nhiều suối lệ</i>, lại có thể hiểu vùng đất ấy rất cần cỗi, cũng giống như con người ở đó, từng trải bao nhiêu khổ đau (bao nhiêu suối lệ đã tuôn). => Người đọc hoàn toàn có những cách cảm nhận khác nhau, nhờ tính đa nghĩa của ngôn ngữ thơ.			

3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Hiểu được bản chất của hai loại lỗi (lỗi logic và lỗi câu mơ hồ) để vận dụng vào thực hiện các nhiệm vụ thực tiễn.

b. Nội dung: Thực hiện bài tập vận dụng.

c. Sản phẩm: Suu tâm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu:

- Mỗi HS lập 1 sổ suu tâm những lỗi logic và lỗi mơ hồ trong đời sống và trong học tập.
- Mỗi HS lập 1 sổ suu tâm những áng thơ, văn đa nghĩa tạo nên từ việc mơ hồ về ý hoặc vi phạm logic.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

HS gửi sản phẩm vào nhóm lớp hoặc nộp bài qua phần mềm học tập.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV có thể thông báo kết quả ở đầu buổi học tiếp theo; nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS và kết luận.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Đọc lại và tự chỉnh sửa các đoạn văn viết trong các tiết học trước để tránh lỗi về logic và lỗi mơ hồ của câu.
- **Chuẩn bị bài:** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

VIẾT

Tiết:33

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ
(NHỮNG HOÀI BẢO, ƯỚC MƠ)**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- HS nắm được yêu cầu của bài nghị luận xã hội, cụ thể là bài nghị luận có định hướng về nội dung: viết về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.
- HS biết tiến hành theo các bước để viết một bài văn nghị luận đáp ứng các yêu cầu đã nêu.

2. Về năng lực

- Xác định được các bước trong quy trình viết một văn bản nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ
- Trình bày được luận điểm hợp lý, chặt chẽ; lí lẽ bằng chứng xác đáng, kết hợp hiệu quả các thao tác lập luận
- Nêu và phản bác ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề bàn luận để củng cố quan điểm người viết
- Viết được kết bài ấn tượng, thúc giục tuổi trẻ hành động

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một văn bản nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).
- Biết học hỏi, chia sẻ và không ngừng cố gắng để hoàn thiện bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Ti vi (hoặc máy chiếu), máy tính, Giấy A0, hộp giấy hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

2. Học liệu: SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối - tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

b. Nội dung hoạt động: HS quan sát video và chia sẻ về bản thân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu: 1. Quan sát video: https://www.youtube.com/watch?v=YzNgew4WMfE 2. Ước mơ, hoài bão của em là gì? Động lực nào sẽ giúp cho mơ ước đó trở thành hiện thực?	HS chia sẻ hoài bão, ước mơ, động lực của bản thân.
Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo HS xem Clip, chia sẻ hoài bão, ước mơ của bản thân.	
Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, biểu dương HS với những ước mơ, hoài bão của các em. - GV dẫn vào bài: Cái viễn cảnh “phải sống” theo ý người khác, không có ước mơ, không dám làm những thứ “khó”, cái không khí vô hình đó thật đáng sợ. Ngoảnh đi ngoảnh lại, bạn đã từ bỏ hoài bão để chạy theo cơm áo gạo tiền. Hay sự khó khăn của nền kinh tế khiến bạn chỉ nghĩ được ngắn hạn. Còn 5 năm nữa, 10 năm nữa, bạn sẽ là ai? Bạn sẽ làm gì cho cuộc đời? Đề kháng được trong bầu không khí buồn thiu ấy là	

một năng lực cần cho người trẻ để sống cuộc đời của chính mình. Ai cũng cần có hoài bão riêng. Bạn vẫn có thể chỉ là một hòn đá. Nhưng hãy là hòn đá lăn, để rêu không bám vào. Ngày hôm nay chúng ta hãy cùng nhau viết lên những ước mơ, hoài bão của tuổi trẻ bằng một bài nghị luận nhé!

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).
- HS hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

b. Nội dung hoạt động: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Hoạt động của GV và HS		Dự kiến sản phẩm																			
Nhiệm vụ 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV gọi 4 HS đọc bài viết tham khảo (Mở bài, Luận điểm 1, Luận điểm 2, Kết bài). - HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau: 1. Ở bài viết tham khảo, vấn đề gì liên quan đến tuổi trẻ được nêu để bàn luận? Người viết đặt mình vào vị trí nào để trình bày quan điểm về vấn đề này? 2. Phân tích cấu trúc nghị luận của bài viết theo mẫu: <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th><th colspan="2">Luận đề</th></tr> <tr> <th>Luận điểm</th><th>Lí lẽ và bằng chứng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td></td><td></td></tr> <tr> <td>2</td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table>		STT	Luận đề		Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng	1			2			I. Tìm hiểu chung 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo - Vấn đề bàn luận: giá trị đích thực của tuổi trẻ, tầm quan trọng của tuổi trẻ, những phẩm chất cần thiết để tuổi trẻ có ý nghĩa và giá trị. - Vị trí của người viết: + Là một nhà giáo uyên bác và giàu kinh nghiệm: Tác giả sử dụng kiến thức và hiểu biết của mình về tuổi trẻ để đưa ra những nhận định sâu sắc và chính xác. + Là một người từng trải: Tác giả hiểu sâu sắc vấn đề và đưa ra những lí lẽ xác đáng. + Là một người tâm huyết với thế hệ trẻ: Tác giả thể hiện niềm tin vào tiềm năng và sức mạnh của tuổi trẻ, đồng thời mong muốn thế hệ trẻ sống có ích và cống hiến cho đất nước. - Phân tích cấu trúc nghị luận: <table border="1"> <thead> <tr> <th rowspan="2">STT</th><th colspan="2">Luận đề</th></tr> <tr> <th>Luận điểm</th><th>Lí lẽ và bằng chứng</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td><td>Xây dựng tương lai cho tuổi</td><td> - Lí lẽ: + Thanh niên là trụ cột của một xã hội và do đó họ quyết định tương lai của bất kì xã hội nào. Thanh niên là xương sống của bất kì quốc gia nào. </td></tr> </tbody> </table>	STT	Luận đề		Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng	1	Xây dựng tương lai cho tuổi	- Lí lẽ: + Thanh niên là trụ cột của một xã hội và do đó họ quyết định tương lai của bất kì xã hội nào. Thanh niên là xương sống của bất kì quốc gia nào.
STT	Luận đề																				
	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng																			
1																					
2																					
STT	Luận đề																				
	Luận điểm	Lí lẽ và bằng chứng																			
1	Xây dựng tương lai cho tuổi	- Lí lẽ: + Thanh niên là trụ cột của một xã hội và do đó họ quyết định tương lai của bất kì xã hội nào. Thanh niên là xương sống của bất kì quốc gia nào.																			

3. Chỉ ra những thao tác nghị luận đã được phối hợp sử dụng trong bài viết. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - 4 HS nối tiếp nhau đọc văn bản. - Thảo luận cặp đôi 3 câu hỏi SGK khoảng 5-7 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - Đại diện một số cặp đôi phát biểu. - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu yêu cầu của bài văn bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (so sánh với bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu yêu cầu HS: Thảo luận nhóm hai bàn hoàn thiện bảng sau: Bảng so sánh bài nghị luận về một vấn đề xã hội và bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ <table><tr><td>Yêu cầu</td><td>Nghị luận về một vấn đề xã hội</td><td>Nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi</td></tr></table>			Yêu cầu	Nghị luận về một vấn đề xã hội	Nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi	<table><tr><td></td><td>trẻ</td><td> + Giá trị của tuổi trẻ nằm ở sự chăm chỉ, nỗ lực, dũng cảm; ở sự phấn đấu, sáng tạo, cống hiến. - Bằng chứng: + Trịnh Xuân Mươi, con thứ mười của một hộ nông dân nghèo ở Diễn Châu, Nghệ An, một mình vào Tây Nguyên lập nghiệp khi còn rất trẻ. + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh ở Hà Nội, chỉ có một cánh tay rưỡi mà từ nhỏ đã học giỏi, biết vẽ, biết chơi pi-a-nô, biết ném bóng rổ và đặc biệt là đã có thể viết tự truyện bằng tiếng Anh. + Lê Thị Thắm ở Thanh Hoá, sinh ra không có hai tay, viết bằng chân mà đã tốt nghiệp đại học, trở thành cô giáo dạy tiếng Anh miễn phí cho các bạn trẻ trong làng. </td></tr><tr><td>2</td><td>Học cách đặt mục tiêu</td><td> - Lí lẽ: + Công nghệ đang giúp bảo vệ tương lai của giới trẻ. + Tuổi trẻ gắn kết hành động toàn cầu. + Động lực, khả năng phục hồi và sự bền bỉ kết hợp các giá trị đạo đức, tạo ra những con người trưởng thành toàn diện. - Bằng chứng: + 78,6% người được hỏi ý kiến cho rằng công nghệ đang “tạo ra” chứ không phải đang “phá huỷ” việc làm. + Những thách thức toàn cầu, như đại dịch virus Corona hoặc biến đổi khí hậu, cũng như các vấn đề địa phương sẽ ảnh hưởng đến tương lai. + Giêm Dai-xon (James Dyson) đã xuất sắc khi thi chạy đường dài. </td></tr></table>		trẻ	+ Giá trị của tuổi trẻ nằm ở sự chăm chỉ, nỗ lực, dũng cảm; ở sự phấn đấu, sáng tạo, cống hiến. - Bằng chứng: + Trịnh Xuân Mươi, con thứ mười của một hộ nông dân nghèo ở Diễn Châu, Nghệ An, một mình vào Tây Nguyên lập nghiệp khi còn rất trẻ. + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh ở Hà Nội, chỉ có một cánh tay rưỡi mà từ nhỏ đã học giỏi, biết vẽ, biết chơi pi-a-nô, biết ném bóng rổ và đặc biệt là đã có thể viết tự truyện bằng tiếng Anh. + Lê Thị Thắm ở Thanh Hoá, sinh ra không có hai tay, viết bằng chân mà đã tốt nghiệp đại học, trở thành cô giáo dạy tiếng Anh miễn phí cho các bạn trẻ trong làng.	2	Học cách đặt mục tiêu	- Lí lẽ: + Công nghệ đang giúp bảo vệ tương lai của giới trẻ. + Tuổi trẻ gắn kết hành động toàn cầu. + Động lực, khả năng phục hồi và sự bền bỉ kết hợp các giá trị đạo đức, tạo ra những con người trưởng thành toàn diện. - Bằng chứng: + 78,6% người được hỏi ý kiến cho rằng công nghệ đang “tạo ra” chứ không phải đang “phá huỷ” việc làm. + Những thách thức toàn cầu, như đại dịch virus Corona hoặc biến đổi khí hậu, cũng như các vấn đề địa phương sẽ ảnh hưởng đến tương lai. + Giêm Dai-xon (James Dyson) đã xuất sắc khi thi chạy đường dài.
Yêu cầu	Nghị luận về một vấn đề xã hội	Nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi										
	trẻ	+ Giá trị của tuổi trẻ nằm ở sự chăm chỉ, nỗ lực, dũng cảm; ở sự phấn đấu, sáng tạo, cống hiến. - Bằng chứng: + Trịnh Xuân Mươi, con thứ mười của một hộ nông dân nghèo ở Diễn Châu, Nghệ An, một mình vào Tây Nguyên lập nghiệp khi còn rất trẻ. + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh ở Hà Nội, chỉ có một cánh tay rưỡi mà từ nhỏ đã học giỏi, biết vẽ, biết chơi pi-a-nô, biết ném bóng rổ và đặc biệt là đã có thể viết tự truyện bằng tiếng Anh. + Lê Thị Thắm ở Thanh Hoá, sinh ra không có hai tay, viết bằng chân mà đã tốt nghiệp đại học, trở thành cô giáo dạy tiếng Anh miễn phí cho các bạn trẻ trong làng.										
2	Học cách đặt mục tiêu	- Lí lẽ: + Công nghệ đang giúp bảo vệ tương lai của giới trẻ. + Tuổi trẻ gắn kết hành động toàn cầu. + Động lực, khả năng phục hồi và sự bền bỉ kết hợp các giá trị đạo đức, tạo ra những con người trưởng thành toàn diện. - Bằng chứng: + 78,6% người được hỏi ý kiến cho rằng công nghệ đang “tạo ra” chứ không phải đang “phá huỷ” việc làm. + Những thách thức toàn cầu, như đại dịch virus Corona hoặc biến đổi khí hậu, cũng như các vấn đề địa phương sẽ ảnh hưởng đến tương lai. + Giêm Dai-xon (James Dyson) đã xuất sắc khi thi chạy đường dài.										
			=> Cách phối hợp giữa lí lẽ và bằng chứng: + Lí lẽ được sử dụng làm nền tảng cho bài viết. Mỗi luận điểm đều được trình bày một cách logic, chặt chẽ. + Bằng chứng được sử dụng để minh hoạ cho lí lẽ, làm cho bài viết thêm sinh động và thuyết phục. Các bằng chứng được đưa ra đều cụ thể, tiêu biểu và phù hợp với luận điểm.									

		trẻ	
Nêu vấn đề			
Triển khai vấn đề	Khẳng định quan điểm		
	Củng cố quan điểm		
Kết thúc vấn đề			

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ
HS thảo luận nhóm, hoàn thiện bảng so sánh.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- GV gọi đại diện 2-3 nhóm bản trình bày kết quả.
- Nhóm khác nhận xét, bổ sung cho nhau.

Bước 4: Đánh giá, kết luận
- GV nhận xét, chốt kiến thức.

+ Sự kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng giúp bài viết vừa có tính khoa học, vừa có tính nghệ thuật.

- **Những thao tác nghị luận đã được phối hợp sử dụng trong bài viết:**

Giải thích	Giải thích khái niệm “tuổi trẻ”, giá trị của tuổi trẻ.
Phân tích	Phân tích những đặc điểm của tuổi trẻ (sức khỏe, trí tuệ, nhiệt huyết, dũng cảm, ước mơ,...); vai trò của tuổi trẻ (tuổi trẻ có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển đất nước).
Chứng minh	Chứng minh giá trị của tuổi trẻ qua các bằng chứng: + Trịnh Xuân Mười, con thứ mười của một hộ nông dân nghèo ở Diên Châu, Nghệ An, một mình vào Tây Nguyên lập nghiệp khi còn rất trẻ. + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh ở Hà Nội, Lê Thị Thắm ở Thanh Hoá, những tấm gương về tuổi trẻ vượt khó.
Bình luận	Bình luận về tầm quan trọng của việc rèn luyện ý chí, nghị lực, bản lĩnh, và lòng yêu nước cho thế hệ trẻ, bình luận về cách để tuổi trẻ có giá trị.

2. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

Yêu cầu		Nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ
Nêu vấn đề		Nêu được vấn đề có ý nghĩa, liên quan đến những hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ để bàn luận.
Triển khai vấn đề	Khẳng định quan điểm	Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm hợp lí, chặt chẽ; sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng; biết phối hợp hiệu quả các thao tác: chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh để tăng sức thuyết phục cho bài viết.

	Củng cố quan điểm	Nêu và phản bác được ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề được bàn luận nhằm củng cố quan điểm của người viết.
	Kết thúc vấn đề	Rút ra được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề. Kết bài gây ấn tượng đối với người đọc, thúc giục tuổi trẻ hành động.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).
- HS thực hành các bước để viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

b. Nội dung: HS thực hành viết theo các bước.

c. Sản phẩm: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS				Dự kiến sản phẩm					
II. Thực hành viết 1. Các bước thực hành viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: + Chọn một trong 5 đề bài SGK đã cho + Các em thực hiện nhiệm vụ theo bàn: đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau:				II. Thực hành viết 1. Các bước thực hành viết					
				Các bước		Nội dung			
				Chuẩn bị viết		Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết: (1) Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến xu hướng chọn nghề của giới trẻ; (2) Nhu cầu thưởng thức âm nhạc, phim ảnh của giới trẻ; (3) Ý thức về giới của các bạn trẻ; (4) Quyền được thử và sai lầm của giới trẻ; (4) Sống theo sở thích cá nhân và sống để phụng sự xã hội; ...			
				Tìm ý, lập dàn ý		Tìm ý		Trả lời câu hỏi: - Cần giải thích điều gì ở vấn đề vừa nêu? - Có những khía cạnh nào của vấn đề cần bình luận?	
Các bước	Nội dung								
Chuẩn bị viết									
Tìm ý, lập dàn ý	Tìm ý								
	Lập dàn ý	MB							
		TB							
		KB							

Viết				- Cần có định hướng hành động như thế nào sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề?
Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện		Lập dàn ý	MB	Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó.
			TB	- Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận. - Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Vì sao vấn đề này thiết yếu đối với tuổi trẻ? Vấn đề gọi cho tuổi trẻ những suy nghĩ và hành động như thế nào? Cần có những điều kiện gì để tuổi trẻ thực hiện yêu cầu mà vấn đề nêu ra?). - Với từng luận điểm, cần dùng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để lập luận nhằm tạo nên sức thuyết phục của bài viết. - Bình luận về sự đúng đắn, thiết thực của vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình. - Định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức về vấn đề.
			KB	Khái quát lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ với đời sống thực tại, rút ra bài học cho bản thân.
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS chia sẻ câu trả lời. - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV nhận xét, chốt kiến thức. 2. Thực hành viết Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV nêu vấn đề: Các em viết bài văn hoàn chỉnh Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS đọc bài viết trước lớp - HS khác bổ sung. Bước 4: Đánh giá, kết luận - GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric và dàn ý tham khảo.		Viết	- Khi viết bài, cần bám sát dàn ý để triển khai tuần tự các luận điểm, đảm bảo tính mạch lạc và sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các đoạn. - Bàn về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, cần viết với tâm thế của người trong cuộc, trong lập luận, cần khai thác dẫn chứng gắn với các mặt trong đời sống tuổi trẻ, từ những trải nghiệm của bản thân, tránh theo khuôn mẫu, công thức chung chung. - Luôn chú ý phối hợp các thao tác nghị luận và các yếu tố hỗ trợ như tự sự, biểu cảm để tăng	

		sức hấp dẫn và thuyết phục cho bài văn. - Cần nhận thức rõ: Vấn đề liên quan đến tuổi trẻ không đồng nghĩa với vấn đề của riêng tuổi trẻ. Vấn đề được chọn làm đề tài của bài viết cũng có thể liên quan đến mọi thành viên của cộng đồng. Tuy nhiên, khi viết bài, cần biết triển khai luận điểm từ góc nhìn của tuổi trẻ và chú ý khai thác những điều có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến tuổi trẻ.										
	Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện	Đọc lại bài văn đã viết, đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở bước chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý để kiểm tra và chỉnh sửa theo gợi ý sau: <table><tr><th>Nội dung</th><th>Yêu cầu cụ thể</th></tr><tr><td rowspan="3">Bố cục ba phần</td><td>Mở bài: Vấn đề đời sống liên quan đến tuổi trẻ được trình bày như thế nào?</td></tr><tr><td>Thân bài: - Các khía cạnh của vấn đề được triển khai thành các luận điểm không? - Có hiện tượng mất cân đối giữa các luận điểm không? - Các phối hợp các thao tác nghị luận không?</td></tr><tr><td>Kết bài: Đã liên hệ với đời sống, nêu phương hướng hành động sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề chưa?</td></tr><tr><td>Các lỗi còn mắc</td><td>- Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý. - Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt.</td></tr><tr><td>Đánh giá chung</td><td>- Bài viết đáp ứng</td></tr></table>	Nội dung	Yêu cầu cụ thể	Bố cục ba phần	Mở bài: Vấn đề đời sống liên quan đến tuổi trẻ được trình bày như thế nào?	Thân bài: - Các khía cạnh của vấn đề được triển khai thành các luận điểm không? - Có hiện tượng mất cân đối giữa các luận điểm không? - Các phối hợp các thao tác nghị luận không?	Kết bài: Đã liên hệ với đời sống, nêu phương hướng hành động sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề chưa?	Các lỗi còn mắc	- Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý. - Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt.	Đánh giá chung	- Bài viết đáp ứng
Nội dung	Yêu cầu cụ thể											
Bố cục ba phần	Mở bài: Vấn đề đời sống liên quan đến tuổi trẻ được trình bày như thế nào?											
	Thân bài: - Các khía cạnh của vấn đề được triển khai thành các luận điểm không? - Có hiện tượng mất cân đối giữa các luận điểm không? - Các phối hợp các thao tác nghị luận không?											
	Kết bài: Đã liên hệ với đời sống, nêu phương hướng hành động sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề chưa?											
Các lỗi còn mắc	- Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý. - Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt.											
Đánh giá chung	- Bài viết đáp ứng											

			yêu cầu đạt mức độ nào? - Những khó khăn hoặc hứng thú khi thực hành bài viết.
2. Thực hành viết Sản phẩm: Bài viết của HS			

Phụ lục 1: RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT

TIÊU CHÍ	CẦN CỐ GẮNG (0 – 4 điểm)	ĐẠT YÊU CẦU (5 – 7 điểm)	BÀI LÀM TỐT (8 – 10 điểm)
Hình thức (3 điểm)	Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả.	Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp. Trình bày thuyết phục được người nghe.
Nội dung (7 điểm)	Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao.	Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra. Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo.
Điểm	0 – 4 điểm	5 – 7 điểm	8 – 10 điểm
TỔNG	10		

Phụ lục 2: DÀN Ý THAM KHẢO

Viết bài văn nghị luận về: *Thái độ trước lỗi lầm của bản thân*

I. Mở bài

Giới thiệu vấn đề nghị luận: *Thái độ trước lỗi lầm của bản thân*

II. Thân bài

1. Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận:

- *Lỗi lầm* xuất phát từ hành động chưa đúng, tạo ra hậu quả cho bản thân và xã hội.
- *Thái độ trước lỗi lầm của bản thân*: Chính là sự tự quyết định trong ý thức và trong hành động của chính mình trước lỗi lầm mà mình đã gây ra, hoặc tự bao biện dung túng, hoặc giảng xé, dằn vặt, hoặc quyết tâm sửa chữa loại bỏ sai lầm của chính mình.

2. Trình bày các khía cạnh của vấn đề thành từng luận điểm, cần dùng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để lập luận nhằm tạo nên sức thuyết phục của bài viết:

- Trong cuộc sống không ai tránh khỏi được sai lầm, sai lầm là điều tất yếu.
- Sai lầm là hậu quả của sự thiếu suy nghĩ, mất bình tĩnh, nóng giận và sau mỗi sai lầm ta luôn nhận ra những bài học bổ ích khác trong cuộc sống.

- Sai lầm khiến ta biết mình còn đang khiếm khuyết ở đâu để sửa chữa và khắc phục lỗi.
- Sai lầm thường gây mất lòng tin từ người xung quanh, ảnh hưởng đến cả môi trường xã hội.
- Điều quan trọng là họ cần phải biết nhận ra sai lầm và có thái độ nhìn nhận thẳng vào sai lầm của bản thân để sửa chữa và rút kinh nghiệm quý báu từ những sai lầm để tránh mắc phải chúng.
- Con người không nên sợ vấp phải sai lầm mà thu mình, không dám đối mặt với thử thách. Hãy kiên cường, dũng cảm nhận sai phạm của bản thân, tự chịu trách nhiệm về hành động của bản thân, không trách người khác.
- Từ đó, lập kế hoạch cụ thể để khắc phục và tiếp tục hành trình đúng đắn.
- Đôi khi ta cũng phải tự tha thứ cho bản thân để còn giữ được niềm tin vào cuộc đời

3. Bình luận về sự đúng đắn, thiết thực của vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình:

Trong xã hội vẫn còn có nhiều người khi gây ra lỗi lầm không biết sửa chữa, nhận lỗi về mình; lại có những người vì lợi ích của bản thân mà cố ý gây ra lỗi lầm, tổn thương cho người khác,... những người này đáng bị xã hội chỉ trích, phê phán.

4. Định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức về vấn đề:

Người biết nhận lỗi và sửa lỗi là người biết nhìn nhận thực tế, sẽ được người khác nhìn nhận và đánh giá cao.

III. Kết bài: Khái quát lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ với đời sống thực tại, rút ra bài học cho bản thân.

Trong cuộc sống, chúng ta không tránh khỏi những lúc mắc sai lầm, phạm phải nhiều lỗi lầm theo những mức độ khác nhau, việc nhận lỗi và sửa chữa chúng sẽ khiến bản thân ta tốt lên từng ngày, hoàn thiện nhân cách đồng thời lấy lại niềm tin của người khác đối với bản thân mình.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức.
- b. Nội dung:** Thực hiện phóng sự về các vấn đề mà tuổi trẻ quan tâm hoặc ảnh hưởng trực tiếp tới tuổi trẻ.
- c. Sản phẩm:** Clip của HS theo yêu cầu của GV.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV nêu yêu cầu: Thực hiện phóng sự về các vấn đề mà tuổi trẻ quan tâm hoặc ảnh hưởng trực tiếp tới tuổi trẻ.

- Gửi bài cho CLB Truyền thông nhà trường.
- Căn cứ đánh giá: Bài được chọn đăng và có số lượt chia sẻ, like nhiều nhất trong tuần đầu tiên.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, tổng kết trao giải trong bài học sau.

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- HS hoàn thiện các bài tập còn lại.
- **Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

NÓI VÀ NGHE

Tiết 34

THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: HS nắm vững và chủ động thực hiện việc chuẩn bị để tiến hành một bài thuyết trình về một chủ đề cụ thể, trước đối tượng người nghe xác định.

2. Về năng lực: HS phải trình bày được bài thuyết trình đúng chủ đề, thời gian quy định (trong tư cách người nói) và nắm bắt, phản hồi được nội dung thuyết trình (trong tư cách người nghe).

3. Về phẩm chất

- Thể hiện được thái độ cầu thị trong khi trao đổi, tự tin thể hiện bản thân, chủ động, tích cực, có văn hóa
- Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.
- Có tư duy phản biện

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính,...

2. Học liệu: SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.
- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - HS xem Clip: https://www.youtube.com/watch?v=cs00vvt15ag - GV nêu vấn đề: + Nội dung xoay quanh vấn đề gì? + Giọng nói có truyền cảm không? + Điều bộ có tự tin, nét mặt có biểu cảm không? + Cách bắt đầu và kết thúc có hấp dẫn không? Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo - HS xem Clip và xung phong trả lời câu hỏi. - GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả. - HS khác lắng nghe, bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá, kết luận Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới. <i>Có bao giờ bạn lắng nghe bài hùng biện của một người nổi tiếng và cảm thấy thật ấn tượng?</i> <i>Có phải vì khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách logic, thuyết phục và truyền cảm hứng của họ luôn khiến chúng ta cảm thấy thu hút?</i> <i>Vậy, ta học được gì từ họ để có thể cải thiện được kỹ năng này?</i>	HS xem Clip và thể hiện ý kiến cá nhân.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: HS xác định được yêu cầu và các bước để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

b. Nội dung: Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và các bước để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
I. CHUẨN BỊ NÓI *Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.	I. CHUẨN BỊ NÓI 1. Yêu cầu của kiểu bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ * Một số yêu cầu cần lưu ý

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV nêu yêu cầu: Cần lưu ý gì khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ? Bước 2 +3: Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ HS đọc SGK, thảo luận cặp đôi 2 phút và báo cáo HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức. *Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị các bước thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu: - Lớp chia thành nhiều nhóm (căn cứ theo sự lựa chọn đề tài viết ở tiết học trước) - Các nhóm xây dựng quy trình thuyết trình về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK, tài liệu tham khảo và thảo luận nhóm, hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu 1 – 2 nhóm trình bày dàn ý đã xây dựng, chỉnh sửa, các nhóm khác góp ý, bổ sung. - GV yêu cầu thực hành luyện nói trong nhóm, góp ý cho nhau trước khoảng 5 phút. Bước 4: Đánh giá, kết luận GV nhận xét phần làm việc các nhóm, chốt kiến thức.	- Nêu được vấn đề có ý nghĩa để thuyết trình. - Xác định được mối liên hệ giữa vấn đề với đời sống của giới trẻ. - Làm rõ được từng khía cạnh của vấn đề, đánh giá được tính tích cực hay tiêu cực của các cách nhìn nhận về vấn đề. - Đảm bảo tính cụ thể, chính xác của các thông tin liên quan đến vấn đề. - Rút ra được ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề. * Những lưu ý khi thuyết trình - Tư thế, tác phong tự tin, đĩnh đạc. - Giới thiệu vấn đề sinh động, hấp dẫn. - Kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ, các phương tiện, thiết bị như loa, đài, máy chiếu,... 2. Chuẩn bị các bước thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. a. Lựa chọn đề tài - Lựa chọn đề tài đã triển khai ở phần <i>Viết</i> - Lựa chọn đề tài mới b. Tìm ý và sắp xếp ý - Lựa chọn đề tài đã triển khai ở phần <i>Viết</i>, điều chỉnh cho phù hợp với hoạt động nói và nghe. - Lựa chọn đề tài mới, có thể tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi: + Bản chất của vấn đề là gì? + Vấn đề có liên quan như thế nào đến đời sống của giới trẻ? + Những khía cạnh nào của vấn đề cần làm rõ? + Cần định hướng hoạt động như thế nào sau khi đã nhận thức rõ về vấn đề?
--	--

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS trình bày được bài thuyết trình bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ; biết lắng nghe và trao đổi.
- b. Nội dung:** HS trình bày bài nói đã chuẩn bị ở bài viết và nhận xét, trao đổi về bài nói.
- c. Sản phẩm:** Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV lưu ý HS các bước chuẩn bị để có bài	II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ

thuyết trình tốt, lưu ý HS tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục.

- HS trình bày bài nói, mỗi HS từ 5 – 7 phút.
- HS còn lại lắng nghe, ghi chép vào vở, nhận xét về bài nói trên các tiêu chí trong phiếu nhận xét:

PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?	

PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?	
2	Có tích cực ghi chép không?	
3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?	

1. Thực hành nói

Tham khảo bài thuyết trình về: *Thái độ trước lỗi lầm của bản thân* (bên dưới)

2. Trao đổi, đánh giá

a. Trao đổi

Người nghe	Người nói
Người nghe có thể nhận xét về sự cần thiết của vấn đề được đề cập, sức thuyết phục của bài thuyết trình, độ chính xác của các thông tin đã nêu, cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có khía cạnh nào chưa rõ, yêu cầu người nói giải thích thêm.	Người nói cần làm rõ thêm những ý mà người nghe nêu thắc mắc, trao đổi lại các ý kiến đánh giá về nội dung và cách thực hiện bài thuyết trình.

b. Đánh giá

PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét
1	Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không?	
2	Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không?	
3	Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không?	
4	Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không?	
5	Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không?	

PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI		
STT	Tiêu chí	Nhận xét

4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?		1	Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa?	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS kiểm tra, rà soát lại bài nói khoảng 2 phút Bước 3: Báo cáo, thảo luận - GV gọi 2-3 HS lên trình bày - HS khác thực hiện nhiệm vụ nghe, ghi chép, trao đổi và hoàn thành phiếu Bước 4: Đánh giá, kết luận GV tổng hợp nhận xét và đánh giá bài thuyết trình của HS theo bảng kiểm (bên dưới)			2	Có tích cực ghi chép không?	
			3	Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không?	
			4	Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa?	

Tham khảo bài thuyết trình về: Thái độ trước lỗi lầm của bản thân

Xin chào các bạn!

Bạn chọn sai ngành học, bạn trao tình yêu nhầm người, bạn làm một công việc không như ý muốn... Tất cả không thành vấn đề. Bạn còn trẻ và bạn luôn có quyền lựa chọn lại, quyết định lại. Tuổi trẻ là để trải nghiệm và lựa chọn. Vì khi đó bạn còn tự do, còn thời gian, và còn sức khỏe. Bạn có quyền tự chọn lựa cuộc sống cho mình, tự thay đổi, tự đứng dậy sau mỗi thất bại, tự rút ra kinh nghiệm sau mỗi sai lầm của bản thân.

Vậy chúng ta nên có thái độ như thế nào trước lỗi lầm của chính mình, trước hết, tôi xin chia sẻ sự hiểu biết của bản thân về khái niệm lỗi lầm và thái độ trước lỗi lầm để từ đó làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận.

Lỗi lầm - ta có thể hiểu đó là hậu quả xuất phát từ hành động chưa đúng. Hậu quả này gây ảnh hưởng tiêu cực cho bản thân và xã hội.

Còn thái độ trước lỗi lầm của bản thân được xem là sự tự quyết định trong ý thức và trong hành động của chính mình trước lỗi lầm mà mình đã gây ra, hoặc tự bao biện dung túng, hoặc giằng xé, dằn vặt, hoặc quyết tâm sửa chữa loại bỏ sai lầm của chính mình.

Từ việc hiểu các khái niệm cơ bản, chúng ta cần đi sâu vào vấn đề. Tiếp ngay sau đây, tôi xin trình bày cụ thể các khía cạnh của vấn đề:

Rõ ràng là trong cuộc sống không ai tránh khỏi được sai lầm, sai lầm là điều tất yếu. Sai lầm chính là là hậu quả của sự thiếu suy nghĩ, mất bình tĩnh, nóng giận. Sai lầm của ta khiến ta thất bại lại còn có thể gây mất lòng tin từ người xung quanh, ảnh hưởng đến cả môi trường xã hội.

Tuy vậy, sau mỗi sai lầm ta luôn nhận ra những bài học bổ ích khác trong cuộc sống. Chính những sai lầm khiến ta biết mình còn đang khiếm khuyết ở đâu để sửa chữa và khắc phục. Bởi vậy, trước sai lầm ta cần có thái độ nhìn nhận thẳng và sẵn sàng sửa chữa, rồi từ đó rút kinh nghiệm quý báu cho chính mình.

Như vậy, mỗi chúng ta không nên sợ vấp phải sai lầm mà thu mình, không dám đối mặt với thử thách. Hãy kiên cường, dũng cảm nhận sai phạm của bản thân, tự chịu trách nhiệm về

hành động của bản thân, không trách người khác. Từ đó, lập kế hoạch cụ thể để khắc phục và tiếp tục hành trình đúng đắn. Đối với chính bản thân mình cũng vậy, đôi khi ta cũng phải tự tha thứ cho bản thân để còn giữ được niềm tin vào cuộc đời.

Một số ví dụ quen thuộc, không hề xa lạ với các bạn:

Ê - đi - xon làm thí nghiệm bóng đèn tới 9999 lần, nghĩa là ông đã sửa sai 10.000 lần, cuối cùng đem đến cho nhân loại ánh sáng.

Trên hành trình cứu nước, Bác đã nhìn thấy sai lầm của những người đi trước nên Người đã chọn con đường mới để đem lại hòa bình cho dân tộc.

Rõ ràng, thành công không đến dễ dàng, trước khi đến với thành công, ta đã phải đối mặt với thất bại nhiều lần do những quyết định sai lầm. Nhưng ta cần phải biết rút ra kinh nghiệm từ chính lỗi lầm của mình và từ sai lầm của người khác.

Nhưng các bạn biết không, trong xã hội vẫn còn có nhiều người khi gây ra lỗi lầm không biết sửa chữa, nhận lỗi về mình; lại có những người vì lợi ích của bản thân mà cố ý gây ra lỗi lầm, tổn thương cho người khác,... những người này đáng bị xã hội chỉ trích, phê phán.

Bởi vậy, mỗi chúng ta cần định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức được vấn đề: chúng ta cần phải biết nhận lỗi và sửa lỗi, phải biết nhìn nhận thực tế; chỉ như thế ta mới có thể được người khác nhìn nhận, trân trọng và đánh giá cao.

Trong cuộc sống, chúng ta không tránh khỏi những lúc mắc sai lầm, phạm phải nhiều lỗi lầm theo những mức độ khác nhau, việc nhận lỗi và sửa chữa chúng sẽ khiến bản thân ta tốt lên từng ngày, hoàn thiện nhân cách đồng thời lấy lại niềm tin của người khác đối với bản thân mình.

Xin cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý theo dõi bài thuyết trình! Em mong muốn nhận được những góp ý từ thầy cô và các bạn!

Bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình của HS:

STT	Tiêu chí	Mức độ		
		Chưa đạt (0 điểm)	Đạt (1 điểm)	Tốt (2 điểm)
1	Nội dung xoay quanh vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.	Nội dung sơ sài, chưa có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề.	Có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề.	Vấn đề hấp dẫn, tính giáo dục cao.
2	Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe, nói ngập ngừng, lắp.	Nói to, nhưng đôi chỗ lắp lại hoặc ngập ngừng.	Nói to, truyền cảm, không lắp lại hay ngập ngừng.
3	Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm, biểu cảm chưa phù hợp.	Điều bộ tự tin, vào người nghe; biểu cảm chưa phù hợp với nội dung vấn đề.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
4	Mở đầu và kết thúc hợp lý.	Không chào hỏi hoặc không có lời	Có chào hỏi, có lời kết thúc nhưng	Chào hỏi, kết thúc bài nói rất ấn tượng.

		kết thúc bài nói.	chưa ấn tượng.	
ĐIỂM	Tổng điểm:/10			

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.

b. Nội dung: Tổ chức cuộc thi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ và lưu lại thành video.

c. Sản phẩm: Video giới thiệu.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

Nhiệm vụ về nhà: Hãy thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Lưu thành video clip).

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà theo hình thức cá nhân hoặc làm việc theo nhóm tự chọn.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

GV trình chiếu một số video clip của HS vào đầu buổi học tiếp theo hoặc trong hoạt động ngoại khóa và tổ chức cho HS lựa chọn những video clip xuất sắc để lấy điểm quá trình.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV nhận xét, đánh giá về buổi thi thuyết trình của HS và kết luận.

5. HOẠT ĐỘNG 5: Củng cố, mở rộng (Cả bài 3)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

b. Nội dung:

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.
- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia 5 nhóm thảo luận 5 câu hỏi:

Câu hỏi thảo luận nhóm:

Câu 1. Các văn bản đọc của bài (*Nhìn về vốn văn hoá dân tộc*, *Năng lực sáng tạo*, *Mấy ý nghĩ về thơ*) giúp bạn hiểu như thế nào về mối quan hệ giữa luận đề và các luận điểm trong bài văn nghị luận?

Câu 2. Dựa vào các văn bản đọc trong bài, hãy làm rõ tầm quan trọng của vấn đề lập luận trong văn nghị luận.

Câu 3. So sánh nội dung nghị luận và các thao tác được sử dụng ở hai văn bản *Năng lực sáng tạo* và *Mấy ý nghĩ về thơ*.

Câu 4. Cho đề tài: *Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng mà tuổi trẻ cần trau dồi để có được khả năng sáng tạo*.

- a. Tìm ý và lập dàn ý cho đề tài trên.
- b. Viết thành văn phần *Mở bài* và ý tiếp theo thuộc phần *Thân bài*.

c. Chuyển dàn ý bài viết thành dàn ý bài thuyết trình, dựa vào đó để tập luyện nói.

Câu 5. Tìm đọc thêm hai văn bản nghị luận xã hội và hai văn bản nghị luận văn học đề cập những vấn đề liên quan đến nội dung các văn bản đọc trong bài. Lập bảng, ghi ngắn gọn những thông tin cơ bản: luận đề, các luận điểm, các thao tác lập luận của từng văn bản.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.

- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

Bước 4: Đánh giá, kết luận

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

GỢI Ý TRẢ LỜI

Câu 1. Các văn bản đọc của bài (*Nhìn về vốn văn hoá dân tộc*, *Năng lực sáng tạo*, *Mấy ý nghĩ về thơ*) giúp em hiểu về mối quan hệ giữa luận đề và các luận điểm trong bài văn nghị luận như sau:

a. Khái niệm:

- Luận đề: là ý kiến chủ đạo, quan điểm của người viết về vấn đề nghị luận.

- Luận điểm: là những ý kiến nhỏ, những lập luận được đưa ra để làm sáng tỏ, chứng minh cho luận đề.

b. Mối quan hệ:

- Luận điểm là cơ sở để hình thành luận đề: Luận đề được khái quát từ các luận điểm.

- Luận đề bao hàm các luận điểm: Luận điểm cụ thể hóa, triển khai luận đề.

- Luận điểm và luận đề có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ lẫn nhau: Luận điểm làm sáng tỏ luận đề, luận đề bao hàm và thống nhất các luận điểm.

c. Phân tích mối quan hệ qua các văn bản đọc:

*** *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*:**

- Luận đề: Vốn văn hóa dân tộc là một nguồn tài nguyên quý báu, là nền tảng cho sự phát triển của đất nước.

- Luận điểm:

+ Vốn văn hóa dân tộc bao gồm những giá trị tinh thần và vật chất do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử.

+ Vốn văn hóa dân tộc có vai trò quan trọng trong việc định hình bản sắc dân tộc, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội.

+ Cần bảo tồn và phát huy vốn văn hóa dân tộc.

*** *Năng lực sáng tạo*:**

- Luận đề: Năng lực sáng tạo là một phẩm chất quan trọng cần thiết cho mỗi người trong cuộc sống hiện đại.

- Luận điểm:

+ Năng lực sáng tạo là khả năng tạo ra cái mới, cái khác biệt từ những cái đã có.

+ Năng lực sáng tạo giúp con người giải quyết vấn đề hiệu quả, đạt được thành công trong cuộc sống.

+ Cần rèn luyện năng lực sáng tạo thông qua học tập, rèn luyện và thực hành.

*** Mấy ý nghĩ về thơ:**

- Luận đề: Thơ ca là một loại hình nghệ thuật có sức ảnh hưởng to lớn đến đời sống con người.

- Luận điểm:

+ Thơ ca giúp con người bộc lộ tình cảm, suy nghĩ, thể hiện quan điểm về cuộc sống.

+ Thơ ca giúp con người thanh lọc tâm hồn, hướng đến cái đẹp, cái cao thượng.

+ Cần đọc và sáng tác thơ để nâng cao đời sống tinh thần.

=> Kết luận:

- Luận đề và luận điểm là hai yếu tố quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với nhau trong văn bản nghị luận.

- Việc hiểu rõ mối quan hệ này giúp người viết xây dựng bài văn chặt chẽ, logic và có sức thuyết phục.

Câu 2. Tầm quan trọng của vấn đề lập luận trong văn bản nghị luận

a. Lập luận là yếu tố cốt lõi của văn bản nghị luận:

- Mục đích chính của văn bản nghị luận là thuyết phục người đọc về một quan điểm, ý kiến nào đó.

- Để thuyết phục được người đọc, người viết cần sử dụng các lí lẽ, dẫn chứng logic, chặt chẽ để làm sáng tỏ luận điểm của mình.

- Lập luận chính là quá trình trình bày các lí lẽ, dẫn chứng ấy một cách khoa học, rõ ràng.

b. Lập luận giúp bài viết có sức thuyết phục:

- Một bài văn nghị luận có lập luận chặt chẽ, logic sẽ khiến người đọc tin tưởng vào quan điểm của người viết.

- Ngược lại, một bài văn thiếu lập luận, hoặc lập luận lỏng lẻo, thiếu logic sẽ không có sức thuyết phục, khiến người đọc không tin tưởng vào quan điểm của người viết.

c. Lập luận giúp người viết rèn luyện tư duy logic:

- Khi lập luận, người viết cần phải suy nghĩ một cách logic, chặt chẽ để sắp xếp các lí lẽ, dẫn chứng theo một trình tự hợp lí.

- Quá trình lập luận giúp người viết rèn luyện khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin.

d. Lập luận giúp người viết nâng cao kỹ năng viết:

- Để lập luận hiệu quả, người viết cần sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác, rõ ràng, mạch lạc.

- Quá trình lập luận giúp người viết rèn luyện kỹ năng sử dụng từ ngữ, câu văn, lập đoạn một cách hiệu quả.

e. Lập luận giúp người viết thể hiện quan điểm cá nhân:

- Thông qua lập luận, người viết thể hiện quan điểm, suy nghĩ của mình về vấn đề nghị luận.

- Lập luận giúp người viết khẳng định bản thân và tạo ấn tượng với người đọc.

=> Kết luận:

Lập luận là một trong những yếu tố quan trọng nhất của văn bản nghị luận. Lập luận giúp bài viết có sức thuyết phục, giúp người viết rèn luyện tư duy logic và kỹ năng viết, đồng thời giúp người viết thể hiện quan điểm cá nhân.

Câu 3. So sánh nội dung nghị luận và các thao tác được sử dụng ở hai văn bản *Năng lực sáng tạo* và *Mấy ý nghĩ về thơ*:

Văn bản	Năng lực sáng tạo	Mấy ý nghĩ về thơ
Nội dung	Khái niệm, vai trò, biểu hiện, cách rèn luyện năng lực sáng tạo.	Khái niệm, vai trò, đặc điểm, mối quan hệ giữa thơ và đời sống.
Thao tác	Giải thích, phân tích, chứng minh, sử dụng dẫn chứng, so sánh, liên hệ.	Giải thích, phân tích, chứng minh, sử dụng dẫn chứng, so sánh, liên hệ.
Nhận xét	Tập trung vào việc phân tích vai trò và biểu hiện của năng lực sáng tạo, đồng thời đưa ra các giải pháp để rèn luyện năng lực sáng tạo.	Tập trung vào việc phân tích vai trò và đặc điểm của thơ, đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa thơ và đời sống.
	Mặc dù có sự khác biệt về nội dung, hai văn bản <i>Năng lực sáng tạo</i> và <i>Mấy ý nghĩ về thơ</i> đều sử dụng các thao tác nghị luận một cách hiệu quả để làm sáng tỏ luận điểm của mình.	

Câu 4. Tư duy và tưởng tượng - Chìa khóa cho khả năng sáng tạo của tuổi trẻ

a. Tìm ý và lập dàn ý:

I. Mở bài:

- Giới thiệu về tầm quan trọng của tuổi trẻ và vai trò của tư duy, tưởng tượng trong sáng tạo.
- Nêu luận điểm chính: *Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng mà tuổi trẻ cần trau dồi để có được khả năng sáng tạo.*

II. Thân bài:

1. Giải thích:

- Khái niệm:
 - + Tư duy: khả năng suy nghĩ, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.
 - + Tưởng tượng: khả năng hình dung những điều không có thật, sáng tạo ra những ý tưởng mới.
- Mối quan hệ giữa tư duy và tưởng tượng:
 - + Tư duy là nền tảng cho tưởng tượng.
 - + Tưởng tượng giúp mở rộng tư duy, khơi nguồn sáng tạo.

2. Chứng minh:

- Vai trò của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo:
 - + Giúp con người tìm ra những giải pháp mới, độc đáo cho vấn đề.
 - + Thúc đẩy sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật.
 - + Góp phần xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn.
- Biểu hiện của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo:
 - + Khả năng đặt câu hỏi, tìm tòi, khám phá.

- + Khả năng liên tưởng, sáng tạo ý tưởng mới.
- + Khả năng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.
- Dẫn chứng:
 - + Ví dụ về những người thành công nhờ tư duy và tưởng tượng sáng tạo.
 - + Thành tựu khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật được sáng tạo từ tư duy và tưởng tượng.

3. Phân tích:

- Tại sao tuổi trẻ cần trau dồi tư duy và tưởng tượng?
- + Tuổi trẻ có nhiều năng lượng, nhiệt huyết và sẵn sàng tiếp thu cái mới.
- + Tuổi trẻ cần trang bị cho mình những năng lực cần thiết để phát triển trong tương lai.
- + Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng giúp tuổi trẻ thành công.
- Cách trau dồi tư duy và tưởng tượng:
 - + Đọc sách, học tập, nghiên cứu.
 - + Rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo.
 - + Tham gia các hoạt động kích thích tư duy và tưởng tượng.

III. Kết bài:

- Khẳng định lại luận điểm.
- Nêu lời kêu gọi: Tuổi trẻ cần ý thức được tầm quan trọng của tư duy và tưởng tượng, trau dồi những năng lực này để phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

b. Viết thành văn phần Mở bài và ý tiếp theo thuộc phần Thân bài:

Mở bài:

Tuổi trẻ là giai đoạn đẹp nhất của cuộc đời, là quãng thời gian tràn đầy sức sống, nhiệt huyết và ước mơ. Đây cũng là giai đoạn quan trọng để mỗi người hình thành và phát triển những năng lực cần thiết cho tương lai. Trong số đó, tư duy và tưởng tượng là hai năng lực vô cùng quan trọng đóng vai trò chìa khóa cho khả năng sáng tạo.

Thân bài:

1. Giải thích:

- Tư duy: là khả năng suy nghĩ, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề. Tư duy bao gồm nhiều khía cạnh như tư duy logic, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo,...
- Tưởng tượng: là khả năng hình dung những điều không có thật, sáng tạo ra những ý tưởng mới. Tưởng tượng giúp con người vượt ra khỏi những khuôn khổ, giới hạn, mở rộng tầm nhìn và khơi nguồn cảm hứng sáng tạo.

c. Chuyển dàn ý bài viết thành dàn ý bài thuyết trình:

Đề tài: Tư duy và tưởng tượng - Chìa khóa cho khả năng sáng tạo của tuổi trẻ

I. Mở bài:

1. Giới thiệu:

- Chào mừng các bạn đến với buổi thuyết trình của tôi về chủ đề *Tư duy và tưởng tượng - Chìa khóa cho khả năng sáng tạo của tuổi trẻ*.
- Tuổi trẻ là giai đoạn quan trọng để hình thành và phát triển những năng lực cần thiết cho tương lai.

- Trong số đó, tư duy và tưởng tượng là hai năng lực vô cùng quan trọng đóng vai trò chìa khóa cho khả năng sáng tạo.

2. Nêu luận điểm:

- Luận điểm 1: Tư duy và tưởng tượng là gì?
- Luận điểm 2: Vai trò của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo.
- Luận điểm 3: Tại sao tuổi trẻ cần trau dồi tư duy và tưởng tượng?
- Luận điểm 4: Cách trau dồi tư duy và tưởng tượng.

II. Thân bài:

1. Giải thích:

- *Tư duy:*

+ Khái niệm: khả năng suy nghĩ, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.

+ Các khía cạnh: tư duy logic, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo,...

- *Tưởng tượng:*

+ Khái niệm: khả năng hình dung những điều không có thật, sáng tạo ra những ý tưởng mới.

+ Vai trò: khơi nguồn cảm hứng, ý tưởng mới cho sáng tạo; giúp con người vượt ra khỏi những khuôn khổ, giới hạn, tìm ra những giải pháp độc đáo.

2. Chứng minh:

Vai trò của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo:

- *Tư duy:*

+ Cung cấp nền tảng kiến thức, kỹ năng để con người có thể sáng tạo.

+ Giúp con người phân tích vấn đề, đánh giá ý tưởng và đưa ra giải pháp sáng tạo.

- *Tưởng tượng:*

+ Khơi nguồn cảm hứng, ý tưởng mới cho sáng tạo.

+ Giúp con người vượt ra khỏi những khuôn khổ, giới hạn, tìm ra những giải pháp độc đáo.

Dẫn chứng:

- Albert Einstein: “Tưởng tượng quan trọng hơn kiến thức. Kiến thức chỉ giới hạn trong những gì chúng ta biết, trong khi tưởng tượng bao hàm cả thế giới mà chúng ta chưa biết.”

- Marie Curie: “Nhà khoa học không phải là người chỉ biết thu thập những con số, mà còn là người biết mơ ước và tưởng tượng.”

- Ví dụ về những người thành công nhờ tư duy và tưởng tượng sáng tạo:

+ Elon Musk: nhà sáng lập SpaceX và Tesla.

+ Bill Gates: nhà sáng lập Microsoft.

+ J.K. Rowling: tác giả bộ truyện Harry Potter.

3. Phân tích: Tại sao tuổi trẻ cần trau dồi tư duy và tưởng tượng?

- Tuổi trẻ có nhiều năng lượng, nhiệt huyết và sẵn sàng tiếp thu cái mới.

- Tuổi trẻ cần trang bị cho mình những năng lực cần thiết để phát triển trong tương lai.

- Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng giúp tuổi trẻ thành công.

4. Giải pháp: Cách trau dồi tư duy và tưởng tượng:

- Đọc sách, học tập, nghiên cứu:

+ Đọc sách giúp mở rộng kiến thức, kích thích tư duy và tưởng tượng.

- + Học tập và nghiên cứu giúp trau dồi kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo.
- Rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo:
- + Tham gia các khóa học, hội thảo về tư duy sáng tạo.
- + Luyện tập giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.
- Tham gia các hoạt động kích thích tư duy và tưởng tượng:
- + Tham gia các hoạt động nghệ thuật, sáng tạo.
- + Du lịch, khám phá những địa điểm mới.
- + Giao lưu, học hỏi với những người có tư duy sáng tạo.

III. Kết bài:

1. Khẳng định lại luận điểm:

- Tư duy và tưởng tượng là hai năng lực vô cùng quan trọng đóng vai trò chìa khóa cho khả năng sáng tạo.
- Tuổi trẻ cần ý thức được tầm quan trọng của tư duy và tưởng tượng, trau dồi những năng lực này để phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

2. Lời kêu gọi:

- Hãy trau dồi tư duy và tưởng tượng.

Câu 5. HS tự hoàn thiện ở nhà theo gợi ý:

Loại văn bản	Tên văn bản	Luận đề	Luận điểm	Thao tác lập luận
Nghị luận xã hội	1.			
	2.			
Nghị luận văn học	3.			
	4.			

HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.
- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.
- Chuẩn bị bài 4: Yếu tố kì ảo trong truyện kể.